

LÊ VĂN TRƯỞNG

TÔI THÀU KHOẢN

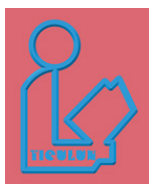


**BA THÁNG
Ở TRUNG HOA**

TỦ SÁCH TAO ĐÀN
NHÀ XUẤT BẢN TÂN DÂN

**tôi thầu khoán
(ba tháng ở Trung Hoa)**

Lê Văn Trương



tôi thầu khoán

Lê Văn Trương

Bìa: *M. C. P*

Nguồn: *Gallica.bnf.fr*

tôi thầu khoán

LÊ VĂN TRƯỞNG



TỦ SÁCH TAO ĐÀN

TXuất bản - 1940

Kính tặng thân phụ,

*Người đã dạy con biết sống một cuộc
đời nguy nan.*

Tặng anh Lê Vỹ,

*Người đã cùng em sống những phút
cháy lòng.*

Trăng sỉ nhất khứ

Có những đêm, người ta thấy mệt, và buồn. Càng mệt và càng buồn khi cúi mình lắng nghe trái tim, trái tim là một trống rỗng, mà nhìn quanh mình? Thì:

Lòng không có chốn để buông neo¹.

Ba giờ sáng, tôi ở nhà hát bước ra, rượu say, phiện say mà “tình” cũng đã... say. Trong người tôi, cái gì cũng đã đầy ứ,

¹ Thơ của Chu Ngọc.

nhưng khổ thay cho cái thằng người biết cảm ! Tôi cảm thấy thấm thía rằng cả cái kho đầy ứ của người tôi chỉ là một cái sơ mướt.

Cái vui dễ dàng, cái vui ẻo lả, cái vui thô tục của Hà Nội đè trĩu lên vai tôi như một núi đá : tôi khom lưng dưới hồi hận. Cả tan tác của tâm hồn bắt khớp vào với rã rời của cơ thể. Tôi, tôi, lúc ấy chỉ là một cái bóng đi trong bóng đêm.

Thì đã năm năm nay rồi, từ ngày tôi bỏ cái cân cầm cán viết, đổi quyền số cái ra bản thảo, tối nào cũng như tối nào, cứ lửa điện thành phố bật, tôi cũng thấy mệt, thấy buồn. Ấy thế là tôi thấy cần dùng phải đi chơi. Đi chơi để buồn thêm, mệt thêm ; rồi để mà phải đi chơi nữa !

Bạn tôi, các văn sĩ và thi sĩ bảo rằng đó là một thú thuế đồ để sang bờ sự ng-

hiệp, một thứ thuế mà tài hoa phải đóng cho ác thần.

Bờ sự nghiệp, bao giờ thì sang được đây ? Chưa biết, chỉ biết rằng mỗi đêm đi chơi như thế, giờ về, tôi bực mình với tôi lắm.

Tôi hồi tưởng lại khoảng đời luân lạc, nay Xiêm La, mai Diến Điện, nay chui rừng, mai leo núi, mà lúc nào tôi cũng được bằng lòng tôi, lúc nào tôi cũng có một việc làm để tiêu thụ cái sức thừa của cơ thể. Cả cuộc đời hoạt động của tôi xưa kia như chải rửa sự chơi bời vô lý của tôi bây giờ.

✱

Tôi uể oải theo con đường Hoàng Cao Khải. Về đến nhà, tôi uể oải gọi cửa.

Thì trái với mọi lần, cửa mở ngay : gia huynh đã chờ tôi ở đấy. ở Tôi giật mình :

– Có việc gì thế ?

Gia huynh vội nói ngay để tôi yên lòng :

– Chẳng có việc gì cả. Chỉ có một việc rất phát tài, nhưng tôi phải cần đến chú. Mai tôi đi Hải Phòng sớm, sợ không gặp chú, nên tôi phải ngồi chờ.

Rồi gia huynh mắng tôi bằng một giọng để không mắng :

– Chú đi chơi nhiều quá !

Tôi ngồi xuống ghế, với ấm nước :

– Thì anh tính một người như tôi sống ở Hà Nội, không chơi, còn biết làm cái gì? Viết sách mãi thì mỏi tay, đọc sách mãi thì mỏi mắt. Tiêu khiển ? Hà

Nội còn có gì khác hơn là gái, rượu và thuốc phiện!

– Tôi đã hiểu. Vì thế nên tôi mới nhờ chú. Tôi đem đến cho chú một dịp để thay đổi không khí. Chú có thể sống lại cuộc đời mạo hiểm của chú ít lâu.

Tôi lắng tai nghe.

– Tàu bay Nhật mới đánh rơi một chiếc tàu bay của Âu Á hàng không công ty (Eurasia) ở Maoping².

– Đánh rơi. Thế anh lên đây mua sắt vụn à ?

– À quên, đánh rơi thì không đúng, đuổi đánh và bắt buộc cái Eurasia 19 phải hạ xuống thì đúng hơn. Bây giờ, người ta

2 Mao Bình (tiếng Trung: 茅坪; bính âm: Máopíng) là một thị trấn và là quận lỵ của huyện Tử Quế, Nghi Xương ở phía tây tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.

thuê tôi sang đây để làm một con đường cho chiếc tàu bay kia lấy đà bay lên. .

– Piste d'envol³ ?

– Ủ, piste d'envol. Tôi đã bằng lòng làm 25.000\$. Tiền tôi cũng đã có đủ, người tôi cũng đã có đủ...

– Thế thì anh việc gì còn phải cần đến tôi ?

– Thế mà phải cần, cần lắm lắm. Chỗ ấy, cách Vân Nam mười lăm ngày ngựa, đường núi rất hiểm trở, giặc cỏ rất nhiều, bọn xạ-phang⁴ lại rất hung tợn. Mà chú thì đi rừng và buôn lậu đã quen. Phải có một tay súng giỏi như chú thì tôi mới yên lòng được.

3 Đường băng.

4 thuộc nhóm dân tộc Hoa trong cộng đồng 54 dân tộc của Việt Nam, có nguồn gốc từ Trung Quốc

Tôi thở dài, nhớ đến cái thời kỳ oanh liệt :

– Đã mấy năm nay, tôi không cầm đến khẩu súng, không biết có còn bắn được như trước nữa không ?

– Cái đó không ngại. Tập bắn lại mười phát thì lại tin ngay. Phải cần có một người quả cảm và nhanh nhẹn để trong lúc biến... Nhưng đó chẳng qua là để đề phòng bất trắc, chứ một khi mà đã phải bắn thì lôi thôi to. Chúng ta đi chỉ cốt kiếm tiền.

– Thế thì được. Nhưng anh đã lên xem kỹ càng... Chắc kiếm được khá không ?

– Chắc chắn. Họ đã gọi nhiều tay thầu khoán sù. Nhưng sù, ai chịu đi bỏ xương ở đấy. Còn những tay xoàng có

thể liều mạng thì lại không làm nổi. Phá núi phải cần nhiều cốt mìn, phải có rất nhiều cu-ly để làm rất mau. Hạn có bốn mươi bảy ngày. Nếu mưa thì thêm mười ngày nữa. Chậm một ngày phạt bảy trăm đồng. Phải có gia tài để đảm bảo. Vì thế họ mới gọi đến tôi. Tôi phải tải một vạn bạc lên...

– Từ Văn Nam vào đấy mười lăm ngày ngựa...

[Kiểm duyệt xóa 4 dòng.]

Từ Văn Nam vào đấy mười lăm ngày. Nhưng đại gì đi đường ấy. Đi xuyên sơn đường Laokay vào đấy chỉ bốn năm ngày ngựa.

– Thế nghĩa là cũng gần áp giới.

– Cách chừng hai mươi, hai mươi năm cây. Nhưng áp giới thì cũng toàn rừng và núi chứ có cái gì. Nhỡ có động dụng chỉ có thể trông cậy vào mình, nghĩa là... vào chú.

– Mình tôi thì làm gì được.

– À không. Tôi đã chu biện đủ. Có nhiều súng ống chứ. Ở đất Tàu, mua rẻ như bèo. Trong địa hạt nước mình, tôi nhờ lính đông. Chỉ lo ở đất Tàu. Hai khẩu “pec hooc” hai mươi bốn phát, dăm khẩu súng trận, mười tên người nhà... Nhưng lính đông, súng, người nhà, nếu thiếu một người can đảm cầm đầu...

Tôi như nói với tôi :

– Thiếu một người cầm đầu...

– Thì chú đấy. Chú có cái trọng trách giữ toàn cho tôi vạn bạc khi đi đường, và

bảo vệ sao cho lúc ở đất Tàu được bình yên. Giấy má, tôi đã xin chính phủ đủ cả rồi, đến 17 octobre là ta đi. Chú đi, tôi chia cho chú một phần lãi. Nhiều ít bao nhiêu chưa biết, nhưng dù lỗ, tôi cũng giả công cho chú 1000\$. Vả lại, chắc chắn lên đấy, chú có thể thu thập được nhiều tài liệu để viết sách. Lắm cái lạ quá. Nếu không đến nơi, đồ ai có thể tưởng tượng. À, ở đây tuy nóng chảy mỡ thế này, nhưng trên ấy rét cắt ruột, nhớ đem áo rét đi. Có một điều tối cần phải nói trước là ở tí trên núi cao, có vài thằng Mèo, ăn uống kham khổ lắm đấy.

– Cái đó tôi đã từng hiểu khi ở Cao môn. Thế thì chẳng còn có gì ngăn trở nữa.

Trước khi đứng dậy từ giã, gia huynh nắm tay tôi:

– Anh nói thật với chú, cảnh anh bây giờ cũng lung lay lắm, nên anh phải liều. Chú làm thế nào, chú đi đường mà để nó cướp mất vạn bạc thì... khó sống lắm.

– Anh cứ yên tâm. Tôi xin hết sức. Cướp được vạn bạc thì ít nhất họ cũng phải đi qua lên xác tôi. Mà tôi thì hình như khó chết lắm. Có chết thì khi buôn lậu ở Cao môn, Xiêm la, đã chết rồi.

– Chú nói thế, anh vững dạ quá. Để anh về thưa với thầy cho thầy mừng. Thầy chỉ lo chú ham vui ở Hà Nội không chịu đi.

Tôi chép miệng :

– Thầy tưởng thế. Hà Nội vui. Phải, vui như cái lò lửa...

Lúc gia huynh về rồi, tôi thấy lòng tôi tràn ngập một khoan khoái. Tôi sắp được sống lại những ngày khoáng đạt như hồi nào, với một khẩu súng, một yên ngựa, với cả vũ trụ bao la và tấm lòng quả quyết trừ diệt những trở lực nó đến ngang đường mình. Tôi sắp thoát được lưới kìm ghê gớm của Hà Nội trong ít lâu.

Tôi xin thành thực mà nói rằng tôi không sợ nguy nan. Mạo hiểm đã là lẽ sống say xưa của đời tôi trong bao nhiêu năm. Nhưng đứng trước bất ngờ của ngày mai, lòng tôi không khỏi nao nao. Những lời ủy thác của gia huynh làm cho tôi nhớ tới một đoạn sử trong thời Chiến quốc lúc Công tử nước Yên bỏ nước mắt, gửi gắm cả nước, cả nhà, cả tính mệnh vào lưới dao của Kinh Kha. Liên lúc ấy, tôi nghĩ ngay đến cái chỗ :

Tráng sĩ một đi không bao giờ về!

Nhưng nghĩ cũng chỉ là nghĩ thoáng qua để giả nhời bằng một câu của bao nhiêu người đã chết vì quá tin ở ngôi sao của mình :

– Ô, mình chết làm sao được.

Tôi xin nói trắng ngay rằng nếu tôi biết chắc chết, không khi nào tôi đi. Bởi loài người đâu có phải ai cũng là anh tráng sĩ Kinh Kha, biết chắc chết mà vẫn đi, đi với những vần thơ cảm khái:

Sông Tương nước chảy lạnh tê...

Những nỗi dọc đường

Đấy giờ, hôm 17 octobre 1939, tôi ra ga thì đã thấy gia huynh bị ngấp dưới những kiện hàng. Thân phụ chúng tôi ra tiễn chúng tôi với một bộ mặt hớn hở, nhưng dưới cái hớn hở miễn cưỡng ấy, tôi nhận thấy cả nỗi băn khoăn lo lắng của cha già. Thân phụ tôi cũng đã sống một cuộc đời chìm nổi, nên dù sao, cũng giữ được bình tĩnh trong những trường hợp éo le. Nhưng khi ra đến sân ga, nhìn đoàn tàu nó sắp đưa những đứa

con thân ái của mình đến... bấp bênh của số kiếp, thân phụ tôi thốt ra một câu :

– Nghèo thì phải cho các anh đi, chứ giàu thì dầu lãi bạc triệu...

Rồi khi còi tàu thét, tôi cảm thấy cả cái bình tĩnh ấy lật nhào xuống như một thế giới mất thăng bằng ở cái giọng run run trong câu nói :

– Các con đi cho may mắn.

Không biết thân phụ tôi có khóc không, nhưng chắc chắn rằng từ ngày hôm nay, thân mẫu tôi sẽ trai giới đi lễ khắp đền này phủ nọ, đề cầu cho chúng tôi bình yên vô sự trở về.

Hai đấng thân tôi năm nay đã ngoài bảy mươi cả rồi. Những ngày tàn của một kiếp người đã suốt đời hệ lụy vì con cháu, rồi đây ngày mai sẽ dành cho những gì?

Câu hỏi ấy xoáy vào đầu tôi như một cái đinh ốc. Lòng tôi lúc ấy bỗng thắt lại. Tôi hình dung ngay thấy, trong một cái trại um tum ở tỉnh Bắc Giang kia, cái ảnh tượng của... hai mớ tóc bạc đang thì thầm ước đoán hành trình của chúng tôi, rồi chiều chiều, không ai bảo ai, thần thờ ra ngỗ ngóng ngày về. Tôi tin rằng những cây cối, những đồ vật trong nhà rồi đây sẽ được chăm chút hơn lên, vì chúng nói với các ngài những kỷ niệm về chúng tôi.

Những tư tưởng và hình ảnh ấy quay cuồng trong thần trí tôi làm cho tôi không để ý đến sự rộn rịp trên toa.

Đoàn tàu âm âm qua cầu sắt. Lúc ấy, tôi mới thấy một cần dùng phải từ giã cái đất Hà Nội đã làm cho tôi cảm thấy sự được thoát ly nó một cách khoái trá như thế này. Tôi chật mủ, nhìn về phố

bờ sông chỉ chút những người đi kẻ lại,
rồi tôi cầm mũ vẩy vẩy những dấy nhà
vô tri:

– Ô-voa⁵ mày nhé, Hà Nội !

Gia huynh cười. Cai Quý đi theo
chúng tôi cũng cười:

– Cháu chắc hôm qua hai ông đã đi
ô-voa ở dưới sớm rồi.

Thì đúng như thế. Người ta ghét Hà
Nội, cái Hà Nội làm phí thì giờ, phí tiền,
phí sinh lực, nhưng đi thì người ta nhớ,
bỏ thì người ta tiếc. Người ta cầu mong
được xa nó, nhưng đến khi xa thì lòng lại
bồn chồn.

Cai Quý cũng là người thích chơi,
gợi chuyện:

⁵ Au revoir: tạm biệt.

– Hôm qua cháu cũng đi ô-voa, nhưng cháu “két⁶ ít”, cháu xuống Ngã Tư. Ấy thế mà cũng đủ cả.

Phải, Hà Nội chỉ hay ở chỗ đủ cả; và nó chỉ quyến người ở chỗ lúc nào cũng đủ cả. Nó sẵn sàng bán cảm giác cho những cái túi lép cũng như cho những cái túi phồng. Cảm giác cũng đều sôi nổi, miễn là có cái bàn tay biết vắt, để bắt nó phải nhả ra. Đầu canh năm, tối sáng mai, lúc nào nó cũng là cái chợ bán vui và mua buồn. Cả cái đám người của nó ở chỗ vui càng vui thì buồn lại càng buồn.

Đến Gia lâm rồi. Thôi, vấn vương với nó thế cũng đủ rồi. Và nếu tôi chưa cho làm đủ, thì gia huynh cũng đã nhắc cho biết :

– Trong cái va ly này có một vạn

⁶ két = caisse ; két ít = tiền ít.

đồng. Chú để ý và bao giờ hay dù thế nào, chú cũng không thể dời nó ra.

Rồi cười :

– Chú đã biến thành ông Thần giữ của rồi đấy.

– Hay con chó giữ két bạc cũng thế.

– Chó hay thần, nếu mất thì chúng ta chỉ việc...

Gia huynh nói xong giơ tay ra hiệu, làm đúng cái hành vi tỵ tử của người cầm súng lục chỉ vào thái dương...

*

Tôi luôn luôn để mắt vào cái va-ly bạc, mà con tàu thì cũng luôn luôn kéo chúng tôi qua những phong cảnh. Đồng

bằng bát ngát, rồi tiếp đến gò núi chập chùng. Từ Phú Thọ, thỉnh thoảng rừng cây lại để trống ra vài khoảng đất lác đác ít nhà gianh : đó là những đồn điền di dân ở mạn đồng bằng lên.

Dọc đường xe lửa, phong cảnh chỗ nào cũng kỳ vĩ, đột ngột. Nhưng đẹp mắt và say lòng nhất là từ khi quá ga Yên Bay, đường tàu đi liền ngay với bờ sông Nhị. Những mảnh nước đỏ lững lờ trôi giữa những cây cối xanh um làm cho ta mừng tượng tới những chốn ẩn dật của những triết nhân trong truyện. Những phong cảnh lặng tờ, đẹp tựa giấc mả mai cái thẳng người mà đoàn tàu hỏa nhả ra than, khắc ra khối là hình ảnh rõ ràng của cuộc sống giãy dụa. Thẳng người lúc nào cũng hấp tấp, hấp tấp trong hỗn độn; cảnh vật lúc nào cũng điềm tĩnh, điềm tĩnh trong êm du.

Mấy hôm trước, hai đoàn tàu hấp tấp đụng nhau, đường sắt hỏng, chúng tôi phải “tăng bo” mất một quãng nên tàu chậm, mãi chín giờ tối mới đến ga Phố Lu.

✱

Những ga đường ngược về đêm tẻ như một cái nhà mồ. Nhưng may có ông bang Pấn. Ông bang Pấn sẽ theo chúng tôi lên Maoping. Gia huynh trong lúc đi xem công việc qua đây, thấy ông là người thông thuộc vùng này có mời ông giúp việc và hứa chia cho ông một phần lãi.

Lịch sử đời ông bang Pấn là cả lịch sử của đồn Phố Lu. Người ta không thể nhắc đến đồn nọ mà không nói đến người kia. Cuộc thịnh suy của cả hai đi liền với nhau.

Cảnh tình ông bang Pấn ngày nay là cảnh tình một ông anh hùng thất thế thì cảnh tình Phố Lu cũng là cảnh tình của một con đĩ lúc tàn xuân.

Cái thời đương xuân của ông bang Pấn và của Phố Lu là cái thời mà ở Hồ kiều, thuốc phiện như giũa xung.

Ông bang Pấn là một nạn nhân của phong trào giới yên ở Trung quốc thì cảnh tiêu điều của Phố Lu ngày nay cũng gây nên bởi sự vắng bóng của những tay buôn thuốc phiện lậu.

Từ ngày ở Tàu, người ta cấm giống thuốc phiện — khắp tỉnh Vân Nam, không đâu có một cây thuốc phiện — thì Phố Lu bắt đầu ngắc ngoải, mà ông bang Pấn thì cũng bắt đầu phải nhớ tiếc thời oanh liệt của thửa xưa.

Thửa xưa, tòa nhà gác thên thang của ông là chỗ hẹn hò của ký Sinh, tổng Công. Ở đây, người ta đã giao dịch hàng tiền triệu — chứ đừng nói tiền vạn. Người ta đã mở những tiếng bạc hàng nghìn để vùi sâu vào đáy lòng những tin may rủi. Người ta đã cười trong khi định đoạt một mạng người. Trong một điều thuốc lá mời có cả những cuộc giao dịch bạc vạn. Và trong một câu chuyện vu vơ, cả một gia tài sẽ đổ xuống hay dựng nên.

Xưa kia, cái nhà này là cái đích của những thám tử nhà đoan. Nhưng từ khi những... điểm chỉ đã xa lánh cái nhà này thì sự phồn thịnh cũng xa lánh luôn : cái nọ theo cái kia.

Cái chỗ tôi yêu nhất ở ông bang Pấn là đã tắm nhuần trong thuốc phiện mà ông không nghiện thuốc phiện.

Tuy là khách chính tông, nhưng cách ăn ở của ông thật là Việt Nam một trăm phần trăm.

Một khổ người ốm yếu với sự y phục chải chuốt, với những dáng đi bệ vệ nó trái với cái vẻ những người hăng dục rừng lợi suối khiến tôi phải tự hỏi : sao ông lại có thể là một tay buôn lậu ?

Thì tôi đã tìm được lời giải ở trong câu nói thân mật của ông :

– Đây chỉ là Khổng Minh ngồi trong màn định phương lược ở ngoài nghìn dặm, đây chỉ là tướng ngồi nhà cầm quân. Đây chẳng đại gì đem thân vào chốn nguy hiểm. Đã có người khác...

Thì tôi hiểu rồi : ông chỉ là khối óc đã nghĩ, mà những thủ hạ ông là những cánh tay đã làm.

Ông trái với tôi ở chỗ: vừa là khối óc đã nghĩ, tôi lại muốn cả là cánh tay đã làm.

Ông mạo hiểm vì đồng tiền. Tôi mạo hiểm vừa vì đồng tiền, vừa để làm cho thỏa mãn cái sức thừa của tuổi trẻ nó du mình vào trong trường hành động.

Óc ông tuy đã rắn dỏi trong sự tính toán, nhưng cơ thể ông rất mềm yếu trong gian lao. Sức chịu đựng của ông rất kém, nên chúng tôi đã nhiều phen khổ tai về những tiếng than phiền của ông trên con đường đá gập ghềnh mà cái ăn cũng thiếu, cái uống cũng thiếu, người ta lại còn phải đội mưa nắng mà đi.

Nói đến hành trình của ngày mai, ông cười diều chúng tôi :

– Mai đi ngựa thồ, dân Hà Nội rồi sẽ biết tay. Rồi lại không lủ cò bợ.



Ngựa thồ

Trong ý ông lúc ấy, ông khinh thâm chúng tôi là những công tử bột. Tôi chỉ mỉm cười. Thì ngày mai, và những ngày sau, chính dân Hà Nội lại phải cho ông một bài học về sự chịu đựng. Mà chàng công tử bột không chịu được kham khổ lại chính là ông. Tôi điều lại ông :

– Đã biết tay dân Hà Nội chưa ?

Thì ông cười :

– Thật từ bố mẹ đẻ ra đến giờ, chưa thấy chuyện nào khổ như chuyện này. Đàng này từ trước đến nay chỉ...

– Chỉ là ông tướng cầm quân mà vẫn ngồi ở nhà với vợ. Chiến trường của tiên sinh là một cái buồn...

*

Sự khó chịu đầu tiên của ông bang Pấn với gia huynh là một khi đến Phố Lu, gia huynh liền lại đồn xin ngay bốn người lính dũng để gác nhà.

Trong cái cử chỉ ấy, ông bang Pấn như thấy một chỗ bực gây ra bởi lòng tự ái: ông là một người tai mắt ở xứ này không đủ sức để giữ một vạn đồng bạc

hay sao ? Ông khẽ bảo tôi:

– Gọi lính tráng về làm gì cho phiền phí và rộn rịp, làm như người ta không có bạc vụn bao giờ. Trước kia, ở đây, có lúc để hàng mấy vụn.

Tôi đàn giải:

– Mới ở Hà Nội lên đây, trông thấy rừng núi âm u mà đâu đâu như cũng có thể ẩn một thằng cướp, anh tôi sợ cũng phải. Phải để cho anh tôi quen dần với không khí trên này chứ.

*

Chúng tôi có đem theo một thằng bếp : thằng Kim. Kim bạo dạn, nhanh nhẹn bao nhiêu thì cai Quý rút rút, chậm chạp bấy nhiêu. Cả hai đều không biết

đi ngựa, và cũng chưa hề cưỡi lên lưng ngựa bao giờ.

Khổ chưa, đường đi lại toàn phải dùng ngựa, mà những ngựa gì? Những ngựa đóng yên thổ, chạt chễnh như ngói ngai. Còn đường đi? Thì thật nhiều chỗ là những cái thang đá bắc lên lưng chừng giới. Con ngựa đi sai một bước, hay chiếc yên thổ chệch đi một cái thì người ta liền rơi bồm xuống những vực sâu thăm thẳm. Lúc ấy thì cơ thể chỉ còn là một đồng thịt đỏ lòi. Gia huynh rất lo ngại :

– Thằng Kim hay cai Quý mà ngã một cái thì thật chết tôi. Lấy đâu được ra người !

Hôm ấy, tôi phải giảng qua loa cho họ về cách cưỡi ngựa.

Cả hai đều chăm chú nghe. Nghe xong, cai Quý cười rồi pha trò :

– Cháu chỉ sợ ngã một cái thành tật, mất một miếng tai, hay một miếng mũi chẳng hạn, về mẹ đi không nhận thì rầy to. Giá ngã mà chết ngay thì cũng không đến nỗi hận cho lắm.

Gia huynh nghiêm sắc mặt :

– Bác cứ yên tâm. Tôi đã đi qua đường ấy rồi, tôi biết. Nếu chẳng may mà ngã thì nhờ giới cũng không phải ôm hận mà về với mẹ đi đâu. Lúc ấy, mẹ đi ở nhà sẽ nhận được lọ cốt hỏa táng của bác.

Cai Quý lại càng sợ. Hắn đi dò hỏi mọi người.

– Đường nguy hiểm thế cơ à ?

Ở ai, hắn cũng được nghe một câu giả lời :

– Tưởng tượng làm sao được. Đến sẽ biết. Nguy hiểm nói không cùng.

– Thế thì chết con rồi còn gì !

Nhưng tính vui vốn là tính mạnh nhất trong người hần :

– Anh Kim, nghe nói, anh có kinh người không ?

– Chẳng kinh tí nào, chết thôi.

– Chết thì tớ cũng không ngại ngùng cho lắm, nhưng vô phúc ngã, còn có một mắt chột nốt, thì thật là ối giời ôi!

(Tôi quên chưa giới thiệu với các ngài cai Quý chỉ còn có một mắt).

Thằng Kim nghe cai Quý nói thế liền bảo :

– Thế gọi là mù đặc, chứ còn chột đếch gì nữa.



Đoàn người ngựa

Sáng ngày. Sương mù dày đặc. Những mã phu dắt ngựa để cưỡi tới. Hàng hóa thì họ đã “lạc thõ” từ tối hôm qua. Mã phu thuần là xạ phang. Trông thấy con ngựa nào lưng cũng chốc lở kinh hồn, cai Quý rụng rời :

– Những ngựa như thế kia thì cưỡi làm sao ? Con nào cũng bé choắt như thỏ cả.

May hôm ấy, chúng tôi lại thuê được hai con ngựa đóng yên tây. Lúc cai Quý trèo lên lưng ngựa, thật là một phút hồi hộp. Hồi hộp cho y. Và hồi hộp cả cho chúng tôi.

Một người giữ cương, y rón rén trèo lên. Y ngồi được một cách vững trãi. Cầm giây cương cho đi thử vài bước, y nói một cách ồm ờ:

– Cưỡi ngựa như thế này cũng chẳng khó. Như ngồi xe tay.

Ông bang Pấn thấy y nói thế mỉm cười:

– Rồi đến đường đá, giốc, mưa trơn, xem có như ngồi xe tay không ?

Tôi thấy cai Quý nói thế, muốn cho y quen với nguy hiểm liền giơ roi quất vào đít con ngựa một cái. Ngựa chạy. Cai Quý sợ hãi, rú lên, rồi nhắm mắt ôm chầm lấy cổ ngựa. Con ngựa đứng lại.

– Ông chơi thế thì chết cháu !

– Không sao. Nhớ có ngã ở đường bằng thế này cũng không đau. Phút sợ đầu tiên, bác đã biết rồi.

Cả bọn người đi với chúng tôi thấy cai Quý mặt tái mét mà miệng cứ kêu chết âm ỹ đều cười rộ.

Thằng Kim bạo, thoát lên ngựa cho chạy ngay.

Từ Phố Lu đi Bắc Hà hay Pakha, chừng hơn bốn chục cây số. Chúng tôi định trưa thì nghỉ ở Bao Nhai, nửa đường đi Pakha.

Đường đi vạt trên dìa núi và đục trong giữa rừng vầu. Bao Nhai thuộc về sông Chảy. Hai bên sông là những lán gỗ. Cây ở các núi chung quanh đây cao vút giời. Một người đã từng làm gỗ bảo tôi :

– Nếu đứng ở dưới đường cầm một cái tầm dơ lên, nhìn cây gỗ to hơn cái tầm thì cây ấy lớn quá, không thể hạ được, vì chẳng sao lôi nó qua được các suối ra sông.

Từ Phố Lu đi Bắc Hà, có một cái đáng chú ý là cửa giời.

Nghe nói đến cửa giời, các ngài đừng vội tưởng là một chỗ nguy nga có hai con chó đá ngồi chặn ngoài cửa đâu.

Con đường này đẽo trên dia núi. Ngoài dia, vực sâu thăm thẳm. Chung quanh, suối nước ở trên núi đổ xuống trắng xóa. Tiếng róc rách liên hồi như những tiếng than, tiếng rú.

Giữa con đường rộng độ gần hai thước, đột ngột một phiến đá bắc ngang, xây thành một cái cổng mà người ngựa đến phải chui qua. Đi dưới cái cửa thiên tạo ấy, ai cũng đều có một cảm tưởng ghê sợ : không khéo tấm đá ấy rơi xuống ! Tấm đá ấy mà rơi xuống thì thật là ng-hễn đường không còn làm sao đi về phía trước mặt được. Một bên thì vực sâu thăm thẳm, một bên thì núi đá cao vút trời, người ta chỉ còn cách quay trở lại. Chỗ này, núi cao, bao giờ cũng có mây bao bọc. Có khi sát mặt nhau, không nhìn thấy người.

Đi qua, thật là mây ở dưới chân ngựa, mây ở trên đầu, mây bao bọc chung quanh mình. Lúc ấy, chúng tôi có cái cảm tưởng như mình là người nhà giời đang dạo vân.

Cả cảnh tượng huyền bí gây ra bởi mây, bởi suối nước, bởi tiếng chim, tiếng khỉ, bởi núi đá chập chùng, bởi vực sâu thăm thẳm là một bài thơ hùng vĩ mà mỗi vãn là cả một sức mạnh ngang tàng.

✱

Truyện cổ nhiều khi là cả một bài học thấm thía, nhưng tiếc thay, người kim chúng ta không mấy kẻ chịu theo. Và cũng không thể theo được.

Xưa kia, có một ông quan có một viên ngọc tổ truyền rất quý. Luôn luôn, ông bị một thượng quan hoành hoẹ. Rồi

bị bỏ ngục. Xét mình vô tội, ông hỏi tên xá nhân tâm phúc :

– Ta có tội gì ?

– Ngài chỉ phạm một tội : có hòn ngọc quý mà... cứ muốn giữ lấy làm của mình.

Thì trong lịch sử chẳng là đây đây những “hoài bích kỳ tội”.

Hoắc quốc công bị quan tư mã Năng Ngoa nước Sở bắt giam vì đôi bạch bích.

Sai thành công bị hạ ngục vì đôi ngựa túc sương.

Nước Triệu bị nước Tần phạm bờ cõi vì viên ngọc bích họ Hòa.

Còn Tôn Kiên thì bị chết vì viên ngọc tử truyền quốc.

Kể lại thì cả một quyển sách này không đủ.

Nếu có một ông quan tòa trào phúng và thâm thúy thì khi làm biên bản một vụ án mạng, ông phải chua thế này : “Ngày mỗ, tại khu rừng mỗ, tên mỗ bị tập giấy bạc đâm tám nhát...” hay hoặc “bị đôi hoa tai vàng bắn hai phát..”

Mà thật, cái khí giới nó giết người không phải là lưỡi dao hung thủ, nhưng chính là những tập giấy bạc và những đôi hoa tai vàng.

Hai tên lái trâu bị giết ở cửa gò này không những mắc cái tội “hoài bích” mà lại mắc thêm cái tội... không biết có của là có tội.

Ông Bang Pấn gò cương ngựa chỉ tay xuống đường :

– Hai tên lái trâu đã bị giết ở đây một cách ai oán.

Cả cái tinh thần khủng bố của cai Quý toát ra ở câu hỏi hấp tấp :

– Thế à ? Thế nào ông kể cho tôi nghe.

Rồi y vội vàng thúc ngựa đi lại gần tôi tưởng chừng như những bàn tay vấy máu của tên sát nhân đã sắp nắm cổ y.

Nhưng sự sợ hãi chỉ chạy qua tâm hồn y như một chớp nhoáng. Tính vui và tinh thần hài hước vẫn là mạnh nhất ở trong người y. Y nhìn chung quanh rồi bỗng cười khì khì:

– Ô, thế ra cửa giới đã bị vấy máu người. Mà lại vấy máu lái trâu thì chết con thật.

Cả bọn phá lên cười. Tôi không thể cười : những oan hồn còn phảng phất đâu đây.

Ông bang Pấn cho ngựa đi bước một.

– Hai anh lái trâu này bị chết vì khoe của. Họ là những người đàn ông lên đây mua trâu. Hình như đến bến phà Bảo Nhai, hai cậu rượu say, rồi nói ba hoa, đem tiền ra đếm với nhau. Hai tên mã phu trông thấy. Thấy của tối mắt, chúng ra phục ở đường rồi khi thấy hút hai anh lái trâu đi đến, chúng cũng giả vờ thùng thình đi như khách bộ hành. Hai anh lái trâu không ngờ. Gặp nhau, chúng gọi truyện, hai anh lái trâu bắt chuyện. Ấy thế rồi cả bọn vừa đi, vừa chuyện. Ấy thế là lúc đến đây, trong khi bất ngờ, hai tên mã phu ở đằng sau, ôm chặt lấy hai anh lái rồi cú mạng mỡ mà đâm, đâm không biết bao nhiêu nhát.

Cai Quý rùng mình :

– Ghê nhỉ ! Nhưng con dao có dài không ?

– Dao găm, hơn một gang.

– Thế hai tên lái trâu có chống cự, có dao diếc gì không ?

– Có dao. Nhưng trong lúc bất ngờ đã bị ôm chặt, lại bị đâm liên hồi còn làm sao rút dao ra mà chống cự được.

Cai Quý luôn luôn cái mồm :

– Ghê nhỉ, ghê quá nhỉ! Một mình, bố cháu cũng chẳng dám đi qua những con đường như đường này.

– Sợ gì. Chẳng qua hai anh lái trâu khờ thì chết chứ mình đi ngựa có sao.

Ông bang Pấn vỗ vào thanh đao dài chừng ba gang đeo ở mình :

– Mình ở trên cao, chúng ở dưới đất, động dụng thúc ngựa chạy mau, hoa dao lên chém lia thì chúng còn làm gì được.

Tôi nhìn những con ngựa thồ chỉ còn là hình ngựa, rồi bảo ông bang :

– Păn súc thử tưởng tượng những bộ xương này trong khi gặp biển...

– À, những ngựa thồ tả này nói làm gì. Đánh đến vỡ đầu nó cũng chẳng chịu bước cho, chứ đừng nói chạy. Nhưng thử con ngựa của tôi xem. Khẽ một cái là chạy vút ngay. Ở đồng rừng, cần mua những con ngựa tranh tiên.

– Cú gì ở đường rừng, ở đâu chẳng nên dùng những con ngựa tranh tiên. À thế nào, sau người ta có bắt được hung thủ không ?

– Bắt được. Bắt được là bởi trong hai người lái trâu mà chúng tưởng chết rồi, đem quăng xuống khe thì có một người còn ngắc ngoải bò lên được, nằm ở đường. Người đi qua thấy thế liền khiêng về Bắc Hà. Được một đêm, y cũng chết. Nhưng cũng đủ thì giờ để khai tông tích kẻ giết mình. Nhưng không biết tên...

– Thế thì làm sao mà bắt được?

– Người ta bắt tình nghi hai thằng xạ pháng xưa nay nghèo, bỗng đánh bạc to ở sông Ximăn. Chỉ một tí nữa là chúng nó trốn sang Tàu được.

Cai Quý suýt soa:

– Cái oan hồn ghê nhỉ.

Còn cách Bắc Hà độ mười cây, thì một con ngựa vì bị thồ sắt nặng quá, quy xuống, rồi lăn ra chết. Chúng tôi không

thể ngủ đêm lại đây để chờ, đành phải
khiêng thổ sắt giấu vào bụi, để mai đem
ngựa ra thổ về.

Vì thế nên tôi được ở lại Pakha một
ngày.

✱

Từ phố Pakha, chúng tôi rẽ sang con
đường bên tay phải.

Tiểu chủ nhân, con ông Châu úy,
trở một tòa lầu đài cao vút, đột ngột như
chọc thủng rừng cây xanh rồi bảo tôi:

– Nhà tôi đây.

– Một cái thành ?

– Ở trên rừng này, làm thế nào ?
Trong những khi đêm tối...

Rồi quay sang bên trái :

– Kia là biệt thự quan tư F...

Nhìn những đồi cây, nhìn cả cái phong cảnh hữu tình bao bọc vùng này, tôi hiểu ngay tại sao nhà văn sĩ F... lại chọn chốn này làm nơi ẩn dật.

– Hiện bây giờ, ông ta có ở đây ?

– Không, bây giờ ông ta đã về Hanoi làm báo.

Chúng tôi đã đến trước một cái cổng đồ sộ và nguy nga. Một người lính thổ bông súng canh.

Tôi có cái cảm tưởng đứng trước một tòa lâu đài của một vị hầu tước đời phong kiến.

Rõ là một truyện thần tiên. Ở cái xứ rừng này, có một tòa nhà thế này? Một

tòa nhà mà Hanoi và cả Bắc kỳ không đâu có. Tôi đã được biết dinh cơ họ Đinh ở Hòa Bình. Dinh cơ ấy đối với dinh cơ này không thấm vào đâu. Tưởng tượng đến đường vận tải khó khăn, và cái công phu to lớn để làm nên tòa nhà này, tôi nghĩ ngay đến cái oai quyền ghê gớm của những vị tù trưởng ở những thung lũng mán mè mà dân cư còn dại khờ và chất phác.

Tòa nhà này kiến trúc theo lối mới. Những giầy nhà hai tầng xếp thành một chữ môn.

Bước lên thêm, tôi trông thấy cả một vườn hoa. Những bông hoa mặt giời vàng lóa điểm một nét tình tứ lên cái khung cảnh thâm nghiêm.

Một truyện thần tiên. Nhưng hằng nga ngủ ở đâu?

Thì hằng nga đã lộ mặt trong khuôn cửa sổ, nhưng một hằng nga tân thời thướt tha trong bộ áo màu rực rỡ.

– Đây là em gái tôi.

Nhìn vào bộ quần áo đi rừng tối tàn và đôi giày khổ dày bùn, tôi cảm thấy một cách mỉa mai rằng tôi không phải một ông hoàng.

– Em tôi có về học ở Hanoi, em tôi có đọc nhiều sách của ông.

Bạn đọc, các ngài thử tưởng tượng sự cảm động của tôi.

Những quyển sách từ phố hàng Bông đã đi đến tận chốn thâm sơn cùng cốc này. Tôi hình tượng ngay đến bàn tay xinh xẻo của bông hoa rừng, trong khi hồi hộp lần từng trang của chúng.

Ông châu úy là người Thổ, một người Thổ văn minh đã Việt Nam hóa bảy mươi phần trăm. Ông tiếp chúng tôi một cách niềm nở. Cũng rượu bia, nước chanh đủ cả. Nhưng tôi vượt núi rừng lên đây không phải để chịu những câu chuyện thù tạc. Thù tạc ở Hanoi, còn chưa đủ ngấy ư?

Tôi muốn biết ngay cái lịch sử lâm ly và hùng liệt của tòa lâu đài này.

Tiểu chủ nhân dắt tôi lên nhà khách, trở dấu vết một viên đạn đã bắn xuyên qua cửa :

– Đây, chú ruột tôi chết vì viên đạn này.

Lại kéo tôi đến một góc buồng chỉ lên tường: Còn viên đạn kia là để cho tôi. Nhưng nhờ giờ, tôi không chết.

Tôi quay lưng lại :

– Giặc đứng ở phía cửa sổ kia bắn vào ?

– Phải, hồi ấy, tòa nhà này phía ấy chưa làm xong, nên còn trống, bọn giặc do phía ấy mà vào. Tôi nghe thấy tiếng súng, lại nhìn thấy chú tôi ngã, tôi vội vàng mở cửa ra sân, bám cột trèo lên buồng lấy súng

– Sao lại phải trèo, sao không đi phía thang gác này?

– hía ấy lúc đó đã lở nhổ những xạ-phang. Tôi vào buồng, lấy được khẩu súng lục, tôi chạy ra hiên, thấy một thằng đang đi ở thềm, tôi liền ngắm ngay vào

đầu mở cò. Nó ngã gục xuống. Tôi lại chạy ra phía cầu thang, rồi từ trên tôi bắn xuống để cản lối không cho chúng nó lên. Tôi định ninh một thằng lên là một thằng chết thì bỗng nghe tiếng kèn hiệu. Thì ra chúng nó thấy một thằng chết, hoảng sợ tưởng nhà tôi có phòng bị nổi hiệu thu quân ra.

– Không lấy được gì?

– Không, chúng nó mới vào nhà tôi được chừng mười phút.

– Nếu ông không nhanh nhẹn bắn chết ngay một thằng...

– Thì nguy to. Của hết mà người...

Tiểu chủ nhân cảm động hút một hơi thuốc lá để trấn định :

– Tôi ở đây đã được mục kích nhiều

đám giặc, nhưng chưa từng thấy một đám giặc nào to như thế.

[Kiểm duyệt bỏ 10 dòng.]

Tôi hỏi những người ở dưới phố thì vụ cướp này sở dĩ có chỉ là vì những cuộc kèn cựa trong sự buôn thuốc phiện lậu. Mà bọn xạ-phang kéo quân từ bên Tàu sang đây chỉ cốt để báo thù.

– Nếu chúng nó định cướp Pakha thì tại sao chúng nó không cướp nhà ai cả. Mà khi chúng giơ đuốc lên lửa làm cháy một mái nhà, chúng còn hô nhau trèo lên đập lửa rồi mới kéo quân đi...

Tôi không muốn nghe những truyện có dính dấp đến đời tư của mọi người, nên tôi đánh trống lảng sang truyện khác.

Những vụ giết người báo thù ghê gớm ở quanh vùng đây đã làm cho dân cư phải khắc một câu vào ruột:

– Không nên gây thù kết oán với tụi xạ-phang và bọn dín-poóng [Buồn thuốc phiện lậu.],

Những dín-poóng ấy nếu lại là những xạ-phang thì càng không nên lăm lăm.

Thù này ắt hẳn còn lâu

Giống tre nên gậy gập đầu đánh què

Câu phong dao này thật đã cực tả lòng thù dai hơn chảo của người xạ-phang.

Về náo nhiệt của chiếc đường nhà Wa Lâm con rể ông Pấn — đêm hôm ấy kém gì một hội nghị bàn tròn. Ngoài cửa hai tên lính đồng, trên gác hai tên lính đồng, mỗi người một khẩu “74 transformé” và những bì đạn đầy ắp.

Một điều lạ lùng nhất là chúng tôi bàn việc với người Khách mà không có cái bàn đèn. Cái lạ lùng ấy cũng rất dễ hiểu. Tất cả không ai nghiện thuốc phiện cả.

Quên, tôi chưa giới thiệu ông bang Y Pinh Nam bang trưởng ở Simakai. Ông Pinh Nam, đến giúp chúng tôi vì một sự tình cờ, mà gia huynh mượn ông cũng chỉ vì ông có một khẩu súng hai lòng và một khẩu súng lục.

Chúng tôi đang dẫn đo những nguy hiểm có thể xảy ra ở giốc đường và bàn

tính những mưu kế để tránh thì ông đến, ông đến như một cơn giông :

– Giả tôi hai trăm đồng, tôi đoan sẽ bảo toàn vô sự cho đến khi xong việc.

Rồi ông xòe bàn tay:

– Tôi biết vùng này như bàn tay của tôi. Tôi sang Tàu luôn, tôi đi đuổi giặc với quan hai Simakai luôn. Thằng nào cũng không dám trêu tôi.

Xưa kia, ông đã giúp việc ông bang Pấn trong nhiều cuộc áp giang thuốc phiện rất là đặc lực.

Trái với ông Bang Pấn là khối óc đã nghĩ, ông chỉ là bàn tay đã làm.

Cả tâm tính của hai người vạch rõ cái đối tượng ấy. Ông bang Pấn điềm tĩnh, ôn hòa chậm chạp bao nhiêu thì ông

bang Simakai láu táu, nóng nẩy, nhanh nhẹn bấy nhiêu. Bất cứ việc gì xảy đến, ông bang Pán cũng chúm chím cười. Ông Pinh Nam không. Thẳng ruột ngựa, không bằng lòng cái gì, ông phản đối bô bô, mà bằng lòng thì giờ tay, múa chân, biểu đồng tình ngay.

Hai người khác nhau như nước với lửa. Nhưng giao du với nhau rất là tương đắc vì... chỗ khác nhau ấy. Phải chăng người ta chỉ có thể hợp với những kẻ không giống mình.

★

Đường đi từ Pholu lên Pakha không có gì là nguy hiểm. Nhưng từ Pakha đi thì đường dây điều cheo leo, gập ghềnh và chỗ nào cũng có thể là chỗ phục binh

của bọn cướp. Suốt đường không nhà cửa, chỉ có một thứ núi chọc cao vút giời.

Gia huynh đã xin với ông châu úy cho mười lính đồng đi theo. Nhưng mười lính đồng ở đây nào có nghĩa gì trong khi bọn giặc cở ở bên Tàu chỉ đi tắt vài quả núi là sang đến nơi. Bọn cướp mà phục ở những đường hẻm chữ chi bản thì người đi đường thật chỉ còn là những cái đích rất rõ. Mình ở đâu, họ nấp ở các bụi trên núi cao trông rõ mồn một, mình thì chẳng trông thấy họ ở đâu cả. Hay mình chỉ trông thấy những túm cỏ lau và những hòn đá mốc.

Một vạn đồng lại không phải là nhỏ. Trong mấy tháng nay, người của công ty Eurasia rầm rập đi về. Chúng tôi không thể lên đi một cách bất ngờ mà không ai biết. “Các ông chủ thầu tải nhiều tiền lên”, điều đó ai ai cũng đã rõ.

Phải đàng hoàng đi, phải rầm rộ kéo đi. Đàng hoàng và rầm rộ, nghĩa là phải có sẵn một phương lược bảo vệ mầu nhiệm nếu chẳng may có cướp đón đường mình.

Mạng người lúc ấy, có ai nghĩ đến hay không thì không biết, nhưng tôi với gia huynh thì quyết là không nghĩ đến. Chúng tôi chỉ nghĩ đến va-ly, độc va-ly bạc. Chúng tôi đã cười lên lưng hổ, cái thế không thể xuống được nữa rồi.

Nghe người ta nói đến những truyện giặc cướp rùng rợn thường xảy ra ở áp giới, gia huynh áy náy, tuy ngoài miệng vẫn nói cứng:

– Chúng ta súng ống tua tủa, gặp ? Chọi nhau thì phải biết.

Gác vấn đề bảo vệ những mạng

người ra một bên, tôi bảo gia huynh:

– Giá chúng ta cho khâu những cái áo túi, nhét bạc vào đấy, rồi một vài người chúng ta mặc. Nhỡ động dụng và xem thế không thể địch được, chúng ta lèn lên núi, nấp vào bụi. Một khẩu súng trận, một khẩu súng lục, ai đến gần được chúng ta cũng khó, và như thế, còn có thể lùi để tìm đường tẩu thoát. Chứ một cái va-ly nghênh ngang, đường núi nhỏ, lại đá gan gà chơm chớm, đi đến đâu mà chúng nó chẳng dỗi được. Gia dĩ như thế, có mất thì cũng chỉ mất một phần thôi, không thể mất cả được.

Ông Bang Pấn biểu đồng tình :

– Phải, áp giang thuốc phiện cũng thế đấy. Mỗi người đeo một gói, có làm sao chạy được. Chứ cái va-ly nặng bao nhiêu cân thổ trên lưng ngựa đi đến đâu

mà thoát được, trong khoảng đường núi chỉ đi vừa lọt chân ngựa này. Như thế lại còn một chỗ khả thủ là nếu bị nghẽn đường thì kẻ nào có súng cứ phục xuống cố chết giữ để cho những cái “kết bạc sống” lùi mà chuồn dần đi. Va-ly thồ trên lưng ngựa không thể làm thế được. Ở trên cao, họ thấy mình chuồn cái va-ly, họ biết thóp theo dõi thì có chạy đằng giờ.

Cái kế hoạch ấy không hiểu vì lẽ gì gia huynh không theo.

Thấy gia huynh không theo, tôi lại bảo :

– Có phải anh sợ phiền, bây giờ lại phải đi may áo lòi thoi thì âu là thế này. Chúng ta có cả hơn một chục thồ. Vậy thì bây giờ anh lấy bạc để vào một cái nào xấu xí, để vào một cái mà người ta

không thể ngờ rằng trong ấy có bạc. Rồi bất cứ ở đâu, ta cũng làm ra bộ sẵn sóc canh phòng cẩn mật cái va-ly tốt mã..

Gia huynh hiểu ngay:

– Ừ cái ý kiến ấy hay đấy. Hừ hừ thực thực...

Đến đây, tôi mới nhận thấy cả cái kinh nghiệm về sự đi núi của ông bang Pinh Nam.

– Thế phải rồi. Nhiều khi ở những con qua đường queo, chúng ta có thể bị đánh cắt làm hai cái đoạn. Nhưng còn một điều này. Phải dặn mã phu lúc nghe tiếng súng, thì hạ thồ ngay xuống, chứ không ngựa sợ lồng lên thì mất hết. Thồ hạ rồi, chúng ta phải tìm chỗ nấp ngay, chứ không thì ở trên núi chúng nó nã xuống, không sai một phát. Chúng nó

đón đường là cốt để cướp thồ. Ta thì thẳng nào lại gần thồ... (ông Ping Nam giờ tay làm hiệu một người bắn súng):

– A-lê, phơ!

– Cảnh tình lại lộn ngược, mình trông thấy chúng nó, chúng nó không trông thấy mình. Được lắm.

*

Đoàn người ngựa kéo đi trước. Tôi còn tạt vào lâu đài để đón tiểu chủ nhân vì ông Tưởng, chánh tổng Xi-ma-Kai, có cái nhã ý đưa chân chúng tôi đến Lòng Phình.

Tuy mới gặp nhau, và tiêu chủ nhân còn kém tôi mấy tuổi, nhưng chúng tôi mỗi người đều đã có một quá khứ mạo

hiếm, nên nhìn nhau, xét nhau, chúng tôi dễ hiểu nhau để thân nhau.

Tôi còn nhớ khi chúng tôi sóng đầu ngựa ra đi, bị thôi miên bởi cái cảnh sắc thần tiên, tôi gò cương đứng lại giơ roi trở những rừng cây xanh um và tòa lâu đài mỹ lệ:

– Tôi sẽ dùng cái khung cảnh này để tạo nên một quyển tiểu thuyết. Và tôi sẽ mượn tòa lâu đài của ngài để làm chỗ trú chân cho vai chủ động, ngài có bằng lòng không ?

Tiểu chủ nhân sốt sáng bảo tôi:

– Nếu thế thì hân hạnh cho tôi lắm. Và nếu ngài cần đến sự tĩnh mịch thì hiện trên kia, còn một gian phòng rộng rãi bỏ không, tôi sẽ kê một cái bàn viết lên đấy cho ngài. Khi nào ngài viết xong

quyển tiểu thuyết ấy, tôi sẽ là người được đọc trước nhất.

Liên lúc đó, tưởng tượng của nghệ sĩ làm việc. Tôi đã nhìn thấy một trang phong lưu mã thượng ra vào tòa lầu đài này và đến thăm gian phòng làm việc mà tiểu chủ nhân đã đem hiến cho tôi một cách tử tế như thế. Nếu không có một trận mưa rào độc ác đổ ngay xuống thì có lẽ tôi đã phác nên ở trong đầu một cốt truyện! Mà rồi các độc giả thân yêu sẽ được đọc nó.

Nhưng các bạn chớ vội thất vọng, chỉ là một công việc hoãn lại trong ít lâu. Khung cảnh thần tiên còn đó, cốt truyện rồi sẽ đến sau.

Một điều tôi rất tiếc là không được đến làm việc ở gian buồng ấy, để viết quyển tiểu thuyết ấy, ngay giữa cái khu-

ng cảnh ấy. Và khi thành công trở về không được gặp tiểu chủ nhân – ông chánh Tưởng bận đi coi làm con đường Bắc Quang – Chapa — để cảm ơn cái thịnh tình đã đối với chúng tôi.

Những giọt mưa lạnh thấu xương bắt tôi phải hăm “phanh” tưởng tượng, tôi vội vàng lối ở yên ngựa một chiếc áo che mưa khoác lên người. Quên chưa nói để các ngài biết về tháng bảy ở Hà Nội tuy nực chảy mỡ mà trên này đã rét lắm, chúng tôi đều phải mặc áo len.

Thời tiết ở trên núi cao kỳ lạ. Một chốc nắng, một chốc mưa, nắng thì nắng cháy da, mưa thì mưa lụt đất. Vì thế cho nên sự đi đường rất vất vả, những người tạng yếu dễ bị cảm. Gần hai chục cu-ly theo chúng tôi lên đây, ở dọc đường, chết mất hai cũng vì không chịu nổi sự thay đổi mau chóng của thời tiết.

Trưa hôm ấy, chúng tôi đến Long Phình. Lại nhắm vào ngày phiên chợ.

Chợ ở đường ngược là chỗ hội họp của hàng bao nhiêu giống người: mán, Mường, thổ, mèo, ta, quảng đông, phúc kiến, xạ-phang, sá sừng, sá lý, sá họ, sá cầu, la chi, la lung,... ôi thôi, kể không xiết; và cũng không thể sao biết cho hết được, nếu mình không ở đấy hàng năm chuyên về việc khảo sát nhân chủng.

Trong chỗ tứ chiếng quần cư ấy, có hai giống người “làm tiền” mạnh nhất là giống ta và giống khách. Các giống khác đều là những con vật hy sinh. Những ngôi hàng xén của người ta và những sòng bạc của người khách thu gần hết những tài nguyên của các giống kia đem đến chợ. Những đàn bà mèo, mán, la chí... đem được ít thực phẩm bán xong thì vào các hàng xén ; mà các đàn ông

đem được ít trâu, bò, lợn... bán xong thì vào sông bạc và các hàng cơm.

Cái chế độ cho phép mở sông bạc ở thượng du đẻ ra một bọn lấu tử, nghĩa là một bọn chỉ kiếm ăn về nghề cờ bạc. Chũ lấu tử người khách dùng ở đây cũng gần một nghĩa với những chũ lấu tôm, lấu cá của người nam mình.

Tám chũ : “Tham oai, thích thực, học lẫn, luyện tinh” thật đã hình dung được rõ rệt cuộc sinh hoạt thấp hèn của bọn này ở tại các sông.

Tám chũ ấy nếu cần phải giải nghĩa thì đây xin mời các ngài nghe ông Bang Pấn. Ông Bang Pấn thật là người có đủ điều kiện để giảng cho các ngài nghe vì ông vừa thông hán tự, vừa lấu tiếng ta, lại vừa làm chủ sông bạc trong mấy chục năm giờ :

Tham oai ? Nhưng oai đây không phải là oai quyền. Mà nó nghĩa là thích ăn mặc sang để “vây” với người ta. Thích thực là tìm ăn ngon. Một sòng nào muốn họ mà không cho ăn uống tử tế là họ bỏ đi, hoặc họ phản ngay. Học lẫn là học lười. Ngoài việc làm hồ lý, sóc cái hay búng thò lò, họ không chịu làm một việc gì. Dời sòng bạc ra, họ đều là những người vô dụng. Luyện tinh là luyện khôn, nhưng đây không phải là những cái khôn đại đĩnh mà là những cái khôn nông nổi, những thứ xỏ lá vật trong nghề bịp cờ bạc.

Mỗi phiên chợ có chừng hơn chục anh lẩu-tủ kéo đến, bọn mèo mán chất phác, khờ dại còn gì mà đem về nhà.

Tuy thế, nhưng trong chốn rừng xanh núi đỏ nếu không có sòng bạc thì các thị trấn sẽ vắng tanh, mà các phiên chợ có lẽ chỉ lơ thơ một dúm người. Mán mèo sẽ

không chịu vất vả trèo đèo lội suối hàng chục cây số để đến đây. Họ đến đây để bị bịp và cũng để tìm lấy một chút sống sôi nổi trong khi bị bịp.

✱

Chợ Long Phình là hai dãy nhà gianh lụp xụp ở hai bên rìa đường. Gần đến nơi, người ta đã phải ngửi ngay một mùi... nồng nặc. Đến nơi thì cái nhìn liền bị đập ngay vào những đồng phân và những vũng bùn. Ngựa, trâu bò buộc khắp nơi, còn lợn gà thì xó nào cũng có. Không có một mẩu đất sạch để để chân. Ấy thế mà hàng cơm, hàng rượu của xạ-phang, người ra vào cười nói vẫn cứ đông nghịt. Ruồi nhặng ? Cả chợ Long Phình là cái tổ của ruồi nhặng. Nhìn bọn mán mèo ăn uống, nhìn kẻ mua người

bán chạy lảng xảng, tôi có cái cảm tưởng người ta mở tiệc trên đồng phân, kiếm ăn trong rãnh bùn.

Một cô gái xạ-phang chân bó, nhỏ tí, trong những manh vải xanh đỏ đi qua. Những manh vải xanh đỏ ấy vì dẫm mãi trong bùn lầy đã thành những cái tã. Tưởng tượng hàng năm, cô ta không cởi những mảnh vải ấy ra để cho bàn chân tù hãm kia được hưởng chút khí giới, tôi nhắm mắt.

Cả chợ là một mùi chàm. Nhưng kìa, phía bắc đỏ rực : hai cô gái mèo vừa tới chợ. Tôi tưởng chừng như hai cô quần hai lá cờ ngũ sắc mà trong đó mùi đỏ là mùi chúa tể.

Lại gần mới biết hai lá cờ ngũ sắc ấy là cả một công trình vĩ đại. Ông Chánh Tương nói với tôi những bộ y phục ấy là

công phu của cả một đời người. Từ năm sáu tuổi, các cô gái mèo đã thêu và dệt bộ quần áo ấy để đến khi mười bảy, mười tám thì mặc.

Xiêm thêu chỉ đỏ, chỉ kim tuyến, lại dát những đường bạc, xếp kể hàng chục nếp. Khắp cái đồng lụa đỏ lóe ấy, toàn là những đường thêu rất tỉ mỉ, toàn là những điểm bạc chạm trổ rất công phu. Các cô mặc hai cái áo bằng gai ruộm đỏ viền xanh, cổ áo và cổ tay cũng viền bằng những lá bạc chạm nổi các con giống, Tóc chải ngược khắp chung quanh rồi quấn một cái khăn xanh làm cho đầu các cô như bị úp bởi một cái nổi. Tai đeo vòng bạc, cổ đeo vòng bạc, tay đeo vòng bạc, chân đeo vòng bạc, những vòng bạc là vòng bạc.

Tôi lại gần để đếm ; vừa mới đến ba mươi năm thì cô gái đã mặc cỡ quay đi.

– Thôi, ông không cần phải đếm, cứ cho tạm là hơn sáu chục.



Gái Mèo

✱

Ai cũng đều lợm giọng, nhưng đôi quá, chúng tôi cũng phải bày đồ ăn ra. CƠM nếp và gà quay vừa mới bày ra thì nhặng và ruồi đã bay đến hàng hà xa số. Chúng tôi đều chật mũ ra quạt lia, quạt

lạ. Một người ở chợ có cái nhĩa ý cho chúng tôi mượn một chõng bát đũa. Vừa sờ đến, chúng tôi đều nhăn mặt. Một thứ nhờn nhờn rít cả tay và một mùi hôi hám xông ra làm cho chúng tôi lộn mửa. Chúng tôi vội vàng lau tay rồi cùng nhau bốc ăn.

Những thứ thịt thà ở đây thì không sao nuốt được, nhưng nói đến hoa quả thì ngon lạ lùng. Ở đây rét, hoa quả thứ gì cũng to và cũng ngọt. Những trái tuyết lê to bằng cái bát, ngọt lịm, chỉ giá có hai xu. Bí dợ, bí ngô, bí đao, quả nào cũng to gần bằng cái nôi.

✱

Đoàn người ngựa vừa ra khỏi Long Phình chừng dặm trăm thước thì mưa

rào đổ xuống như trút. Khí núi, hơi nước bốc lên khiến cho cách nhau chừng một thước, không trông thấy. Từ Pakha lên đến Long Phình đường tuy khó đi, nhưng đối với đoạn đường này thật không thấm vào đâu.

Gập ghềnh vách đá cheo leo

Câu thơ đó hay và đúng.

Chúng tôi đều như người trèo thang, những thang đá gan gà lởm chởm, bắc ngang lưng chừng giới. Đường lại chỉ đi vừa chân ngựa. Trượt một cái, không còn hy vọng gì tìm thấy cái xác lạnh lặn.

Wa Lâm nói chuyện với tôi người cai trước theo gia huynh lên xem công việc, khi đi đến đây, thấy đường nguy hiểm quá, luôn luôn kêu giới kêu đất và nhất định đòi về. Gia huynh phải dỗ mãi

y mới chịu đi. Có lẽ vì sợ quá nên lúc gia huynh lên làm, y không theo lên. Gia huynh phải mượn cai Quý.

Chẳng biết người cai trước kêu gọi kêu đất thế nào, chứ bây giờ, chúng tôi cũng đã khốn khổ về những tiếng rú kinh hồn của cai Quý. Y kêu chết luôn mồm, Gia huynh phải bảo tôi đi kèm y, để trông coi cho y.

Lên một cái dốc, một con ngựa thồ trượt chân lăn xuống vực lối hai hòm sâm banh đi. Chúng tôi đứng trên bờ vực nhìn xuống chỉ thấy trắng xóa nước mưa, xanh rì ngọn cỏ. Chẳng thấy tăm hơi con ngựa đâu !

Cai Quý vừa nghe được cái tin ấy vội vàng tự trên ngựa nhảy xuống, nửa khóc, nửa mếu:

– Thôi cháu không đi ngựa nữa. Cháu đi bộ vậy. Đường thế này thì chết con người ta rồi còn gì !

Mặt y lúc ấy tái nhợt, bàn tay y run cầm cập. Cái sợ hãi nó hiện hình lên ở y lúc bấy giờ trông thật là thảm đạm.

Trong đời, tôi thật đã nhiều lần sợ và đã nhìn thấy nhiều người sợ, nhưng chưa từng thấy một cái sợ nào nó khó coi như cái sợ này. Mặt Cai Quý lúc ấy làm cho tôi nhìn thấy cả cái chỗ hèn yếu bản thủ của thằng người sợ chết. Vẫn thương y, nhưng không khỏi bực mình, tối quát bảo :

– Đường còn mấy chục cây số gập ghềnh như thế này, chú đi bộ không theo kịp, tụt lại sau, hổ tha, hay giặc bắt, tôi không biết đâu đấy. Tôi chỉ sợ chủ đi được một quãng bò không nổi mà thôi.

Tôi nói xong thúc ngựa lên trước làm như bỏ y lại sau. Y sợ hãi, vội kêu :

– Thế ông đợi cháu mấy!

Y nhảy lên ngựa, nhưng vì vội vàng thành thử vướng cái áo tơi trượt chân, suýt ngã. Đã sợ, y lại càng sợ. Y nhăn nhó gắt với tên mã phu đi gần :

– Giời ơi, không giữ ngựa cho người ta với.

Lên được mình ngựa, mặt y đang tái nhợt bỗng đỏ tía. Y luôn luôn than thở :

– Bố con bảo con đi qua đây một lượt nữa, con cũng không dám đi.

Tên mã phu cười tủm :

– Rồi còn khó bằng mười.

Cai Quý muốn khóc :

– Thế thì đi làm sao được! Chết con rồi còn gì!

Gia huynh thấy thế khẽ bảo tôi:

– Chỉ có nó biết việc, bây giờ nó thấy đường khó quay về thì thật dở bết.

– Anh đừng lo, tôi đã có cách.

Tôi bắt mã phu giắt ngựa cho cai Quý qua quãng đường khó, rồi tôi bảo y :

– Chú có biết lúc nầy anh muốn bắn cho chú một phát không ?

Y trở mắt không hiểu.

– Ấy, may lúc nầy chú không đòi về. Giá đòi về thì có lẽ anh đã bắn rồi. Bắn quá bắn chết chú rồi về Hanoi có ai hỏi thì bảo chú ngã nước chết, ai đến đấy mà làm chứng...

Y nhăn mặt.

– Ông nói thật.

Tôi quắc mắt :

– Mày thử quay về mà xem.

Thấy y mặt tái mét, tôi đổi giọng:

– Đòi về thì anh bắn thật, nhưng chịu khó lên làm thì anh sẽ cho thêm một món tiền. Đường tuy khó đi, nhưng đi rồi nó cũng quen.

– Vâng, cháu đã thấy hơi quen.

✱

Lúc nhỏ, chúng ta học địa dư thì quyển địa dư bảo cho chúng ta biết Bắc kỳ có một miền núi. Trong cái đầu ấu trĩ, chúng ta hình tưởng thấy dăm ba quả núi

cao, có thể thôi. Hai chữ région montagnaise chỉ đem đến cho chúng ta một cái nghĩa : miền núi, không hơn.

Nhìn sự thực qua những dòng chữ với nhìn hẳn vào sự thực, học sách với học ở trường đời ?

Giong ruổi trên con đường từ Long Phình đi Cốc Bài, tôi sực nhớ lại hồi tôi còn là một trò nhỏ, cắm cổ học trong quyển địa dư : Bắc Kỳ có một miền núi. Rồi một ý tưởng bỗng đột hiện trong não căn tôi: có lẽ quyển sách không giúp ích gì cho ta, nên ta chỉ có quyển sách để học hay chỉ học nguyên ở trong quyển sách. Cái con vẹt là chúng ta sẽ là một con vẹt thông thái, nhưng cũng chỉ vẫn là con vẹt chứa đựng trong mình những quyển sách. Cái sàng khôn học được trong một ngày đàn ông kia, con vẹt không bao giờ có. Cả một sự thực nguy nga, cả cái hình

tượng chân xác của cuộc đời, con vẹt không bao giờ có. Con vẹt chỉ có độc cái bóng vầng của sự thực.

Những lời đánh thép của anh Phạm ngọc Khuê lúc ấy hiện đến cho tôi như những nhát búa : “không gì đáng sợ bằng những con vẹt thông thái. Và không có cái gì nguy hiểm hơn cho một người, nếu người ấy chỉ biết đi tìm chân lý trong quyển sách”.

Bốn bức tường của buồng giấy nhiều khi biến thành những bức tường của một nhà giam nó giam trí tuệ ta trong vòng lầm lạc.

Bắc Kỳ có một miền núi. Nếu ta đem hỏi một trò nhỏ, nó sẽ trả lời ta thế. Câu trả lời thật đúng. Phải, Bắc Kỳ có một miền núi. Nhưng nếu một trò nhỏ khác đã được tôi đeo trên lưng ngựa cho đi

thùng thảng từ Long Phình đến Cốc Bài thì khi về nhà, mẹ nó hỏi, nó phải vội vàng nói ngay :

– Núi, những núi là núi, mẹ ạ! Đâu đâu cũng núi, núi cao, núi thấp, núi to, núi bé, núi chọc tới mây xanh, núi lè tè mặt đất. Núi ! nhiều núi quá, núi đỏ, núi xanh, núi đen, núi trắng. Núi ! La liệt là núi, núi dọc, núi ngang, núi dài, núi ngắn. Núi ! Những núi ! Toàn núi ! Trông đâu cũng chỉ thấy những núi là núi, núi hết cả, mẹ ạ.

Phải, Bắc Kỳ có một miền núi. Hai trẻ nhỏ đều nói một sự thực. Nhưng cái sự thực đã học ở trong sách với cái sự thực đã nhận thấy ở trường đời, hai đảng chên nhau biết mấy.

Tần Thủy Hoàng nếu vì muốn thực hành cái chính sách ngu dân mà đốt

sách chôn học trò để dễ cai trị thì cái tội đốt sách chôn học trò quả là một tội to. Nhưng nếu cái mục đích phần thư khanh nho chỉ là để trừ diệt đi cho loài người những con vẹt thông thái, những kẻ tội mọi của sách thì sự đốt và chôn ấy cũng là một công ân đối với nhân loại.

Sách rất quý, nhưng nó chỉ quý khi nào ta biết... cai trị nó và đừng để nó cai trị ta.

✱

Những quả núi chúng tôi đi qua, toàn là núi trọc. Đất rất phì nhiêu. Lúa xanh um. Và những bắp ngô đều to hơn những bắp ngô trồng dưới đường xuôi ta nhiều. Chủ những nương ngô, lúa ấy phần nhiều là người mèo và người nùng.

Họ ở rải rác trên các ngọn núi cao. Người xạ-phang thì ở chụm lại một chỗ, phần nhiều họ giống tam thất và thuốc phiện. Từ khi ở bên Tàu, người ta xử tử những người buôn và giống thuốc phiện thì sự buôn lậu lại đi ngược lại từ ta sang Tàu.

Trấn Phòng ngày nay là một thị trấn vắng teo. Còn Pakha và Xí- mần dần dần trở nên sầm uất, sầm uất vì mối lợi thuốc phiện.

Chúng tôi đến Sin Cái thì mưa vừa tạnh. Bước chân vào Sin Cái, tôi biết ngay rằng đó là một thị trấn mà dân cư toàn là xạ-phang. Người xạ-phang đã ký sự có mặt của mình bằng những đồng phân, bằng những vũng bùn, bằng những đàn lợn sể thả rông, bằng những con ngựa hôi hám buộc ở cửa.

Ở đây, người ta cần nhắc sự giàu có của một gia đình và có lẽ cả cái giá trị của một con người bằng những đồng phân. Gia đình nào mà không có lấy một đồng phân trong nhà thì rất khó lấy vợ cho con trai và gả chồng cho con gái. Không có phân, nghĩa là không có ngựa, không có lợn, không có trâu bò, không có ruộng nương. Sự giống giọt ở đây cần rất nhiều phân, cho nên phân rất quý. Vì quý, người ta đều chứa ở trong nhà, không dám để ngoài sợ bị ăn trộm.

Wa Lâm trở một nhà xạ-phang ngoài cửa chi chít những đồng phân và những vũng nước đá ngựa bảo tôi :

– Nhà này giàu nhất vùng đây. Ông không tin, thử hỏi mã phu mà xem.

Giàu nhất tức là nhiều những cái đồng lù lù nhất.

Thoạt bước chân vào trong nhà, tôi tưởng chừng như bước vào một cái chuồng trâu. Phân ở góc bên trái, phân ở góc bên phải, phân khắp nhà. Phía trước một đàn gà bới. Con lợn sề thì đang cọ mình vào một cái chân bàn trên đó có để một cái ấm tích và mấy cái chén. Chủ nhân rót nước mời chúng tôi. Tôi nhìn xuống đáy chén thì thấy đen những cẩu !

Gian nhà vừa là chỗ thờ tự, vừa là chuồng trâu, chuồng bò, chuồng ngựa, chuồng lợn, phòng ngủ, phòng ăn, phòng khách.

Ngồi một lát, tôi thấy ngựa ran. Trên phía đầu tôi, mấy tiếng gà cục te, cục tác. Tôi ngừng đầu lên. Thì ra người ta đã dùng cả gian nhà làm chuồng gà.

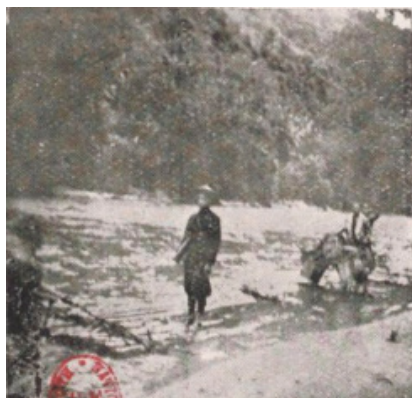
Wa-lâm thấy tôi gãi, mỉm cười:

– Ông bị bọ chó và mặt gà đốt đấy, nhưng không sao. Rồi ông sẽ quen. Mà ông không quen cũng không được, vì đây, ở đâu và lúc nào, rồi ông cũng sẽ bị mặt gà và bọ chó đốt.

✱

Đường từ Long Phình đến Cốc Bài là một cái dốc, một cái dốc vĩ đại mà chúng tôi phải xuống mất nửa ngày ngựa.

Ở trên sườn dốc nhìn xuống, con Tiểu bạch hà như một sợi chỉ bạc đặt trên một tấm thảm xanh. Mà nhìn lên thì đồn Xí-mần như một cái chấm trắng lẫn trong ngàn mây.



Mãng qua sông Tiểu Bạch Hà

Về phía tay phải chúng tôi, ở những rặng núi xa tít mù khơi, những thác nước trắng xóa đổ xuống bất tuyệt, tạo nên một thứ âm nhạc hùng vĩ của núi cả, khe sâu. Có lúc nó lơ lửng ngàn cây ; có lúc nó lè tè ở mặt đất ; có lúc, nhờ trận gió, nó vút bay tít lên tầng giới như một điệu nhạc thần.

Một điều lạ, đây không có chim to. Khác hẳn ở Cao-mên mà mỗi một bước ngựa của tôi làm bay tung lên trời hàng

đàn sếu, hạc, công, quạ nước... đủ thứ. Ở đây, chỉ có một thứ họa mi, một thứ họa mi mà tiếng hót thật là hợp với khung cảnh, một tiếng hót như rền, như rĩ nó gọi lên trong lòng khách lữ hành bao nhiêu nỗi thê lương. Tiếng hót gì mà dài dằng dặc; khi trầm thì như tiếng chuông ngân, mà lúc bổng thì như còi tàu giục khách. Tiếng hót gì mà trong như pha lê, sâu như lòng quả phụ. Càng trong lại càng sâu, càng sâu lại càng làm cho khách lưu luyến tới cái cảnh sắc chẳng vương một mảy bụi phồn hoa.

Tiếng hót lửng lơ đi trong gió như một làn sóng hư không vụt đem đến cho khách một điều nghĩ khắc khoải về cuộc đời, về sự sống.

Nhìn mây trắng đùn lên như một ảo tượng, ngấm núi xanh đứng thẳng tắp trước nền trời, lại trông đến cái thân hình

con ngựa gầy ốm như một cái rác, khách bụi ngùi cảm thấy mình nhỏ bé trước cái vũ trụ mênh mông mà mỗi một thiên tai có thể nghiền tan mình ra cám.

Con ngựa cứ bước đều, chẳng thèm để ý đến cái điều nghĩ của khách, chẳng thèm để ý đến đường trường đầy đá đỏ nguy nan. Khách bất giác nhận thấy ở cái chỗ chẳng thèm ấy một tấm lòng tin tưởng không bờ bến ở dây cương kẻ cầm. Rồi khách tự nhủ: nếu mình muốn thì mình có thể cầm cái dây cương con ngựa ốm gầy này cho nó đến rầy đạp lên những ngọn núi cao ngất trời kia. Khách bỗng thấy một cái khoái, cái khoái là người, khoái ở chỗ nhỏ bé mà to lớn.

Đi trên sườn đồi như một hạt bụi, mà lòng mình có thể bao trùm cả cái vũ trụ mênh mông đang bao trùm mình kia. Đã bao phen, mình đưa thần trí mình

thúc qua từng trời xanh để dò xem sau cái xanh xanh ấy có gì. Và cũng đã nhiều lần, mình gửi những cảm giác vui vẻ hay buồn rầu của mình trong lòng những đám mây xám để bắt nó phải giữ nguyên vẹn cho mình.

Là một đồng xương thịt sinh ra để thối và để nát, đã bao nhiêu phen, mình có cái hùng khí muốn đảo lộn cả cái vũ trụ đã an bài; cái ý muốn, cái ý muốn ghê gớm của loài người luôn luôn viết lên không trung một lời đe dọa.

Khách quất ngựa rồi hát vang :

Viễn quan sơn hữu sắc

Cận thính thủy vô thanh

Khách đang hát thì một trận mưa rào cuốn núi đổ xuống như một sự trả thù, bốc cái hơi trắng xóa vây bọc khiến cho

khách không còn nhìn thấy gì. Khách ngừng hát, nhìn vào cái trắng xóa :

– Cú mưa đi, mưa mãi đi, mưa nhiều đi. Rồi đây ngồi trước bàn giấy, ta sẽ bắt nhà người phải duyệt binh lại cho tất cả những người chưa thấy cũng được xem.

✱

Mưa tạnh. Cả cái cảnh vật vừa được rửa sạch tុ ở trong làng Ma hiện đến trước đầu ngựa tôi như một quyển dữ.

Trên một sườn đồi nhỏ, mười mái nhà rải rác dưới những ngọn phi lao xanh rờn và thẳng đuồn đuột. Phía trước, núi Xí-mần treo ngược như một bức tranh mầu vẽ sơn. Chung quanh, những ruộng lúa lay động những... sóng biếc. Một cái gì lặng tờ, êm du nhớn nhơ đầu đây, dội

vào lòng tôi một nỉ non : Lại đây, ở chốn này, người ta quên hết, quên hết để mà vui.

Tôi xuống ngựa, chỉ làng Ma bảo Wa-lâm :

– Ông giáo ạ, có lẽ một ngày kia, tôi sẽ lấy một cô vợ mèo, về làm một túp lều gianh ở dưới gốc táo kia.

Cai Quý cười khì khì :

– Nếu ông đã muốn về ẩn ở đây, sao lại còn phải nghĩ đến sự lấy một cô vợ mèo ?

Cả bọn cười rộ. Wa-lâm chưa kịp trả lời thì cai Quý được cái cười của cả bọn khuyến khích lại nói tiếp :

– Nếu lòng trần của ông chưa rũ sạch thì sang phẳng ngay tây lấy một cô vợ

đầm. Có phải vừa ngon lành, vừa sạch sẽ hơn không ?

Cả bọn lại cười. Wa-lâm nhìn làng Ma, lại nhìn cai Quý :

– Bác cai thì biết cái cóc gì. Trí người ta muốn ẩn, nhưng thịt người ta chưa cho ẩn thì cô vợ mèò nào đã hại gì cho sự ẩn dật.

Tôi quên chưa đem giới thiệu Wa-lâm với các ngài. Trong bọn, chỉ có ông ta là còn có đôi chút học thức khả dĩ có thể nói một vài câu chuyện về văn chương. Xưa kia, ông ta cũng là con một nhà giàu ở Phố Lu, đã từng du học Vân Nam, Thượng Hải, Quảng Đông. Sau vì nhà sa sút, ông ta phải bỏ dở về Pakha dạy học. Vì thế, người ta gọi là ông giáo. Dạy học được ít lâu, xét thấy cảnh dạy học trên đường rừng chỉ đem lại cho

người ta thiếu thốn và đói rét, ông bỏ nghề dạy học đi buôn. Vì ông là rể ông bang Pắc nên ông bang Pắc giới thiệu với gia huynh để ông làm chân thông ngôn. Là người Quảng Đông, nhưng ông lầu tiếng xạ-phang lắm. Ông thuộc vào hạng thanh niên mà cái mộng đầu xanh bị vỡ tan tành đã reo xuống lòng một nhớ tiếc.

Cái đau khổ ngấm ngấm của ông là phải ở vào một chỗ mà không ai có thể hiểu mình. Nhưng vì sinh kế, nên không thích mà vẫn cứ phải ở. Cái điều mưu thực tâm thường tuy thế mà là một cái xích nghìn cân chỉ có những kẻ nhiều nghị lực lắm mới bẻ nổi để đi theo sở thích của mình.

Gia huynh đi sau nghe chúng tôi bàn tán cũng gò cương đứng lại :

– Nếu tôi mà đến ẩn ở đây thì ít nhất tôi cũng phải về Hà Nội bắt cóc một tiểu thư tuyệt sắc đem lên.

Cai Quý lại cười khì khì :

– Thưa ông, thế thì chỉ độ ba ngày là ngã nước chết ráo. Và lúc lên thì ít nhất phải có người công vì cho đi ngựa thì...

Ông bang Pinh Nam cười khà khà:

– Thì cũng rú như bác cai Quý.

Cai Quý then đỏ mặt :

– Đá gan gà nhọn hoắt, lại cheo leo đường dây điều chết người, ai mà không sợ.

Gia huynh cười tùm, thúc ngựa đi:

– Ví thử đem một tiểu thư đi theo thì cứ nó rú, nó kêu khi trông thấy thác

ghênh, chúng mình cũng đủ sống dở chết dở về sự phục dịch nó, ông bang Pấn nhỉ ?

Ông bang Pấn ném điều thuốc lá :

– À, lúc ấy ta lại tìm cách cho nó khỏi rú chứ.

✱

Đứng trên bờ núi trông thì Cốc Bài gần ngay trước mặt. Tôi tưởng chừng nhảy mạnh một cái thì khi rơi xuống đúng ngay vào giữa làng ấy.

Nhưng đi, đi mãi mà chưa đến nơi. Núi cao, cao lắm, người ta không thể xuống tuột ngay dốc, người ta phải xẻ đường lượn đi lượn lại. Tuy lượn đi lượn lại như thế mà nhiều khi dốc quá cũng

không thể đi ngựa được, chúng tôi phải xuống đất.

Lúc bắt đầu đi ngựa thồ, ông bang Pấn có bảo tôi :

– Đi ngựa thồ ngã không đau vì mình nhảy ngay xuống được. Đi yên tây ở đường núi, nếu ngã thì khốn. Ngựa vấp mà sa tiền có thể chết người.

Trước tôi không tin. Vì cưới yên tây quen, hai cặp đùi có thể kẹp con ngựa như hai lưỡi kìm, tôi cho chỉ có yên tây là chắc chắn.

Nhưng cưới yên thồ trong hai ngày, tôi mới rõ lời nói kia là đúng. Chân không vướng vào bàn đạp, ngựa có quy là ta tuột xuống được ngay.

Sự cần dùng sinh ra luật lệ, bó buộc ta phải ép mình theo nó. Ở đây, đường

núi dốc, đá lởm chởm, ngựa không thể đi mau. Ngồi yên thồ có thể xếp chân bằng tròn hay bắt chân chữ ngũ đi hàng ngày không mới. Gia dĩ xứ này rét lắm, đi đâu phải mang chăn đệm đi. Ngựa đóng yên tây thì không thể, chứ với yên thồ, người ta có thể xếp chăn đệm ngồi lên. Vừa êm mà đến đâu cũng đã có chăn đệm để dùng. Nếu cưỡi yên thồ mà lại có phì-lạp [Túi da.] thì người ta có thể đem hết các đồ cần dùng theo.

Vì đường dốc, chúng tôi xuống dắt ngựa. Chúng tôi đều phải chạy vì luật thẳng bằng cứ xô chúng tôi về đằng trước không thể nào đi chậm được.

Sâm sâm tối, chúng tôi đến Cốc Bài. Ngựa mệt và người mỏi, chúng tôi không đến thẳng Xí-mần được.

Biết chốn này là một chốn rất nguy hiểm mà chúng tôi cũng phải buộc lòng ngủ đêm ở đấy.

Chỗ này là cái ngã tư của các đường sang Tàu. Chỉ qua một quả núi là đến nơi. Giặc cỏ ở bên Tàu thì như muỗi, chúng đi từng đoàn bốn năm mươi tay súng. Tuy được ông bang Pinh Nam nói cho biết rằng dưới chế độ cương quyết của Tưởng Giới Thạch, bên Tàu đã ít giặc, và một khi tràn sang bên ta, bị các quan đồn đem lính đi cản, bắn chết nhiều, giặc cỏ ít dám sang, nhưng chúng tôi không khỏi áy náy. Gia huynh phải thuê thêm bốn người lính đông ở vùng ấy đến canh gác. Thấy gia huynh lo ngại, tôi liền bảo :

– Đối với thứ binh khí như súng, thế thủ lợi hại hơn thế công. Mình ở trong một cái nhà sàn kín như thế này ít nhất phải có trăm tay súng đánh trong mấy

ngày mới phá nổi. Mà đã phá được thì ít nhất họ cũng phải chết quá nửa. Anh cứ yên tâm.

Tôi định ninh đêm hôm ấy sẽ thức suốt đêm để canh gác, ai ngờ mệt quá, vừa cơm xong, tôi đã lăn ra ngủ một giấc thật say cho đến tận sáng. Năm năm nay, từ khi tôi về Hà Nội, lần này là lần đầu tiên tôi được ngủ một giấc ngon lành như thế, vì lần này là lần đầu tiên, tôi mới lại có cơ hội để vận động cơ thể cho nó thật nhọc mệt. Giấc ngủ ấy làm cho tôi thêm khát những đời các người nhà quê, làm vẩn vật suốt ngày, rồi đêm đánh một giấc thẳng đến sáng. Thì ra giấc ngủ ngon là thứ phần thưởng ông trời dành riêng cho sự làm việc. Tôi sức nghĩ đến những người sống một cách lười biếng ở thị thành lâu lâu phải dùng đến thuốc ngủ.

Sáng hôm sau, gia huynh cười bảo tôi :

– Tối qua chú canh gác một cách... ghê quá.

Tôi cười xin lỗi :

– Mệt quá, nằm xuống là thiếp đi.

– Tôi cũng thế, nằm xuống là thiếp. Ấy cũng may, ngủ thế lại đỡ lo.

Ông bang Pinh Nam đang rửa mặt quay lại :

– Mình xếp đặt chu đáo như thế, xảy ra thế nào được.

★

Sáng dậy, tôi mới để ý nhìn ngắm lại cái nhà tôi đã đến trọ. Nhà rộng, to, toàn

ngói và gỗ, chung quanh tường vây kín. Nhưng nhìn đến trong nhà thì chẳng có một thứ đồ gì đáng giá.

Ngạc nhiên, tôi mới hỏi Mã-lờ là một tên cu-ly người xạ-phang biết nhiều tiếng nam mới theo chúng tôi từ Long Phình. Tôi được nghe lịch sử của một gia đình mà thời oanh liệt đã chìm vào trong títt ngàn dâu, để lại cho con cháu cái nghèo, cái lười biếng tập nhiễm trong khi giàu sang, và sự ghét bỏ thù hằn của những người chung quanh.

Người lập nên cái dinh cơ này là một ông chánh tổng đã có một thời kỳ hét ra lửa. Những lớp nhà ngói này là mồ hôi nước mắt của bao nhiêu dân đen bị áp chế. Ngoài cái lối hồ giả hồ oai, dựa vào quyền thế và chức vụ để bóc lột những kẻ xấu số, ông ta còn dùng cái lối đưa đường cho giặc về cướp những nhà nào

dám đương đầu với mình. Vì thế nên ai cũng sợ. Ông ta có cái hoài bão lập tại đây một châu quận mà rồi ông sẽ được chức tri châu. Nhưng có lẽ oan hồn những kẻ bị chết một cách thê thảm không cho ông được như ý. Một quan đồn sáng suốt mong manh biết những độc thủ của ông. Ông phải xin từ dịch. Ông chết trong sự buồn rầu và thù oán của mọi người. Các con cháu xưa nay chỉ ỷ lại vào ông, chơi bời bán dần những đồ quý giá để theo đuổi những cuộc vui nó đã biến thành những thói quen không thể bỏ.

Còn cái xác nhà nếu họ có thể bán được thì đã bán rồi, nhưng ở đây bán ai mua.

Ấy thế là khách tứ phương đi qua, ghé trọ một đêm lại được dịp để... chiêm ngưỡng một thứ buồn mênh mông của một tòa nhà trống rỗng không người

chữa sửa, cứ dần dần đổ nát dưới những nhát búa của thời gian. Và nhìn đàn con cháu ngô nghê nó là cái kết quả dĩ nhiên của những kẻ nông nổi chỉ biết thương con cháu bằng cách kiếm đồng tiền phi nghĩa để lại cho chúng, mà quên bằng đi rằng cái của quý nhất, bền nhất là lòng người.

*

Từ Long Phình đến Cốc Bài là... xuống một cái dốc vĩ đại thì trái lại, từ Cốc Bài đến Xí-mần lại là lên một cái dốc vĩ đại.

Sang phà con Tiểu bạch hà rồi, nhìn đồn Xí-mần chỉ ở ngay trước mặt mà chúng tôi đi, đi mãi vẫn chưa thấy đến nơi. Hôm ấy, không mưa. Trời nắng, đường

không trơn, nhưng lại khô vì nóng. Ngựa leo lên đến nửa chừng núi, con nào cũng mệt thở như thổi bể. Chúng tôi ai cũng đều bị nắng, mặt đỏ gay, mồ hôi ra nhễ nhại. Tôi nhìn đến cổ tay, đến bắp đùi thì đều bị nắng chườm thành một màu đỏ. Nhưng kinh nghiệm đã bảo cho tôi biết rồi đây màu đỏ ấy sẽ biến ra màu đen xám.

Câu thơ:

Thân giải (trải) phong trần trở mặt tái

của nhà thi sĩ Tchya chỉ là tả cái thứ phong trần... ẻo lả của đất phồn hoa. Giải cái phong trần thật là phong trần trên chốn rừng cả núi cao này chỉ còn trở cái mặt đen xì.

Đồn Xí-mần ở trên một ngọn núi cao bậc nhất vùng đây. Lên đến nơi, quay nhìn con đường mình đã đi, những thị

trấn mình đã qua chỉ nhỏ bằng sợi chỉ và những cái chấm.

Dân cư nói cho tôi biết về mùa rét, thường thường tuyết phủ mà có khi nước đông lại thành băng, muốn có uống phải lấy cốc mà cốc.

Khí hậu quanh năm mát mẻ. Lúc nào cũng gió đùng đùng. Về đêm thì rét. Xem qua thời tiết thì thật là một chỗ nghỉ mát cũng tốt như Chapa, nhưng không hiểu sao dân vùng đây phần nhiều có một cái bấu to bằng cái bát ở cổ. Người ta bảo vì chất nước sinh ra.

Cai Quý nghe nói giật mình :

– Chết cha con rồi! Nếu chẳng may phải đem một cái bấu như thế về Hà Nội! Kí-nin đâu, ông cho cháu xin mấy viên.

Đồn Xí-mần là một thị trấn người xạ-phang. Cũng những đồng phân, cũng những con lợn xề thả rông,

Mèo, mán, nùng và sá ỏ rải rác trên các ngọn núi, chỉ những phiên chợ mới kéo nhau ra để cho người xạ-phang bóc lột. Xung quanh đồn cũng có mấy gia đình người kinh mà sự mưu sinh dựa vào những lính tráng.

Chúng tôi đến trọ nhà ông Vang Lỗ, người xạ-phang. Ông là một phú thương ở vùng đấy. Ông thầu bán giày thổ cho các đồn lính, ông có nhiều nương thuốc phiện. Trong nhà, lúc nào cũng có dăm trăm lạng dứa (nhựa). Những người ở bên Tàu sang mua thuốc phiện thường đến đây.

Đồn Xi-mân cách áp giới chín cây số. Trước kia vùng này là của Tàu, nhưng vì bị bọn giặc cò quấy nhiễu, quan Tàu ở địa phương không trị nổi mới nhường lại cho người Pháp.

Là một nhà giàu, nên gian nhà thờ — và cũng là gian để chứa những đồ quý giá — kiến trúc thành ra một cái hũ nút, chỉ có một cửa ra vào. Giữa tường, cạnh ngay hai cánh cửa lại chỗ hai cái lỗ châu mai rất nhỏ để ở trong có thể chĩa súng bắn ra ngoài một khi bị cướp đến phá cửa. Hai cái lỗ ấy, nếu không có người chỉ dẫn cho biết thì không thể sao mà nhìn thấy được.

Chúng tôi phải ngủ ở đấy một đêm để tính đến việc mộ cu-ly. Bữa cơm trưa, chủ nhân dọn cho chúng tôi ăn.

Cơm có thịt gà, có miến, nhưng thật

chúng tôi không tài nào nuốt được — ớt, đựng vào đâu cũng có ớt — vì gia vị chế khác miệng chúng tôi cũng có, vì cái sự bắn thủ ghê gớm của người xạ-phang làm cho chúng tôi ghê sợ cũng có.. Thành thử, bao nhiêu đầu đũa đều đổ xô cả vào đĩa lạp sườn mà người bếp của chúng tôi vừa nướng đem lên.

Hãy tả cho các ngài biết cái món xào mà bà chủ tin chắc là ngon nhất.

Thịt gà, su su và hoa mướp. Nếu cứ xào như người mình thì tất là phải ăn được, nhưng đằng này không. Hình như bà chủ bỏ ba thứ vào nấu qua lên nên nó lỏng bồng những nước. Mà cơ khổ chưa, áng chừng có nửa bát ớt ở trong ấy. Tôi ở Saigon và Cao-mên lâu năm, đã quen ăn ớt. Nhưng món xào ấy, tôi cũng không dám dụng vào vì nó cay trên cái tưởng tượng của con người ta.

Ông bang Pấn gấp một miếng rồi bảo tôi :

– Chưa thấm vào đâu. Thử xuống xem bọn mã phu ăn. Một bát cơm phải có nửa bát ớt. Lúc ấy tôi mới hiểu vì lẽ gì người xạ-phang nào cũng mắt đỏ hoe và hơi nhập nhèm.

Thời tiết ở trên này rét, người ta ăn ớt cốt để cho có nhiều sức nóng trong người. Nhưng vì dùng nhiều quá, nên hại mắt.

Nhà này không có phân ngay trong nhà, nhưng ở nhà ngang, ở trước cửa, ở trước sân, không thiếu gì. Mà gà và lợn thì bất cứ chỗ nào chúng cũng nhảy lên.

Tôi đi qua cái sân lớp nhớp, tạt xuống bếp, nhìn vào thạp nước. Nước trong veo, ở dưới đáy toàn xương cá, xương gà, và những hột cơm ! Còn gì gì nữa !

Tôi rùng mình, tưởng tượng đến ấm nước chè ông chủ pha cho mình uống.

Mùi phân, tôi đã gần quen, nhưng còn cái mùi người xạ-phang thì kinh khiếp quá.

Đây các ngài nghe ông Pinh Nam nói với tôi về sự vệ sinh của người xạ-phang:

– À, giống xạ-phang có tắm mấy khi đâu. Họ sợ nước lắm. Họ bảo tắm luôn ốm. Trong một trăm người xạ-phang thì có năm người một năm tắm một lần, năm người hai năm tắm một lần, còn chín mươi người một đời tắm vài bận. Có nhiều người đàn bà một đời chỉ tắm có một lần, nghĩa là cái ngày hôm trước khi đi lấy chồng. Ông chưa biết, ở đây có nhiều người trước khi tắm, họ còn phải xem ngày và còn làm xôi gà cúng rồi mới dám tắm cơ !

Mồ tay vào việc

Sự chơi bời triền miên ở Hà Nội cuốn hút hết cả thì giờ, khiến tôi không có lúc nào rảnh để bắt đầu một tác phẩm to lớn mà cốt truyện tôi đã nghĩ ra từ lâu. Tác phẩm ấy nhan đề Cái dọt dầu. Trong đó, tôi tả những ảnh hưởng khốc liệt và xấu xa của một việc làm trái lương tâm cùng sự chi phối của nó qua thời gian và không gian. Tôi sẽ tả hết các tầng lớp xã hội hiện tại và cả sự biến chuyển của nó từ khi nước Pháp

sang bảo hộ cho đến ngày nay. Tất cả các hạng người đều có mặt ở đây.

Quyển sách ấy viết chóng lắm thì cũng phải hơn một năm mà ngắn lắm thì cũng phải 1500 trang giấy học trò. Tôi dự định cho in ra thành mười bản.

Thấy đất Hà Nội không đủ tĩnh mịch để thực hành công việc ấy, trước khi đi, tôi đã giao hẹn với gia huynh:

– Tôi chỉ nhận trông coi có giấc cướp ở đường sá, còn công việc làm, tôi không biết đến đâu đấy.

Gia huynh bằng lòng. Tôi định đem giam mình lên đỉnh núi, giữa một khung cảnh hùng vĩ để hàm dưỡng, để trước tác một quyển sách cho nó xứng với hoài bão của lòng.

Vì thế cho nên khi đi, tôi đã đem

theo hai mươi tập giấy và một hộp ngòi bút brazza.

Than ôi, những tập giấy ấy, hộp ngòi bút ấy, tôi lại phải nguyên vẹn đem về. Mà “cái dọt dầu” vẫn là cái dọt dầu trong tưởng tượng.

Tôi đã chán ghét cái nghề thầu khoán, chán ghét cái nghề mà hành vi không bao giờ có thể đi đôi với tiếng gọi của lòng, thế mà tôi lại phải mớ tay vào !

Mười mấy năm giờ, tôi đã bị bội thực với những sự lọc lừa và tàn nhẫn rồi ! Sau một khoảng đời niên thiếu sống cho đồng tiền với tất cả những mảnh khoé để kiếm nó, tôi nghĩ đến sự trước tác trong một phút giác ngộ nó mở mắt cho tôi nhìn thấy cả những cái tầm thường của một cuộc sống mà mỗi một hành vi đều đi ngược lại lý tưởng, trái với sở nguyện.

Trước khi cầm bút để nhận lấy cái đói, cái nghèo nó là kết quả dĩ nhiên cho những kiếp nhà văn ở xã hội này, tôi đã nói với những người thân yêu :

– Chúng ta đã sống trong dư dật nhiều rồi, bây giờ tôi đổi nghề, nếu có phải vì thế mà thiếu thốn, cũng chớ có trách oán nhau, Tôi đã sống cho người nhiều lắm rồi, bây giờ phải để cho tôi sống cho tôi một chút.

Tuy ngòi bút không đem đến cho tôi những dư dật như cái cân, và quyền sách không làm cho vợ con được xa hoa bằng cuốn sổ cái, nhưng thật nhờ chúng, tôi đã được sống những phút cháy lòng mà cả mười mấy năm mạo hiểm để kiếm tiền không cho tôi có. Tôi đã được sống những ngày tự do, những ngày khoáng đạt, những ngày hàm dưỡng, mình hiểu mình, mình tin mình, bất chấp cả cái dư

luyện của gia đình và loài người.

Tuy cũng có những ngày túng thiếu, nhưng luôn luôn tôi được những say sưa của cuộc sống tinh thần đền bù lại; và luôn luôn tôi đã có thể tự phụ : “mày đã sống với tất cả cái nghĩa mãnh liệt và đầy đủ của chữ sống, mày đã dám sống cái đời sống của mày”.

Những tưởng rồi đây cứ ruỗi rong mãi trên con đường lý tưởng títt mù, ai ngờ chóng thế, mới không đầy năm năm, đã phải quay về cái nghề nó đã làm tàn dụi bao nhiêu hoa lòng đang mọc khỏe.

Trừ khi nào ngài nhất định làm một chủ thầu bị phá sản, ngài mới có thể không suy đồng tính lạng. Mà đã suy đồng tính lạng, thì thể tất nhiên phải gạt đi những tình cảm nó gặm nhấm cái túi tiền của ngài.

Nhật tụng của nghề thầu khoán ? Công việc là công việc. Đối với con mắt nhà thầu khoán lành nghề, người là những con số, mà sự tử tế chỉ có thể đem thực hành khi nào nó có lợi cho mình.

Tôi bắt buộc phải mớ tay vào việc không phải vì gia huynh nài ép, cũng không phải vì tôi thích. Tôi bắt tay vào việc vì tình thế nó đưa tôi đến, vì một lẽ rất thường: trong cả bọn chưa ai làm cái nghề thầu khoán cần phải tàn nhẫn, cần phải biết giả dối và cần phải mau trí khôn như tôi bao giờ.

Phương chi công việc này lại là một công việc cấp tốc. Thời hạn chỉ có hai tháng, làm chậm sẽ bị lỗ vốn. Tôi, tôi không muốn cho gia huynh bị lỗ vốn. Cả cái trại để dưỡng lão của song thân tôi đã đem làm vật đảm bảo để cho có tiền làm việc.

Trước kia, nghĩ mình chẳng dự vào công việc, tôi cũng chẳng bàn chuyện gì với gia huynh. Và trong những khi gia huynh bàn bạc với ông bang Pấn, tôi cũng chẳng để ý nghe. Khi ở Hà Nội, tôi chỉ dặn qua loa gia huynh có mấy điều. Trong một chỗ cu-ly làm đông, sợ nhất là xảy ra những bệnh dịch, cần phải mua nhiều thuốc để phòng bị. Điều sợ thứ hai là muốn cho được việc và nhẹ thân, cần có một người cai tốt, trả giá đắt một chút không sao.

★

Đồn Xi-mần cách chỗ chúng tôi làm chừng gần hai chục cây số. Gia huynh đem tiền gửi ở đấy và cứ kỳ tiền thì lại cho người về lấy dần.

Trước khi đem cái va-ly bạc đi gửi, gia huynh cố ý để lộ liễu cho nhiều người biết. Ông Bang Pấn không bằng lòng. Ông sẽ bảo với tôi :

– Việc gì phải làm như thế !

Sự không bằng lòng ấy tôi đã hiểu cái nguyên ủy : xưa nay, trong những công việc, ông vẫn giữ cái địa vị số một, nay vì tình thế, ông phải xuống cái địa vị số hai, khỏi sao cho không có những ghen ghét ngấm ngầm nó là cái bản tính dĩ nhiên của giống người chẳng phải thần, mà cũng không hẳn là quỷ. Vì biết thế, tôi lặng im dù rằng tôi không đồng ý kiến với ông. Không phải tôi bênh gia huynh, nhưng chính cái hành vi ấy tôi cho là phải.

Tải vụn bạc vào đất Tàu đầy những giặc cỏ ? Nguy hiểm lắm. Để cho mọi

người biết rằng mình không đem theo, âu cũng là một cách khôn ngoan nó có thể làm tan đi nhiều thềm muốn khốc hại cho mình.

Sáng hôm sau, chúng tôi chia ra hai ngả. Gia huynh và ông bang Pinh Nam thì đi lên Mao Ping để điều đình với ông quan Tàu sở tại về việc mộ cu-ly và nhờ ông che chở.

Xưa nay, vốn đã biết tiếng các ông quan Tàu hay kiểm chác, lại biết rõ ông quan Tàu này trước kia muốn mưu với người thư ký vô tuyến điện trong công ty để cùng làm cái công việc này, nhưng vì công ty xét không thể làm nổi nên không bằng lòng, gia huynh rất áy náy về chỗ đó. Gia huynh chỉ lo họ ghen ăn kiếm chuyện làm ngang trái.

Mộ cu-ly ở bên ta sang thì không

thể được. Vì đường xa, sở phí rất nhiều, mộ ở gần thì không có đủ. Mà cho dù có đủ thì mỗi người khi sang đất Tàu phải giấy thông hành lòi thoi, lại phải nộp thứ thuế nhập hộ khẩu tám ngày một đồng. Như thế tốn tiền lắm. Chỉ còn một cách là vung tiền ra để mua lòng ông quan Tàu cho họ giúp mình.

Mặc dầu đã có giấy của tỉnh trưởng Long Vân và tờ tư của bộ giao thông Trùng Khánh sức cho ông quan Tàu phải hết sức giúp chúng tôi, nhưng gia huynh vẫn không thể yên lòng.

Một điều càng làm cho gia huynh lo là đến như công ty Eurasia kia là của nước Tàu chung vốn với người ngoại quốc để làm, thế mà khi tàu bay rơi xuống địa hạt Mao Ping cũng phải đem biếu ông quan Tàu một khẩu súng Pec hooc, ba trăm viên đạn và một cái đồng hồ rất tốt đáng



Chiếc tàu bay đỗ ở sườn núi.

giá tất cả độ hơn ba trăm đồng thì mình là một người thầy khoán không quyền thế, sự làm ăn lại ở trong tay họ, còn tránh làm sao cho khỏi những hạch sách.

✱

Chúng tôi chia tay với gia huynh ở trước cửa đồn Xi-măn.

Mặc dầu ngoài miệng gia huynh vẫn nói cứng:

– Các ông có thể tin ở ngôi sao của tôi, ngôi sao ấy bây giờ đang sáng lắm, rồi đâu sẽ vào đấy cả.

Nhưng tôi cũng nhận thấy một vẻ băn khoăn hiện lên ở nét mặt. Không hiểu sao lúc ấy, lòng tôi bỗng thấy nao nao. Tình máu mủ có nhiều chỗ phát hiện mà xưa nay ta không ngờ đến.

Gia huynh vốn là người can đảm. Tôi tin nếu gia huynh không phải nhờ ít vốn của song thân chúng tôi để làm việc thì quyết gia huynh không lo ngại đến thế.

Đường từ đây đi đến bãi tàu bay mới bắt đầu khó khăn một cách ghê gớm. Con đường từ Pakha lên Xi-mần tuy khó, nhưng nó còn là đường của nhà

binh đi lại, lâu lâu người ta còn chữa sửa. Chứ từ đây vào trong ấy toàn là đường người Mèo đi lại, gặp sao nên vậy, nào có ai chữa sửa bao giờ !

Ra khỏi chùng một cây số, chúng tôi đã phải leo những bậc thang đá kinh hồn. Nhưng được cái ngựa ở đây leo cũng tài tình lắm. Những chỗ mà tôi tưởng giá mình cứ đi chân cũng đã vất vả, chúng cứ leo phăng phăng.

Cai Quý đã bắt đầu kêu khổ, bắt đầu rú và bắt đầu cười ra nước mắt.

Trông thấy những con ngựa thô gầy còm, tải những thồ xặng cuốc nặng hơn một tạ cứ đi thoăn thoắt, tôi hình tưởng thấy cả sự đảo lộn của cuộc sinh nhai ở vùng núi gồ ghề; nếu không có con ngựa. Rồi tôi liền tưởng đến cuộc sinh hoạt ở đồng bằng xứ ta nếu thiếu con trâu.

Đi được bốn cây số, trời đổ mưa. Đường hẹp, hai bên lau sậy mọc chơm chөрm. Những cành cây quất vào mặt. Nếu không nhanh mắt lấy tay gạt thì rách mặt và có khi đến mù mắt.

May mùa ấy chưa có vắт. Giá có, chúng tôi còn khổ biết đến chừng nào.

Mưa cứ nặng hột. Chúng tôi cứ phải đi. Chẳng những đi được đã là khó, tôi còn phải để ý bảo vệ cho đoàn ngựa thồ, bởi đã sang đến địa phận Tàu. Mười người lính đồng lấy ở Pakha, chúng tôi đã cho về. Chỉ có bốn người mới lấy ở Xi-mần. Những lính đồng ấy, chúng tôi mượn chẳng qua để làm vì, để... bày cảnh cho nó oai vệ. Chứ chúng tôi đã biết chắc: nếu có biến, họ chạy trước nhất.

Tuy không tải nhiều tiền, nhưng cũng có gần hai nghìn, lại bao nhiêu là

đồ lễ để làm ăn, nếu chẳng may bị mất thì phải về tận Hà Nội mới mua được. Một cái cuốc chim lên đến đây tính cả tiền đài tải, đã hơn bốn đồng. Một cái xà beng nặng hơn mười cân mua có sáu đồng bây giờ đã thành gần hai mươi đồng.

Sườn núi lau sậy um tùm, cây cối chi chít. Đoàn ngựa hơn hai mươi con đi nối đuôi nhau. Ở sau, tôi thật không còn có thể trông thấy những con ngựa đi trước. Mưa rào rào, cây lá động sột soạt, luôn luôn tôi cố lắng tai để nghe, phòng nghe tiếng súng nổ báo cái tin chẳng lành.

Tôi lên cò súng lục. Cái bao da tôi không dám cài khuy. Chiếc áo đi mưa tôi cũng chỉ cài sơ một cái khuy ở cổ để nhớ có động dụng, mình vất ngay đi cho dễ.

Quá biên giới đã ba cây. Ở sau, bỗng có tiếng ông Vang Lỡ gọi tôi giật giọng :

– Thôi chết ! nhầm đường rồi ! đi đàng này cơ mà !

Tôi toan tiến lên để ra lệnh cho đoàn người ngựa đứng lại, nhưng không thể nào tiến lên được. Tôi tiến lên được thì những con ngựa đi đàng trước tôi phải ngã xuống vực. Đường hẹp chỉ vừa lọt một con đi! Tôi hét bảo người trước truyền khẩu đi cho kẻ đàng đầu dừng lại, những tiếng gió vù vù, thành ra cái lệnh của tôi chẳng ai nghe tiếng. Gia dĩ ngựa đi rải rác trên một con đường giải chừng nửa cây số, truyền được đến nơi thì biết đến bao giờ. Cho dù có đứng lại thì làm sao mà quay đầu ngựa lại cho được. Những ngựa cuời còn có thể, chứ ngựa thổ cú đi băng băng, ai giữ được nó lại.

Tôi hỏi một người lính đồng đi gần :

– Tại làm sao hai người lính đồng đi đầu lại đưa vào con đường này ? Chúng nó không biết đường hay sao ?

– Đường Nam Thi này cũng sang đến đấy.

Không thể tin được lời nói của chúng, tôi quay lại hỏi ông Vang Lữ :

– Đường này có đến chỗ tàu bay không ?

– Đến, nhưng xa và khó đi lắm.

– Xa cũng đành xa, và khó đi thì cũng đành khó đi vậy, chứ làm sao mà ra lệnh cho cả đoàn dừng lại được.

Đến một chỗ quang đãng, tôi vượt lên trước, điếm lại ngựa thồ. Đủ cả. Lòng tôi lúc ấy mới mừng, vì tôi chỉ lo có kẻ

dụng tâm đưa đoàn ngựa thồ vào những con đường rậm rạp để đánh lạc đi một vài con.

Tôi rút súng lục chỉ vào hai tên lính đồng đi trước :

– Chúng mày đưa vào con đường này, nếu có xảy ra việc gì, tao nạp chúng mày trước.

Hai đứa sợ vội vàng nói :

– Chúng con chỉ biết có độc một con đường này. Lần trước đi với người của công ty, chúng con cũng đưa đi đường này.

Có chừng hai mươi con ngựa thồ mà ở con đường này muốn cho dừng lại cũng không được, huống hồ cả một đoàn binh mã đang chạy như bay.

Tôi sức nhớ đến cái trận hỏa công mà Khổng Minh đốt gần chết hết hai mươi vạn quân của Hạ Hầu Đôn ở đồi Bắc Vọng. Những lau sậy này nếu gặp giời hanh, một que diêm châm vào rồi trận gió đưa đi, người ta chen nhau chạy lửa cứ những lăn xuống vực chết cũng đã gần hết, huống hồ lại có những hai mươi vạn quân giầy xéo lên nhau. Còn cần gì phải đâm chém nữa.

Trước kia, ở đồng bằng, đi những con đường rộng rãi, đọc Tam quốc, tôi vẫn ngờ những trận hỏa công giết hàng hai mươi vạn người của Khổng Minh. Lên đến đây, tôi mới biết rõ rằng có thể xảy ra được.

Như lời ông Vang Lữ, đường khó đi vô ngần. Chúng tôi phải rúc qua một quãng rừng um tùm bùn lội đến bụng ngựa. Nhiều con ngựa bị sa lầy nằm phục

xuống. Phải bốn năm người xúm lại kéo chúng lên và... công chúng đi. Những con đường này? Nếu cướp mà phục ở đấy thì ôi thôi! Mạnh ai nấy trốn, chứ còn làm thế nào mà che chở cho nhau.

Cành cây đâm ngang đâm dọc, bùn lầy quá gối, người bước vào tưởng chìm ngấm cả! Nếu người ta lại đánh những cái móc sắt treo ở các cành cây ! Quan Công bị Lã Mông bắt, áng chừng cũng ở những con đường như con đường này. Vào những con đường này rồi thì một kẻ anh hùng đến đâu cũng không có đất dụng võ. Mà một tay súng giỏi và can trường đến đâu, cũng đành bó tay chịu chết.

Ra khỏi khu rừng ấy, nhìn thấy giò xanh, tôi thở một cái thở dài khoan khoái.

Nhưng rừng vừa ra khỏi thì lại phải ngay cái đoạn trường xuống dốc.

Mưa, đường đất sét trơn như mỡ, dốc ngược. Đứng ở ven rừng, nhìn những con ngựa ngã xếp đít, tôi bàng khuâng tự hỏi khi lên thì người ta làm thế nào để mà lên.

Tiếng bọn mã phu chửi hai tên hướng đạo vang cả phía rừng.

Nhìn thấy cai Quý lấm be bét, mặt nhẵn như bị, tôi đồ chừng y đã ngã nhiều lần.

Dưới chân dốc là một cái suối. Cả đoàn dừng lại. Nhìn mặt các người thì hết thấy đều bị gai làm sứt sỏ. Tay chân nhiều người đầm đìa những máu. Tôi, tôi

không việc gì, đó cũng là một cái may.

Thấy tôi xuống, hai tên lính đồng dẫn lộ sợ tôi mắng vội nói ngay :

– Từ đây đến đây đường không khó đi nữa, ông chủ ạ.

Đường không khó đi nữa thật. Nhưng không khó đi chỉ là đem ví với đoạn đường chúng tôi vừa mới đi mà thôi.

– Phải không khó đi mà cũng mưa mật, thật đúng như lời cai Quý.

*

Cái ý định của chúng tôi là làm nhà ngay chỗ tàu bay đỗ để tiện trông coi công việc. Nhưng sau thấy hẻo lánh quá, chúng tôi lại phải vào thuê nhà ở làng

Mèo cách đẩy chùng hơn một cây số.

Người xạ-phang đã bắn, nhưng sự bắn thiú của người xạ-phang đối với người Mèo ở đây không thấm vào đâu. Người Mèo đầu tiên tôi gặp đem cái hôi rức óc đến cho tôi. Đầu y là một rừng chấy. Chấy rụng như sung, còn sai. Phải nói rằng chấy lúc nhúc như giò che mất cả tóc. Nhìn đến cổ, tai y thì ôi thôi, làm gì còn có da, ghét đã phủ kín !

Cái nhà mà người ta đưa tôi đến xem là nhà một người lý trưởng. Tên y là Chan nên gọi y là lý Chan.

Mùi thơm đã khó tả. Đến như cái dơ bẩn ở đây thì thật lại khó tả hơn. Cách xa mười thước, nhìn cái nhà lý Chan, tôi tưởng chùng như đó là một cái cù lao mọc lên ở giữa bể cút trâu. Bùn, cút trâu, phân lợn bao vây. Ruồi, nhặng và muỗi

đen kịt. Chúng tôi đi qua, chúng bay lên đình đình.

Ông bang Pấn rùng mình khi bước chân vào nhà. Nhà đâu ? Một cái chuồng phân vĩ đại! Phía trong một đồng lù lù. Phía ngoài một đồng lù lù. Phía giữa một đồng lù lù. Những gò phân bao bọc những bàn và giường. Biết chúng tôi đến hỏi thuê, lúc bấy giờ người ta mới dắt ngựa và trâu ra.

Tôi chắc lưỡi bảo Ả Tình là một người quen ở Phố Lu, đến làm thông ngôn cho nhận việc công ty Eurasia.

– Thế này thì ở thế nào được ?

Một đàn gà mái đẻ ở trên mái nhà thấy có tiếng người lạ bay tới tấp. Bồ hóng rơi xuống như mưa. Tôi nhìn lên: xà và dui đen nhấy. Thì ra người ta làm

chuồng gà ở đây, buộc trâu ở đây, chứa phân ở đây, đun bếp ở đây, và... cũng ngủ cả ở đây !

– Ở thế này chắc chỉ mười ngày là phải chết.

– Ta dọn cho sạch sẽ đi chứ. Ở đây chẳng còn biết thuê đâu. Thế này còn là vào hạng sạch bụi nhất đấy. Làm nhà ở bãi tàu bay, hẻo lánh lắm. Đến như ở Công Ty bên kia, biết rằng chẳng có gì, giặc cướp nó cũng còn về rình luôn. Mười hôm trước đây, khi làm lễ Kỷ Niệm ngày quốc sĩ, có cả ông quan Tàu về đây, thế mà ở bên kia sông, nó còn cướp trâu giết người. Mình làm nhà ở chỗ tàu bay sao được. Nó thật đi.

Tôi nhìn xuống mặt đất vòng như nước dãi:

– Thôi thì cũng đành. Nhưng phải bảo chủ nhà dọn dẹp đi chứ. À quên, họ lấy tiền thuê một tháng bao nhiêu đã ?

– Hai mươi đồng.

– Đùa đấy chứ.

– Thật đấy. Nhưng nó nói thì mặc xác nó. Mình cứ ừ hử chờ ông quan Tàu về đây, lúc ấy sẽ nhờ định giá. Nó biết mình cần, nó bắt bí.

Tôi cười bảo ông Bang Pấn :

– Thế thì những thằng mèo ở đây cũng chẳng... mèo tí nào.

★

Tôi và ông bang Pấn ngồi chờ cho họ dọn dẹp nhà cửa ở trên một cái cối giã

gạo. Trước mặt chúng tôi là những vũng cứt trâu mà ruồi nhặng đang hoành hành. Nhưng chúng tôi cũng thấy khoan khoái vì đi từ sáng mệt lử, chúng tôi có chỗ để ngồi nghỉ. Nghỉ được một lát, chúng tôi thấy đói và thấy khát. Đã đã ba giờ, chúng tôi chưa được ăn cơm trưa. Chúng tôi sung sướng đón lấy quả dưa gang chủ nhà đem đến bán cho chúng tôi.

Ăn vào thấy vừa thơm, vừa mát, tỉnh táo cả người. Tôi vụt hiểu tại làm sao những miếng cao lương mỹ vị kẻ quyền quý lười biếng ăn không thấy ngon. Thì ra họ đã ăn trong khi vị chưa cần dùng.

Ông bang Pấn lau con dao bỏ túi :

– Thật từ bố mẹ đẻ ra, chưa chuyến nào bị khổ như chuyến này. Đi nước Lào, ăn mắm góc là đây.

Nhìn bộ mặt mệt mỏi của ông, tôi cười bảo :

– Giá bây giờ có một cái giường cho ông ngả lưng thì từ khi bố mẹ đẻ chắc không có giấc ngủ nào ngon như giấc ngủ ngày hôm nay.

Ông bang Pấn nhìn chung quanh :

– Ngả vào đâu. Ngả trên đồng phân ấy à ?

Người nhà đem đồ đạc đến. Tôi bảo căng cái giường vải cạnh đồng phân ngựa mà lúc này tôi đã không thấy hơi máy. Nhìn thấy cái gối trắng toát và cái chăn chiên đỏ ối, tôi cơ hồ như nhìn thấy thiên đường. Tuy thế, tôi cũng theo phép lịch sự – hay giả dối cũng thế – mời ông bang Pấn

– Ông ngủ đi một tí. Tôi bảo chúng

nó căng giường cho ông đấy.

– Thôi, ông ngủ đi. Tôi chờ đến tối để ngủ một giấc cho thật ngon.

Tôi cởi giày, cởi súng đạn chui vào chăn, tưởng chừng đặt mình xuống là thiếp đi. Nhưng vừa đặt mình xuống, tôi lại vụt nghĩ đến cái trọng trách gia huynh đã giao cho. Tôi ngồi nhòm dậy gọi cai Quý :

– Khi nào họ dọn nhà xong thì sẵn tre làm giường còn thừa đấy, chú bảo họ rào cả phía trước và hai đầu nhà, chỉ để hai cái cửa ra vào. Tối đến thuê lính đông canh hai đầu, ta không còn sợ bị đánh úp.

Nói xong, tôi kéo chăn trùm lên, đánh thẳng một hơi cho đến khi người ta dọn dẹp nhà cửa xong gọi, tôi mới dậy.

Đi với gia huynh lên đây, chưa biết ngày mai dành cho mình những gì, nhưng chắc chắn là đã được hai giấc ngủ ngon.

Những giấc ngủ ấy làm cho tôi nhận thấy ở tôi một điều : lúc nào cần phải lo đến những nguy nan của ngày mai, ấy là lúc tôi ngủ được. Tôi chưa hề bao giờ bị sự sợ hãi làm cho trằn trọc suốt đêm không thể ngủ.

Lúc tôi dậy, Wa Lâm chế ngay:

– Lúc nào cần phải thức là người ta thấy ông ngủ, ngủ một cách say ghê.

Tôi cười :

– Ấy những giấc ngủ say của tôi cũng hơi có họ hàng với những giấc ngủ của các bậc đại nguyên soái trước hôm đại

chiến. Wa Lâm xem sách nhiều chắc đã được đọc qua.

Rồi tôi dún vai nói đùa :

– Phải thế nào mới ngủ được những giấc ngủ ấy... trong những lúc này.

Cai Quý cười khà khà :

– Nhưng giá mà cháu có ngủ những giấc ngủ như ông thì thế nào cũng bị ông đá đít lòi cổ dậy.

Tôi cười :

– Có lẽ...

Rồi tôi vươn vai bảo Wa Lâm :

– Tôi rất ít ngủ. Nhưng sao có nhiều lúc tôi ngủ ghê lắm. Tôi ngủ trong những trường hợp mà nhiều người khác không thể ngủ. Hồi ở Cao-mên cũng thế. Nhiều

đêm tôi đi săn bị lạc giữa rừng. Ngủ dưới đất thì sợ hổ và ngã nước, tôi bảo đây tớ làm sơ sài một cái dàn ở trên cây cao. Nằm trên dàn sợ ngủ say lăn thì ngã, tôi lấy dây chằng qua mình rồi buộc vào một cành cây. Muỗi bực được, ấy thế mà tôi lấy cái áo trùm trên đầu là ngủ bình.

Cai Quý lại cười khà khà :

– Với những giấc ngủ ấy, giá ông mà đi làm lính gác thì mười ngày nằm sà lim đến chín.

✱

Gia huynh về với một vẻ mặt tươi cười : Mọi việc xong cả rồi

[Kiểm duyệt xóa 4 dòng.].

Hắn ta bảo : việc này cũng là việc nước (!) Hai nhà như một (!) Tôi xin hết sức giúp tiên sinh. Tiên sinh cần một nghìn cu-ly, chứ dẫu đến mấy nghìn cũng có. Gia huynh nói xong, nhìn quanh nhà :

– Ô, cái nhà trông cũng khá đấy chứ.

Ông bang Pấn phì cười :

– Lúc nãy thử về thì xem có phát khóc lên không? Nhưng kia kia, ở ngoài cái phen nửa kia, còn cả đấy.

Gia huynh ghé mắt nhìn ra :

– Sao ít phen thế ? Cái giống mèo... Thôi ta liệu ăn cơm chứ.

Cơm xong, chúng tôi được gia huynh cho biết rõ ràng hơn về công việc điều

đình với ông quan Tàu :

– Y sẽ mộ phu hương cho mình (phu hương tức là phu lấy ở trong các làng), ở đây tất cả bốn hương. Các hương trưởng sẽ về trông coi cho chúng mình, giá mỗi người 30\$ một tháng và cứ năm mươi tên phu thì cho 10\$ để làm nhà. Y lại cho em y về thay mặt y trông coi cho tất cả. Với người đại biểu ấy thì lương lậu chưa nói, nhưng lúc xong mình cũng phải cung biện ít nhiều. Y lại cho hai tên lính về canh nhà cho mình. Mỗi tháng mình phải giả mỗi tên 15\$.

[Kiểm duyệt xóa 31 dòng.]

Thế là may và được việc cho mình rồi. Đừng nói ra vào, nhớ đến tai họ, họ

không “ăn” cho nữa thì thật là nguy hiểm đấy. Chúng ta sang đây để kiếm tiền, chứ không phải để kiếm chuyện. Nhớ lấy.

*

Ông bang Pinh Nam thật là khéo tay. Với những cái thùng dầu tây bằng gỗ, ông xếp thành những cái tủ để đồ và làm thành những cái bàn con xinh xẻo. Ông đóng được cả móng ngựa. Bằng những mảnh tre, ông làm nên những cái thước tây rất tiện lợi cho mọi người dùng.

Được ông đi theo giúp việc, chúng tôi cho là một cái rất may. Ông bang Pấn nhìn ông ngồi hì hụi làm rồi bảo tôi:

– Pinh Nam khéo tay lắm. Gìy cũng làm được. Nhưng thế thì chỉ tổ làm đầy tớ.

Tôi mỉm cười không trả nhời.

Sau khi nhà cửa xếp đặt yên rồi, ông đem ngay những khẩu súng của chúng tôi ra lau chùi rất kỹ lưỡng. Vừa lau dầu, ông vừa nói :

– Biết đâu rồi chẳng phải dùng đến. Không xét lại kỹ lưỡng, lúc hữu sự nó “câm như thóc” thì thật nguy to.

Có bốn người lính đồng thay phiên nhau canh gác suốt đêm, lại có hai vệ binh của sơn trưởng (ông quan Tàu) túc trực, chúng tôi không sợ một bọn giặc ban đêm đến đánh, trừ phi có đông lắm.

Tất cả chỉ lo về chỗ đánh không được, họ ném lửa đốt nhà, vì nhà chúng tôi ở là một cái nhà gianh. Họ đốt nhà, rồi họ nấp ở ngoài chờ ai lộ đầu ra, họ bắn thì thật không một ai thoát chết. Tôi liền gạt

ngay điều lo ngại vô lý của mọi người đi :

– Họ với mình vô thù vô oán. Họ hơi đầu đi giết mình để đeo nặng những cái án trên lương tâm. Nếu họ đến đây thì chỉ vì một mục đích cướp tiền và đồ đạc. Đốt nhà thì tiền cháy và đồ đạc cũng cháy. Sự đốt nhà quyết nhiên là không có, đừng lo phụng, lo loan.

Trong những cảnh ngộ nguy nan, cái bí quyết để thoát là làm sao cho mọi người được yên tâm. Người sung sướng nhất được nghe câu nói ấy là cai Quý.

Xóm chúng tôi ở vắt vẻo trên sườn núi. Trước mặt là những ruộng ngô chênh chếch. Giặc chỉ có thể từ mé ấy đến. Tôi đã phải dặn ngay người nhà :

– Ban đêm có chó cắn, phải mang ngay đèn pin ra soi. Nhưng phải nhớ giờ

tay cho đèn pin thật xa người. Nhỡ nó có bắn thì chỉ bắn phải đèn pin hay chẳng may thì trúng cánh tay, chứ không trúng người.

Điều kinh nghiệm này, tôi học được khi ở Cao-mên, trên một cái xác chết. Một người lính đi đánh cướp cầm đèn pin bị cướp bắn trúng ngực.

Tôi lại dặn bảo người nhà nhớ có động dụng thì cứ nằm rạp cả xuống đất rồi thì mặc kệ chúng tôi với lính, chứ nhốn nháo chạy lộn bậy thì có khi chưa chết về cướp mà đã chết về những phát súng của người nhà bắn lầm.

Quả tình mấy hôm đầu, chúng tôi cũng lo lắng, nhưng sau rồi cũng quen. Vì ở đời, cái gì mà chẳng quen.

Tôi thiếu một cái bàn viết. Tôi định nghỉ ngơi mấy ngày rồi hôm nào nhờ ông Pinh Nam đóng giúp.

Cái bàn ấy không bao giờ đóng. Vì không bao giờ tôi được rỗi để viết lấy một chữ.

Hôm đầu, ra xem công việc, thoáng nhìn tôi cũng đã biết rằng có lỗi, nên tôi để mặc cho gia huynh với cai Quý bàn tính. Tôi bụng bảo dạ :

– Không phải việc mình. Mình lên đây chỉ cốt viết.

Rồi tôi đến xem chiếc tàu bay đỗ ở trên ven núi.

Chiếc tàu bay lừng lững như một lâu đài. Bề cánh rộng ba mươi tư thước, bề

dài mười bảy thước và cao thì độ năm sáu thước. Bánh xe to gấp bốn, gấp năm lần những bánh xe camion.

Tàu sơn trắng điểm một màu tươi sáng cho nền núi xanh. Nó nằm như một khiêu khích của văn minh trong cái khung cảnh mọi rợ nhưng vĩ đại của hóa công.

Nhìn đến chiếc tàu sạch sẽ nổi nà và tưởng tượng đến cái nhà mình đang ở, tôi thấy hiện lên cả cái chỗ quyền người của văn minh

[Kiểm duyệt xóa 4 dòng.]

Đi xem những lỗ bom mà người Nhật đã ném xuống núi đá khiến cho

hôm xuống gần như những cái giếng, tôi tưởng tượng đến những cuộc đánh phá các thành trì bằng tàu bay. Đá, bom ném xuống còn lổm đến như thế, nếu đem ném vào một chỗ dân cư đông đúc thì sự tàn sát biết đến chừng nào.

Một người đã mục kích trận đánh nhau hôm ấy bảo cho tôi biết đá bị bom ném vào văng ra xa có đến gần một cây số.

Chiếc tàu bay này là chiếc tàu bay chở khách có mười sáu chỗ ngồi và ba máy quạt.

Hôm nó cất cánh từ Hà Nội về Côn Minh, đến đấy thì chẳng may gặp phải tám chiếc tàu bay Nhật đi đánh Côn Minh trở về. Tám chiếc tàu Nhật liền xông đến đánh ngay, nã súng vào như mưa.

Phi công chiếc tàu này là một người Âu. Lúc con đường hoàn thành, người phi công ấy lại đến đây cầm máy cho tàu bay lên. Vì thế, tôi được biết rõ ràng về trận đánh ấy.

Đây mời các ngài nghe cần truyện ông Latil kể với tôi :

– Hôm ấy, tôi ở Hanoi về vừa chui qua khỏi đám mây ở đầu núi kia — ông vừa nói vừa chỉ ngọn núi ở trước mặt — thì nhìn thấy tám chiếc máy bay ở trước mặt bay về phía mình. Dù không nhìn thấy hiệu cờ sơn ở dưới cánh, tôi quan sát hình dung cũng đã đoán ngay đó là máy bay Nhật. Từ khi chiếm được Quảng Đông, họ có nơi căn cứ, thời thường đến đánh Côn Minh. Thấy đoàn tàu bay đang đi hàng ba bỗng tản ra, tôi biết rằng họ sắp bay đến vây đánh mình. Tàu bay chở khách làm gì có súng, không thể chống

cự, tôi chỉ tìm cách trốn. Tôi vội mở hết tốc lực cho tàu bay cao để trốn vào từng mây. Rủi quá, mọi ngày đi qua những dãy núi cao này, mây dày đặc, tôi phải khó khăn lắm mới tìm thấy đường đi, thì nay, càng bay cao, mây càng chẳng thấy ! Trời cứ trong như một tấm gương. Nhìn xuống thấy đoàn tàu bay Nhật bám riết đuôi, theo bắn như mưa bão, tôi biết rằng mình không thể thoát thân trong sự trốn chạy. Họ nhanh hơn mình. Chiếc máy bay của tôi chỉ chạy được hơn ba trăm cây số, chứ những máy bay trận kia bay đến năm trăm. Chỉ còn một cách mạo hiểm đổ xuống lòng một khu núi cao. Tôi cũng biết thế là nguy hiểm lắm vì tàu bay mà đổ vào một chỗ không phải trường bay thì mười phần chết đến chín. Nhưng còn một phần sống ấy, chả hơn cứ chạy để nắm lấy cái chết cả mười à ?

– Thế ông không tính đến khi đổ, họ bay thấp là là bắn xuống à ?

– Sự ấy không thể có. Vì một khi tôi đã đổ vào một chỗ lõm như cái lòng chậu, chung quanh toàn núi cao, tàu bay của họ không bao giờ dám bay là là vì sợ đụng phải núi. Còn như ở trên cao thả bom xuống một cái đích nhỏ như thế này thì khó lòng trúng lắm. Tôi đi qua đây đã nhiều lần, tôi biết rõ địa thế. Tôi nhìn thẳng vào cái hõm này rồi tôi cho tàu bổ xuống thẳng như một cây nến. Chỉ chừng hai khắc đến nơi.

– Lúc ấy ông ở trên cao độ bao nhiêu?

– Độ bốn nghìn thước. Xuống đến nơi, đụng phải đá tàu chuyển đi, một cái bánh xe gãy. Nhưng máy không việc gì. Tôi vội vàng gọi hành khách chạy trốn ra ngoài. Có một người vì tàu bay chuyển

mạnh quá bị gãy chân. Chúng tôi vội vàng khiêng y ra, rồi ẩn ở một bụi cây gần đấy. Y như lời tôi dự đoán, tàu bay Nhật kéo đến thả bom và bắn súng. Họ ném tất cả tám quả bom, nhưng vì ở tận trên cao thả xuống, nên chẳng có quả nào trúng cả. Họ đánh trong mười lăm phút, sau thấy không có hiệu quả, họ kéo nhau bay đi.

– Thế sao ông không dùng dù nhảy xuống, ông lại dùng cái lối mạo hiểm như thế ?

– Lẽ thứ nhất ở những tàu bay chở khách dù không có. Nếu rủi ro, tôi phải cùng chết với hành khách. Lẽ thứ hai, tôi phải tìm cách bảo toàn lấy chiếc tàu hàng trăm vạn bạc mà người ta đã giao cho tôi.

Ông Latil nhìn chiếc tàu bay một cách sung sướng :

– Thì tôi đã bảo toàn được đấy. Hồng chút ít, chữa mất độ vài ba vạn bạc, còn hơn là...

– Mất cả một trăm vạn. À tôi hỏi thực lúc ấy ông có sợ không ?

Ông Latil trả lời tôi một cách thản nhiên chẳng chút tự phụ :

– Lúc ấy còn thì giờ đâu để sợ nữa. Lòng tôi chỉ hơi chợn khi thoát trông thấy đoàn tàu bay Nhật. Nhưng một khi biết chắc rằng họ sắp đánh mình và mình phải tìm kế để thoát thì tôi thấy tôi bình tĩnh lắm. Còn hành khách thì lúc ấy xôn xao hình như sợ lắm.

Ông Latil lại nói thêm một cách hững hờ:

– Tôi lái tàu bay năm nay đã là tám năm. Tôi đã trải nhiều nguy hiểm, nên tôi đã hơi quen với chúng.

– Thật ông đã cách cái chết chỉ một sợi tóc, nhưng ông cũng phải can đảm lắm mới nghĩ...

Ông Latil ngắt lời tôi :

– Can đảm... Cách một sợi tóc, còn hơn không có sợi tóc nào. Bản năng tự vệ của người ta nó linh thiêng ghê gớm lắm. Dẫu còn một phần tư sợi tóc nó cũng bám lấy. Cái mà ông cho là can đảm ấy chẳng qua là cái bản năng tự vệ nó bành trướng ra đến cực điểm đó thôi.

✱

Về đến nhà, nghe thấy gia huynh

phàn nàn, tôi thấy rõ cả cái chỗ bất lực của cai Quý.

– Cai gì mà *alignement*⁷ không biết làm,... khơi một cái *caniveau*⁸ không xong !

Gia huynh còn phàn nàn nhiều nữa. Thì ra cai Quý chỉ có thể là một người cai coi mấy chục cu-ly, chứ không thể là một người đốc công những công việc.

Tuy việc thầu của gia huynh chỉ là xẻ núi để đắp thành một con đường bằng và thẳng để cho tàu bay lấy đà bay lên, nó chẳng có gì là khó khăn, nhưng cai Quý cũng không làm nổi. Không biết làm cái *alignement* thì còn làm được cái gì.

Lúc bắt đầu thầu việc này, gia huynh đã tự biết mình không thể làm được vì

⁷ *alignement* : định vị.

⁸ *caniveau*: rãnh.

chưa từng làm bao giờ, gia huynh có nhờ một tay thầu khoán đã sành ở Hà Nội mượn cho một người cai thợ để trông coi hết công việc ; người thầu khoán ấy đề cử cai Quý, cam đoan cai Quý có thể làm được. Ai ngờ vì người thầu khoán kia xét lầm người mà một suýt nữa lỡ hết công việc của gia huynh.

Người kia xét lầm cai Quý, có lẽ vì cai Quý khéo nói. Cứ nghe y nói thì ra việc gì y cũng làm được. Nhưng đến khi mớ tay vào việc thì việc gì y cũng mít đặc.

Thấy gia huynh phàn nàn như thế, cho nên hôm bắt đầu khởi công với hai trăm cu-ly, tôi cũng ra xem.

Nhìn ông chủ, nhìn các ông cai, nhìn các cu-ly lao xao lộn bậy trong nửa giờ đồng hồ, tôi thấy ngay rằng thiếu một người cầm đầu biết xếp đặt và có óc tổ

chức. Hơn một trăm cuộc chim và cuộc bàn cuộc huyền thiên, lại chỉ có chừng hai ba chục cái giỏ để khiêng đất, đất ùn lên. Không có những cọc đánh dấu rõ ràng cho biết phải làm từ đâu đến đâu, chỉ toàn là làm phỏng chừng.

Những người cầm đầu ? Thì gia huynh chưa làm thầu khoán bao giờ không thể làm được rồi. Ông bang Pấn thì sự kinh nghiệm chỉ ở sòng bạc và buôn thuốc phiện lậu. Ông bang Pinh Nam thì chỉ lịch lãm về việc áp giang thuốc phiện. Mà Wa Lâm thì còn là một cậu học trò.

Nhìn bọn người này và gia huynh bị tràn ngập bởi công việc, tôi nhận thấy tôi không thể ngồi yên mà viết được.

Cần nói một điều là trong con mắt bọn người này, tôi chỉ là một nhà văn. Cái quá khứ của đời tôi trừ gia huynh biết một cách mập mờ vì tôi khởi nghiệp ở nước ngoài — còn không ai biết cả. Những hôm đầu, tôi mớ tay vào việc, họ còn ngờ ngợ chưa tin rằng tôi có thể quán xuyến được. Nhưng sau ba ngày, công việc tôi làm liền bắt họ phải tin. Lúc ấy gia huynh vẫn còn giữ toàn quyền đứng đốc công, nghĩa là ai làm việc gì cũng còn phải hỏi gia huynh, nhưng đến ngày thứ năm, gia huynh giao tốt cả cho tôi.

Gia huynh không thể trông coi được vì không quen việc và thứ nhất là sức yếu không thể đứng dầm mưa dãi nắng từ sáu giờ sáng cho đến sáu giờ chiều, suốt ngày vừa hò hét, vừa phải đi đi lại lại hàng mấy chục cây số.

Công việc cái gì cũng phải tổ chức. Đồ dùng thiếu, không có một người cai nào biết việc, cu-ly toàn một bọn dở cướp, dở dân. Lại còn một cái khó : chúng tôi chỉ biết tiếng Quảng Đông không biết tiếng xạ-phang mà cu-ly thuần xạ-phang chỉ có đầu chừng hai mươi người Nam. Tôi tính ngay đến những việc cần kíp trước. Tôi loan báo cho các cu-ly và các hương trưởng :

– Mỗi một cái làn đội đất mang đến giả năm xu.

Tôi sợ cu-ly vì ngày bận làm, đêm về mệt không làm được mấy, tôi đặt Lý Chan làm vài trăm chiếc. Gia huynh thấy thế liền bảo tôi :

– Tôi đã giao hẹn mỗi một cu-ly khi đến làm phải mang lại một cái làn, việc

gì chú phải đặt làm nhiều như thế, tốn tiền.

Tôi thấy cần phải giảng giải :

– Đành rằng thế, nhưng cu-ly phần nhiều ở xa lại. Dù họ không mang lại, mình cũng không thể đuổi họ về mà không muốn. Việc mình là việc phải làm nhanh, cần đến nhiều cu-ly, không thể mỗi một lúc họ đến, vì không có một cái làn mà đuổi họ về. Nói ví dụ họ có mang lại nữa, một cái làn như thế, khiêng đất phồng được mấy ngày mà nát. Đùng có nói vài trăm. Xong công việc ít ra phải vài nghìn chiếc. Đấy anh trông một người cuốc đủ cho bốn người khiêng. Đất ùn lên lại dí xuống, mai kia lại phải cuốc, thế thì trong cái số gần hai trăm cu-ly hôm đầu này, anh thiệt năm sáu chục đồng bạc. Năm sáu chục đồng

bạc ấy vì anh không trông thấy ngay nên anh không biết xót. Anh đi xót cái bốn năm đồng bạc nó làm cho anh khỏi thiệt năm sáu chục đồng bạc kia. Mà rồi anh xem : cu-ly ngày mai vị tất họ đã có làn đem đến. Ngày mai thêm vài trăm cu-ly, không có làn sẵn cho họ làm, anh sẽ bị thiệt hại một ngày bạc trăm ngay.

Lúc ấy gia huynh mới hiểu :

– Ủ thì chú muốn làm thế nào thì làm. Nhưng tôi tin thế nào cu-ly mới họ cũng mang đến, tôi đã bảo họ có làn tôi mới mượn.

Ngày hôm sau, hơn một trăm cu-ly mới nữa đến. Trong cái số ấy chỉ có hơn một chục người có làn.

Lúc ấy gia huynh mới từng hững. Hai ngày đầu vì không đủ làn làm, thật

là thiệt hại. Không thể đuổi họ về, thậm chí gia huynh phải bảo tôi:

– Thôi cứ để cho họ cuốc. Đất rắn, cuốc trước đi thế, mai cuốc cũng đỡ công.

– Ta làm đất chứ có phải làm ruộng đâu. Sao bằng tính trước để cho họ cuốc được đến đâu xúc phăng đi đến đấy. Làm việc lợi là ở chỗ biết dự định từ trước.

– Nhưng bây giờ đã thế rồi, biết làm thế nào!

Ngày hôm sau, tuy có gân một trăm cái làn, nhưng vẫn còn thiếu nhiều.

✱

Thấy cu-ly làm lộn ầu, phải mất nhiều công trông coi và sợ mang tiếng ác

vào mình, tôi đã bàn với gia huynh cho làm khoán từng chỗ, nhưng không có những cai thầu như ở xứ ta, nên chẳng có ai chịu đứng nhận làm cả.

Thấy thiếu cai dùng, tôi chọn ngay trong đám cu-ly xạ-phang những kẻ nào nhanh nhẹn và biết tiếng Nam cho họ làm cai, và trong bọn cu-ly Nam, những người nào biết tiếng xạ-phang. Tôi họp họ lại rồi hiểu dụ :

– Bây giờ, tôi hăng tậm cho các anh một tháng mười tám đồng, những kẻ đốc thúc cu-ly làm chạy công việc, tôi sẽ tăng thêm. Và khi xong việc sẽ cho một số tiền hoa hồng ít nhất là một chục giờ lên. Tôi cho các anh làm cai, các anh phải cần biết một điều : nếu tôi có lãi nhiều, tôi mới có thể cho các anh nhiều hoa hồng được. Vậy các anh được nhiều hoa hồng hay ít là ở chỗ các anh chăm hay không

chăm. Các anh nên nhớ một người cu-ly, tôi mượn một ngày năm hào, nếu nó có lười tôi chỉ thiệt một hào hay đến hai hào là cùng, chứ các anh là cai coi năm sáu chục cu-ly nếu lười thì tôi bị thiệt bạc chục ngay...

Hiểu dụ họ xong, tôi bảo gia huynh :

– Mình là chủ coi hơn mười người cai, nếu lười thì bị thiệt bạc trăm ngay. Có phải anh yếu không thể kham được, thôi để tôi hết sức giúp.

Tôi sợ dĩ phải nói suốt ngày, một tí, một tí phải giảng cặn kẽ là vì chung quanh tôi từ cu-ly cho đến người giúp việc, chẳng ai hiểu việc cả.

Hôm mới đầu, gia huynh chia cu-ly ra từng tốp cuộc bàn, cuộc chim cuộc huyền thiên. Kẻ nọ làm vương đường

người kia mất thì giờ nhiều lắm. Họ chỉ cuốc hờn hợt trên mặt đất, thành ra tuy dùng sức nhiều, mà kết quả chẳng được bao nhiêu. Đất thì đất núi, toàn đá với sỏi, cuốc đến phồng tay mới xuống được một tí. Vả như thế lại chẳng biết thế nào mà trông coi để xét xem ai lười ai chăm. Có mặt mình thì họ cuốc, không có mặt mình, họ chơi, mình cũng chẳng biết đấy là đâu.

Tôi xét cần phải cải cách ngay cái lối làm ăn lộn bậy và thiệt hại ấy. Để ý nhận xét công việc của họ trong một ngày, hôm sau tôi bắt họ làm việc thành hàng.

Phải vạt núi làm một con đường hai mươi ba thước, nhưng chỉ có mười lăm thước đường bằng cho bánh xe tàu bay chạy, còn tám thước thì vạt. Cánh tàu bay cao, một bên cánh ở phía núi, còn một bên thì ra phía vực. Vì thế cho nên

tuy tàu bay rộng hơn ba mươi thước mà chỉ phải làm con đường bằng có mười lăm thước.

Tôi xét thấy cần làm con đường bằng ấy trước. Đường có chỗ phải làm theo bề ngang, có chỗ phải làm theo bề dọc. Tôi chia ra từng tốp giao cho một hay hai người cai trông coi. Tôi giảng qua cho họ biết cái đại cương phải làm. Nhưng ở đâu, tôi cũng bảo phải đặt cuốc chim trước. Đất ở đây thuần đá sỏi nặng không thể lấy xẻng xúc được, nên phải dùng cuốc bàn. Cứ mỗi cái cuốc chim thì hai cái cuốc bàn và tám người vác đất. Người cầm cuốc bàn, ngoài cái công việc xúc đất còn phải cào đất lại sau để cho cuốc chim dễ cuốc.



Cu-li vác đất.

Cuốc chim tôi bắt cuốc thật sâu sáu bảy mươi phân tây. Lúc đầu thì khó cuốc một chút thật, nhưng một khi đã hết lượt đầu rồi thì dễ cuốc lắm mà được rất nhiều đất. Khi đã sâu, tôi bảo họ cuốc bầm vào chân, sau rồi chỉ cuốc ở trên mặt ít nhất, đất đổ xuống từng tảng, tám người kh-iêng đất không kịp, phải lấy thêm hai người nữa.

Làm việc thành hàng thẳng như thế,

có một cái lợi là ai lười ai chăm trông thấy ngay. Ai lười thì tụt lại sau, mà ai chăm thì đi lên trước. Cai có thể thoáng trông biết ngay kẻ nào lười để ộp làm. Mà tôi thì chỉ đi trông qua biết ngay chỗ nào công việc chạy hay không chạy, cai nào làm được việc hay không được việc.



Cu-li đang làm việc

Đất tuy không phải là toàn đá, nhưng nhiều chỗ có những tảng đá to thì bằng

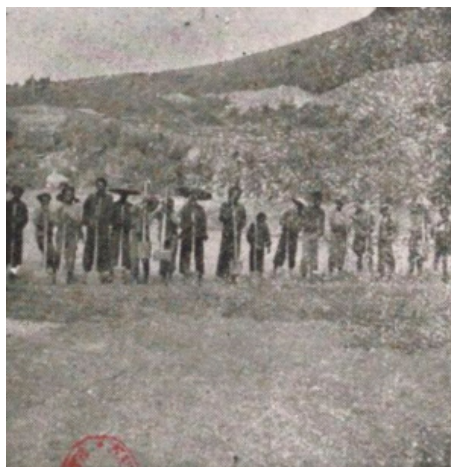
một hai cái bàn mà nhỏ thì bằng cái cối, cần phải lấy xà beng bẩy. Lại có chỗ cần phải đóng cọc hay xây tường đá cho đất đổ xuống khỏi trôi đi. Gia huynh trước kia không cắt người nào vào việc ấy, nên lúc cuộc có đá, mới bắt người đang cuộc phải lấy xà beng đào và người khiêng đất đi khiêng đá. Như thế công việc lộn xộn và không được nhất chí.

Tôi đặt ra cai đá, cai cọc và cai xây tường. Bọn phu người Nam phần nhiều yếu ớt và nghiện hút toàn thị ở trung châu lang bạt lên đây nên chỉ giỏi việc tre lạt, tôi cắt họ vào việc dẫn gỗ và đóng cừ. Như thế, họ làm vừa mau việc và họ cũng được nhẹ nhàng. Trong bọn, tôi cắt một người nhanh nhẹn nhất đứng lên trông coi cho anh em làm. Và có việc gì tôi chỉ bảo y để y cắt người làm theo ý muốn của tôi.

Trong bọn cu-ly ấy có nhiều thợ đá. Tôi bắt một người coi việc đục đá và một người coi việc xây tường.

Đồ dùng tôi giao cho họ, cứ buổi làm thì mang đến, thành ra không phải săn sóc về sự còn mất. Rất đỡ tốn thì giờ.

Cai coi làm đất thấy chỗ nào có đá, cho gọi cai đục đá, tức khắc y mang người đem xà beng lại làm và cho người khiêng đi. Cai xây tường cần đá bảo cai đục đá, y tức khắc cho cu-ly khiêng đến. Thành ra ai công nào việc ấy, không lộn xộn. Mà chỗ nào thất thổ, mình có người để trách cứ. Mỗi người có một trách nhiệm, không thể đổ vạ cho người khác, nên họ phải tự trông nom. Sai xuyến thì phạt lương, hoặc không chạy việc thì không cho hoa hồng.



Những phu đang đầm đất.

Tôi đứng lên trông coi hai ngày, chỗ làm việc đã có thứ tự, không loạn xạ lên như trước nữa.

✱

Một điều cần phải nói để các bạn hiểu rõ những hành vi về sau của chúng tôi là ở đây, mình cần cu-ly chứ không phải như ở trung châu bên ta mà bảo cu-

ly phải cần mình. Vì thế nên không thể
thẳng tay được.



Lúc điểm phu

Tuy giờ làm đã định là mười giờ một ngày, sáng từ sáu giờ đến mười một giờ, mà chiều thì từ một giờ đến sáu giờ, nhưng nhiều khi họ đến chậm một tí mình cũng phải nhận. Những người đứng lên mộ được năm mươi cu-ly, mỗi tháng giả cho ba mươi đồng để cho họ làm cai đi trông coi công việc, nhưng đó chỉ là đối với những người mộ phu,

chú đối với các hương trưởng thì không thể thế, mà mình cũng không thể mắng họ như đối với cai khác. Gia dĩ họ cũng không làm được mà lại không chịu đến sớm như cu-ly. Tôi cắt cho họ một công việc rất dễ dàng và rất nhàn nhã theo với cái phẩm giá của họ mà lại rất được việc cho chúng tôi. : việc coi đồ đất. Tôi cắt họ đi lảng vảng ở những chỗ đồ đất để cu-ly trông thấy họ không dám đi chậm và lúc đồ xong phải về lấy đất ngay, không dè dặt để chơi. Tôi lại cho họ cái quyền nếu thấy ai đứng chơi hay khiêng đất vơi và vờ ở lâu thì phạt năm xu, năm xu phạt ấy, tôi biếu họ. Vì lợi, họ tự nhiên phải trông coi. Mà cũng vì lợi, cu-ly tự nhiên không dám lười biếng. Đã thế, cái oán lại không về phần tôi phải gánh.

Ông đại biểu thay mặt quan Tầu thì tôi để cho ngồi ở một cái lều. Cu-ly nào

lười hay bướng bỉnh, tôi bảo cai đem lên, hoặc ông đánh vào đít, vào tay, hoặc giải đi bỏ nhà pha Mao-ping, tùy ý. Tôi cấm cai không được đánh cu-ly, chỉ có quyền phạt lương. Tôi cấm như thế là vì tôi biết, nếu để cho cai đánh họ thì thế nào họ cũng đánh giả. Vốn bướng bỉnh, họ không đời nào lại chịu mất thể diện trước mặt anh em. Nhỡ cai đánh họ, họ đánh trả lại, tôi không trừng phạt thì cu-ly không sợ cai nữa, trật tự sẽ rối loạn, cu-ly đã không sợ cai, công việc chạy làm sao được. Nếu tôi dúng tay vào trừng phạt thì sợ họ rủ nhau đình công,

[Kiểm duyệt xóa 2 dòng.].

Tôi nâng ông đại biểu và các hương trưởng lên cao, trao cho họ ít quyền hành để cho họ được hãnh diện vì chút

hư danh mà làm việc cho tôi. Như thế, mình tránh được cái thực họa mà thu được cái thực lợi. Một lời nói, mất gì...

[Kiểm duyệt xóa 2 dòng.]

*

Ở những miền núi chập chùng mà đường đi khó khăn và hiểm trở như ở đây, dân cư lúc bình trị đủ ăn đủ mặc thì là dân, mà đói một chút hay có ai cầm đầu xui xiểm là nổi lên làm giặc.

Trong việc tiểu phí, những chính phủ hàng tỉnh phần nhiều mắc mưu về những việc tranh quyền cướp lợi ảnh hưởng bởi chính phủ trung ương không được vững vàng, nên không thể dùng lối trừng trị thẳng tay nó làm cho phí tổn tiền lương và quân khí, chỉ dùng cho lối

đê hèn một chính phủ: cái lối số tiền hay một tước lộc. chỉ dùng lối dụ dỗ. Hay nó làm mất danh dự cho mua đấu giặc bằng một tước lộc.

Những ông quan Tàu coi những phủ huyện ở đây một nửa là thân thuộc của các tay tỉnh trưởng, đã nhờ vì quy lụy mà được làm quan, một nửa là những người đã có công dẹp giặc cỏ, hay là những tướng giặc cỏ đã đầu hàng. Những hạng người ấy chỉ biết có cái túi tham, chứ còn nghĩ gì đến việc lo dân, lo nước nữa. Vì thế dân cư đối với quan, ngoài mặt thì sợ, nhưng trong bụng rất ghét. Những ông quan ở đây chẳng hiểu một chút gì về chính trị ngoài cái “chính trị” làm tiền. Những thơ lại, đề lại, thuần là người nhà các ông quan Tàu. Họ hòa nhau lại làm thịt dân.

Họ xử trí như thế, ít sợ trừng phạt vì đường xa hiểm trở mấy ai đã đến được Vân Nam để khiếu oan...

[Kiểm duyệt xóa 3 dòng.]

Mỗi khi thay một ông tỉnh trưởng là bao nhiêu ông phủ huyện thay đổi ráo. Ông tỉnh trưởng mới lại cắt đặt những người thân tín mới để thêm vây cánh cho mình.

Sự đổi chác một ông quan ở đây có dung dị như ở xứ mình bảo một bức công văn đến là dọn đồ và bàn giao công việc cho người kế chân đầu. Người kế chân phần nhiều phải mang quân đến. Sự bàn giao nhiều khi xảy ra ở trên vũng máu.

Một ông Sơn trượng được bổ đến một nơi kia, cái công việc đầu tiên của

ông là phải làm sao chu biện một món tiền để mộ lấy một ít quân. Ông đến với số quân ấy. Nếu người ông đến thay chịu phép nhường lại thì thôi, bằng không phải dùng võ lực.

Vì cái địa vị bấp bênh với cái tương lai của hoạn lộ không có đảm bảo, nên ông quan nào trong khi tại chức cũng cố vơ vét cho đầy túi để phòng khi túng đất sẩy chân.

[Kiểm duyệt xóa 7 dòng.]

*

Trong bốn người hương trượng mộ phu đến để lấy tiền hoa hồng có đệ tứ hương là người kiệt hiệt, ông quan Tàu

cũng phải nể sợ. Y hùng cứ ở vùng này đã bao nhiêu năm, vốn xưa là một tướng giặc. Vì y giàu, nên thủ hạ rất đông, súng ống rất nhiều.

Ở đây, người ta có thể tính cái số thù oán của dân cư đối với một người bằng cái số súng ống và thủ hạ của người ấy. Người ấy càng có nhiều súng ống và bộ hạ bao nhiêu, tức là càng có nhiều người thù ghét y bấy nhiêu. Có nhiều súng ống và bộ hạ, tức là đã phải dúng tay vào nhiều việc áp bách và oan uổng.

Ông quan tàu nói với chúng tôi rằng đã sức cho y đem nhiều sơn binh đến đây để bảo vệ cho chúng tôi, nhưng thật ra thì chúng tôi mừng về sự được che chở bởi y thì ít và lo ngại sự giặc cướp có thể xảy ra ở y thì nhiều. Không bằng lòng với chúng tôi hay vì lòng tham nổi dậy, y có thể xui bộ hạ đến cướp chúng tôi

trước tiên, hay phục người nấp bắ.

Trước khi y chưa đế, người ta đã nói cho chúng tôi biết cái dĩ vãng không lành của đời y. Y đi đầu không bao giờ dám đi một mình, và bao giờ cũng phải cấ lẻ, vì y rất sợ có người biết, phục ở nửa đường giết y để báo thù.

Đã có một lần, y đi Sín-cái, có kẻ thù biết phục ở giữa đường hạ thủ, nhưng nhanh mắt, thoáng thấy người giơ súng, y nháy từ trên sườn núi xuống sông trốn thoát, thành ra chỉ chết có người em và mấy thủ hạ đi theo.

Nhà y có một cái thạch động ăn thông ra rừng núi, hễ có biến, biết sức không địch nổi là y trốn xuống đấy rồi lẩn ra rừng. Có nhiều lần, giặc kéo đến đánh nhà y, nhưng đều không phá nổi. Chúng tôi chưa được đến nhà y, nhưng

cứ lời người ta thuật lại, thì thật là một cái thành làm trên sườn núi. Và chính tay y giết chết cũng đã lắm người. Y bắn giỏi một cách đặc biệt. Thả một quả bưởi từ trên thác nước chảy xiết xuống, mỗi một lần quả bưởi nhô lên là một lần y bắn trúng.

Trong bốn người hương trưởng, chỉ có y là người xạ-phang, còn ba người kia là người nùng. Vì y cười nói nhăn cả mặt và mắt đỏ ngầu, nên người ta đặt cho y cái biệt hiệu là hỏa nhỡn hầu (con khỉ mắt đỏ). Tên thực y là Đoạn văn Bư. Hôm chúng tôi khởi công, y chưa đến, y cho con cả y là Long đến trước để xem vân móng rồi mới đến sau.



Đoạn Vân Long, con Hỏa Nhỡn Hầu
đứng với một tì tướng và một sơn binh.

✱

Tôi với gia huynh đã bàn nhau nếu
y đến, phải làm thế nào cho lấy được
lòng y. Nếu y về cánh với chúng tôi, thì
nhỡ có xảy ra việc gì, chúng tôi có thể
dựa vào thể lực của y để chống nhau với
quan Tàu và các hương trưởng khác. Và

như thế thì không còn sợ gì cướp bóc. Cái tiếng “anh chị” của y và các thủ hạ y đủ để bảo vệ cho chúng tôi.

Tôi nghĩ bụng đành là phải tìm hết cách để lấy lòng, nhưng đối với một con người như thế, mình cũng phải tỏ ra cho y biết mình là người không biết sợ.

Vì thế cho nên trong cái bữa tiệc đầu tiên có cả sâm-banh và rượu mùi mà chúng tôi đãi y, nghe y nói một cách kiêu ngạo và có cái vẻ bề trên che chở:

– Các ông chủ không cần phải sợ, tôi đã đến đây, là không còn xảy ra việc gì được nữa, tôi sẽ trông coi cho các ông chủ, các ông chủ đừng sợ.

Tôi liền vỗ vào khẩu súng lục đeo ở người:

– Chúng tôi đã sang đây, tức là không sợ. Nếu sợ đã không dám sang.

Rồi gắp một miếng thịt để vào bát cho y :

– Tôi dẫu bất tài, nhưng một người lại gần thì chết một người, hai người lại gần thì chết hai người.

Y cười khà khà:

– Ông chủ bắn giỏi thế cơ à ? Nhưng nếu họ lại uà tất cả thì ông chủ làm thế nào ?

Tôi nghiêm sắc mặt:

– Thì chết tất cả, chết không sót một móng.

Thấy câu ấy nó hơi làm gợn cái không khí đang hòa hảo, tôi lại vội vàng nói :

– Chúng tôi sang đây, dưới sự che chở của chính phủ Pháp là một nước giàu mạnh lại đang thân thiện với nước Tàu của các ông, quyết nhiên chẳng có sự gì xảy ra. Thứ nhất là có ông và quan Tàu là chỗ anh em cánh hẩu với chúng tôi thì càng không thể xảy ra lắm lắm. Nhưng ngộ nhỡ cái lúc cần phải chọi thì chọi, chúng tôi cũng không biết sợ.

Trong khi tôi nói những truyện chọi và chọi thì gia huynh lại hứa cho họ đủ thứ. Nào khi xong việc, mời cả bọn về Hà Nội chơi, nào khi y cưới con sẽ đến, ôi thôi đủ thứ. Cương và nhu, chúng tôi dùng cả.

Vân Long là con đệ tứ hương, mới có mười sáu tuổi. Nhưng y đã là phết một kẻ đàn anh sinh ra để cai trị người khác. Tôi thấy y yêu ngay, yêu bởi cái nét mặt sáng sủa nó phân biệt y với đám người cục cằn, yêu bởi vì tôi thấy y ăn nói dong dạc và lanh lẹ. Tôi còn nhớ sau khi tôi phát cuốc xẻng cho hơn một trăm phu của y, y cầm cái roi giơ lên nói choang choang :

– Đấy cuốc sẻng ông chủ giao cho chúng mày, đứa nào đứa ấy phải giữ, nếu mất thì tao lấy đầu chúng mày thường vào đấy đấy. Làm lấy tiền của người ta thì phải chăm, không người ta phết vào đấy thì đừng có kêu là người ta ác.

Cả bọn phu nghếch mặt nghe một cách kính cẩn và sợ hãi. Tôi khen thầm : “con nhà tông”.

Những câu nói thẳng ruột ngựa và đầy những sự thực tàn nhẫn của thằng bé con chưa học được của đời sự nói dối làm cho tôi nhớ tới bài hiệu dụ hoa mỹ, đầy những giả dối của ông quan Tàu hôm phu khởi công.

Ông mở đầu bằng một câu to lớn :

– Việc này là việc nước. (?)

Wa Lâm bấm tôi, mỉm cười:

– Cái việc nước này đem lại cho túi ông quan Tàu vài nghìn đồng.

Nghe những lời hiệu dụ của ông quan Tàu, người không biết những uẩn khúc có thể tưởng lầm rằng có lẽ suốt đời lão này xả thân cho nước. Mà có lẽ cái lúc bỗng bột đưa đi, ông quan Tàu cũng cho mình là hết lòng với nước thật, chứ không sao có thể nói được một giọng sắt

đá đến thế.

Những người đóng kịch mà không biết rằng mình đóng kịch như ông quan Tàu mặt đất này đây đây. Những hài kịch mà các nhà chính trị thường đóng cho bọn dân ngu xem không mất tiền là việc cơm bữa. Những vai kịch và những hài kịch ấy sở dĩ trường cửu mãi là bởi loài người thích những giả dối đẹp đẽ hơn những sự thực tàn nhẫn.

Ông quan Tàu nói nhiều lắm. Tôi nghe đã chán cả tai muốn ném ngay một hòn đất vào cái mồm cá ngáo kia cho nó tắc họng im đi. Nhưng, buồn thay cái sự đời, đến khi ông nói xong, tôi lại là người đầu tiên vỗ tay để làm hiệu cho bọn tôi hưởng ứng. Và tôi cũng là người đầu tiên đến bắt tay ông quan tàu và ban cho ông một lời khen mà có lẽ ông tin là thành thực :

– Đại nhân diễn thuyết hùng hồn quá.

Thì ra ở đời, muốn được sống vui vẻ với kẻ khác, người ta không thể không đóng kịch. Và nếu ta muốn xét rõ ta, chớ nên dựa vào lời khen của thiên hạ. Một khi sự giả dối đã là cái điều kiện cốt yếu của mọi sự thân thiện, người ta cần phải biết đề phòng những kẻ khen hơn những kẻ chê mình.

✱

Vân Long quyển luyện tôi vì lẽ gì không biết – hay gián hoặc y thích tôi vì tôi nói dối khéo để khen y cũng chưa biết chừng — chỉ biết rằng y tin tôi lắm. Bao nhiêu truyện của, truyện nhà y đem kể hết cả với tôi, thành ra chỉ trong có

nửa tiếng đồng hồ, tôi đã có cả tập hồ sơ của nhà họ Đoạn. Và tôi lại lợi dụng y làm một cái máy truyền thanh để về nói cho cha y cùng các thủ hạ chớ nên mớ vào chúng tôi vì nguy hiểm lắm. Tôi xếp đặt ngay cho y một quyển tiểu thuyết mà trong đó tôi anh hùng như Lý Nguyên Bá, một cây chùy đánh ngã tất cả các đại tướng, hay như Mã Chiếm Sơn phi ngựa như bay mà rút súng lục bắn chết những chim bay chẳng hạn.

Hết truyện này đến truyện khác, rồi y vụt bảo tôi :

– Hôm nọ, người ta đánh giá hai ông chủ mỗi ông hai vạn đồng đấy.

Câu nói của thằng bé lướt qua gáy tôi như một lưỡi dao cạo. Thì ra người ta đã bàn soạn về việc bắt cóc chúng tôi. Tôi rút ngay súng lục bắn trúng cây tre

cắm để làm dấu cho phu đổ đất:

– Hai vạ chưa thấy đâu, nhưng ai lại gần ít nhất cũng được hưởng một phát đạn như cây tre kia đã.

Vân Long cũng vỗ vào khẩu súng lục y thường đeo ở mình :

– Tôi cũng cho nó một phát nữa. Cách làm tiền rất thông dụng của bọn giặc khách ở đây là sự bắt cóc. Chúng đón ở đường sá hay đến tận nhà cướp bắt những kẻ có máu mặt. Chúng đòi một số tiền chuộc. Đến hạn mà người nhà chưa lo kịp tiền đến chuộc thì chúng xẻo một tai kẻ bị nạn gửi về. Hạn thứ hai, không có thì xẻo một tai nữa. Lần thứ ba thì y như thấy cái đầu vắt ở trước cửa. Nhưng thế nào đã yên đâu, nếu người nhà muốn được đủ xác đem chôn thì còn cái xác kia cũng phải đem tiền chuộc.

Cách đây không lâu, chỉ mới vài ba năm thôi, vùng này đầy giặc cỏ. Từ khi chính phủ Tưởng Giới Thạch thống nhất và tỉnh trưởng Long Vân dần dần có thế lực lớn đem quân tiêu trừ mãi, giặc cỏ mới bớt dần đi. Những lính tráng nói cho chúng tôi biết ông quan Tàu này cũng có công nhiều trong sự tiêu trừ ấy.

Người ta kể lại cho chúng tôi nghe nhiều chuyện đốt nhà, giết người và bắt cóc, nhưng có chuyện này là bị đát nhất.

Đương trưa, một bọn giặc kéo đến một làng bên kia núi. Người nhớn bặn đi làm nương cả thành ra giặc chỉ bắt được một sốc mấy chục đứa bé con đem đi. Chúng bắt bọn trẻ con nhịn đói một ngày, rồi chúng nấu một nồi cháo nóng sôi thả ra cho ăn. Những trẻ con nhà nghèo ăn cháo đã quen, tuy đói nhưng thấy nóng thì vừa thổi, vừa húp ít một.

Những đứa ấy chúng tha cả. Còn những đứa thấy cháo nóng đói quá về ngay lấy để húp, bỗng cả mồm miệng thì chúng giữ lại. Trước khi thả bọn trẻ con nhà nghèo ra, chúng thích chĩa vào mặt một đứa đòi tiền chuộc tất cả hai mươi hai đứa trẻ con còn lại là bốn vạn đồng tiền Vân Nam, hẹn trong mười hôm phải có. Nhưng rủi thay, đứa trẻ mang bức thư kỳ quái ấy lại chết ở nửa đường, thành ra cái bức thư sống ấy không đến tay các người nhà. Ấy thế là quá hạn, không thấy ai đến chuộc, chúng giết hết bọn trẻ con, khoét lấy mắt gửi về cho người nhà bảo lên mà chuộc xác. Các người nhà lên đến nơi lúc ấy mới biết rõ chuyện, nhưng đã muộn rồi !

Xưa kia, những cô con gái đẹp ở đây là những tai họa cho những gia đình. Những truyện hiếp dâm cướp gái xảy ra

thường thường. Dân cư luôn luôn bị sống trên sự sợ hãi. Vì thế sự cấy cấy giống giọt không được bành trướng. Người ta chỉ giống gọi là đủ ăn. Đồng ruộng bỏ hoang rất nhiều. Bởi vậy, nhớ mất mùa, dân cư chết đói như rạ.

✱

Hết chuyện người, bây giờ ngó đến chuyện nhà. Chung quanh một nồi mật, đàn ruồi ở tứ phương bay đến, làm sao cho có một sự đồng tâm keo sơn, ngoài cái ý định chấm mút cho thật được nhiều.

Trong một cuộc cộng tác về lý tưởng của những con người thượng trí còn có những cuộc chia rẽ, những sự mưu phản, những sự phá hoại ngấm ngấm thì trong một công việc trù lợi, ông chủ thần tránh

sao cho khỏi những sự ghen ghét, những sự nói xấu.

Phương chi, câu thánh kinh của những ông chủ thầu là chỉ được nghĩ đến mình mà không có quyền nghĩ đến kẻ khác. Hay là chỉ được nghĩ đến kẻ khác trong cái phạm vi mưu lợi cho mình.

Trong một chỗ tứ xứ quần tụ vì lời, thật là có cả những kịch lớn và kịch nhỏ diễn quanh miệng cái túi tiền. Anh cu-ly, bác cai cho đến kẻ chung phần, ai ai đều có mặt trên sân khấu.

Kẻ nào còn giàu một tấm lòng tình cảm dễ lay động mà làm nghề thầu khoán thì luôn luôn bị dấy vò bởi những cái bực mình mà một kẻ lạnh nghề — hay là lòng đã cạn — phải biết vất đi như vất những vật liệu không cần dùng.

Trong những vai kịch đầu tiên, tôi phải kể đến ông bang Pấn.

Vì gia huynh lúc mới bắt đầu nhận làm công việc này không tường phong thổ, thấy ông bang Pấn — mà có lẽ vì thấy cái nhà to và cái chức ông Bang — liền rủ ông chung phần.

Sự chung phần này nó có một cái ngộ là nếu có lãi ra thì ông bang Pấn được chia mà nhỡ có bị lỗ thì ông Bang chẳng bị thiệt thòi gì hay là chỉ mất cái công. Hai bên đều không làm giấy má gì cho nhau và chỉ một mình gia huynh đứng chịu trách nhiệm với công ty.

Gia huynh thì đình ninh có thể nhờ cậy nhiều về cái tài tháo vát của ông bang Pấn trong công việc này.

Chỗ đó, gia huynh đã tính sai. Không

phải ông bang Pấn là một người kém, công việc nay ở ngoài cái phạm vi tài lực của ông. Tài lực và kinh nghiệm của ông chỉ có hiệu quả ở sông bạc và trong những cuộc buôn thuốc phiện lậu.

Trong một công việc cấp tốc mà bao nhiêu bất ngờ có thể xảy đến, mà người ta phải cần đến sự nhanh nhẹn của trí khôn và một sức khỏe trên mực thường để chịu đựng nhọc mệt cùng mưa nắng, ông bang Pấn không đủ điều kiện.

Thấy ông bang Pấn không giúp đỡ được gì hay chỉ giúp đỡ được những việc mà nếu có đồng tiền bỏ ra, ai cũng có thể giúp đỡ được, gia huynh rất lấy làm thất vọng. Tuy sự thất vọng ấy, gia huynh không để lộ ra ngoài, nhưng ông bang Pấn vốn thông minh cũng hiểu ngay. Vì thế cho nên ông đem lòng lo ngại về cái phần lãi của ông.

Sự lo ngại ấy biểu lộ trong câu chuyện ông nói với tôi và cũng là để dò ý tứ :

– ... Ấy hôm Lau Cheung (người thay mặt công ty đứng trông coi ở đây) qua Phố Lu, tôi cũng có nói chuyện hết cho y nghe. Y thấy tôi nói chung phần mà không có giấy má gì, y có bảo tôi phải làm giấy cẩn thận. Nhưng tôi thì tôi chả ngại. Tôi tin ở bụng các ông.

Tuy biết ông bang Pấn chẳng giúp ích gì cho chúng tôi mấy, và biết gia huynh vốn là người trọng lời nói, tôi trả lời :

– Ông tin là phải. Chỗ người lớn đã nói một lời thì rồi đâu có đó. Nhưng, trước khi muốn có lãi để chia, hăng phải cố làm cho ra lãi đã chứ.

Câu ấy như làm cho ông bang Pấn hơi ngượng :

– Thì ai không cố. Ấy là nói thế.

Tối hôm ấy, tôi thừa lúc vắng kể lại những lời ông bang Pấn đã nói với tôi và bảo gia huynh:

– Được việc thì đành rằng chẳng được việc mấy rồi. Nhưng sự chia rẽ công khai của ông ta có hại cho anh. Ông ta có thể nói với bọn Công ty làm khó dễ cho mình, người khách họ với nhau... Hai nữa, mình đã hứa với người ta thì dù thế nào, một lời hứa cũng là một lời hứa. Việc chia lãi sau này là việc của anh, tôi không dám dự bàn gì đến cả. Nhưng tôi cần nói để anh biết anh không nên biểu lộ những tư tưởng của mình ra một cách rõ rệt quá. Trong công việc làm ăn phải hết sức khôn ngoan. Và cái gì cũng nên cho ổn cả thì hơn. Mình cầm tiền trong tay tức là mình cầm đằng chuôi,

càng mềm dẻo bao nhiêu càng hay bấy nhiêu.

Gia huynh nghe tôi nói xong thở dài:

– Việc chưa ăn thua đâu vào đâu mà đã tính đến chia lãi thì tệ thật. Thì đấy chú xem tôi đưa tiền cho ông ta để chi tiêu về việc mượn ngựa nghèo mà ông ta đã nắm lấy một ít để tiêu thì có khó chịu không. Ít nhất cũng phải nói một vài câu cho ông ta hiểu. Ví dụ việc này lỡ thì mình mất nghiệp chứ ông ấy mất gì.

– Đành thế, nhưng trong công việc, cái gì cũng nên ổn thỏa thì hơn. Mình cần phải kín miệng.

✱

Một điều khiến cho gia huynh khó

chịu với ông bang Pấn là đã không mộ được cu-ly thì thôi, ông lại mộ cho một bọn cu-ly họ làm thiệt hại cho gia huynh nhiều quá. Bọn phu ấy là bọn phu người Kinh. Đầu bọn phu ấy là ông cai Quế.

Một cái đặc điểm để các ngài hiểu hết cả bọn phu ấy là thế nào: mười sáu người phu mà có những bốn cái bàn đèn. Trong mười sáu người phu ấy chỉ có bốn người là không nghiện còn thì đều xanh lốt như cỏ, gió thổi mạnh là bay.

Trên một con đường mà người xạ-phang đi mất ba ngày, bọn ấy đi hơn một tuần lễ mới đến nơi. Mà ông cai Quế đã phải chi vào đó hơn một trăm đồng. Khi đi đường, ba người vay tiền rồi trốn mất, một người thì ốm chết giữa đường.

Đã yếu không làm được, họ lại lười. Trong mười ngày, họ nghỉ đến bảy. Ra

chỗ làm thì tìm hết cách để trốn việc.

Thật họ đã làm cho tôi nhiều phen khổ vì họ. Đánh mắng thì không nỡ. Mà không đánh mắng thì lười quá đi thôi. Lại một cái khó chịu nữa là mỗi khi tôi thúc phu khách phải chăm làm thì họ liền chỉ bọn phu ta ;

– Họ lười chứ chúng tôi có lười đâu.

Lúc đầu, trông thấy bọn phu ấy, tôi biết họ không thể làm được, tôi đã bảo gia huynh lựa lại những người khỏe còn thì cho mỗi người đủ tiền ăn đường rồi đuổi về.

Gia huynh không nghe. Gia huynh không nghe vì hai lẽ : một vì số tiền ông cai Quế đã cho họ vay trước hơn một trăm đồng. Nếu cho họ về thì mất, không trừ vào đâu được. Hai nữa vì tấm lòng trắc ẩn :

– Họ đã lẫn lộn theo mình lên đến chốn đèo heo hút gió này để kiếm ăn, đuổi về sao cho đành.

Mỗi khi gia huynh ra chỗ làm nhìn thấy bọn này dờ dẫm, cẩu lăm, gắt luôn mồm :

– Giá mộ độ năm trăm phu như thế này thì đến bị phá sản !

Mấy ngày hôm đầu, gia huynh chỉ gắt, nhưng về sau sốt ruột quá, không dùng được, gia huynh đánh. Nhưng đánh lăm thì cũng đến thế, nghiệm so lại, còn lấy sức đâu mà khiêng đá cuốc đất. Gia dĩ một điều gia huynh lo — mà điều lo ấy rất chánh đáng — là nếu cứ như thế mãi, họ sẽ gây cái gương xấu cho sáu bảy trăm cu-ly khác. Thì vừa may đến ngày thứ năm, gia huynh giao công việc cho tôi.

Tôi vội nghĩ ngay được những công việc hợp với sức họ và tài họ. Tôi cắt cho họ chuyên về việc chặt cộc, đẽo cộc, làm đầm, làm vồ. Tôi lại chọn hai người yếu nhất và khéo tay nhất cho chuyên về việc chữa các làn khiêng đất.

Tôi cho họ ngồi riêng ra một chỗ mà làm để cho bọn phu xạ-phang khỏi tị. Trong bọn ấy, có hai người không nghiện và làm rất được việc là anh Chén, anh Khánh, tôi cho họ đứng trông coi. Như thế, họ vừa được nhẹ nhàng và vừa lợi cho công việc, vì những việc tre khoeo, người khách ở vùng núi không giỏi bằng họ.

Tuy là việc nhẹ nhàng, ấy thế mà vì không chịu được thủy thổ, họ cứ ốm luôn, trong mười sáu người, mỗi ngày chỉ có chừng sáu bảy người đi làm.

Nhiều khi tôi thấy họ lười quá, tôi cũng phải bấm bụng làm ngơ như không biết. Sức họ chỉ có thể được đến thế. Trông thấy lười không mắng, không đánh thì mất trật tự sợ phu nhờn, mà đánh mắng thì không nỡ. Vì thế cho nên mỗi khi đến chỗ họ làm, tôi đã phải đánh tiếng trước để họ biết. Thứ nhất mỗi khi tôi thấy gia huynh ở nhà ra, tôi đã phải chạy đến đẩy trước:

– Anh em làm cố đi. Mỗi ngày tôi già anh em những năm hào cơ đấy.

Tôi vì che chở cho họ mà nhiều khi bị gia huynh cự. Nhưng không thế cũng không còn cách nào hơn. Để cho gia huynh đánh mãi họ ở đây thì sợ người ta cười rằng cùng giống không biết thương nhau. Dem cả một tấm lòng đầy tình cảm đến làm những công việc mà người

ta cần phải gác bỏ tình cảm ra ngoài, khổ thật.

Bọn này, nghỉ việc luôn, làm được đồng nào thì hút cả, nên nhiều lúc thiếu cơm ăn. Thằng bếp của chúng tôi vốn chăm chỉ thấy tụi ấy lười quá, ghét lắm, nên những khi chúng tôi đi ra chỗ làm, họ đến vay gạo hay xin cơm ăn, nó không cho, còn mắng sa sả.

– Lười như gấu, nằm ườn ra không đi làm thì ăn lắm...

Tôi mắng thằng Kim thì nó trả lời :

– Chúng nó lĩnh lương xong, có bao nhiêu tiền mua ráo cả thuốc phiện hút trong một ngày, không có cơm ăn là đáng kiếp, ông bảo thương thế nào được.

– Đành hiểu thế, nhưng chả nhẽ thầy trò đem nhau lên đến đây để cho chúng

nó chết đói ư ? Thôi, con cứ cho chúng nó vay gạo, rồi kỳ lương tao sẽ trừ cho. Và nếu còn thừa cơm thì cho chúng nó.

Tôi biết thế là tôi yếu linh hồn. Có lẽ vì thế mà tôi khuyến khích cái lười của chúng nó. Nhiều khi mình tự nhủ mình cần phải bỏ cái lòng nhân đàn bà ấy đi, nhưng cái ý định ấy chỉ được một chốc. Trông thấy bộ mặt nhăn nhó hốc hác của họ, tôi lại không cầm lòng được.

Có lẽ vì có nhiều những người có những tấm lòng thương không phải đường như tôi, nên xã. hội việt nam mình mới đẩy đẩy những bọn hành khất chỉ vì lười biếng mà cầm bị gậy, chứ chẳng phải tàn tật hay làm sao cả.

Nếu ai cũng biết dẫn lòng không cho bọn ăn xin một đồng trinh nào thì có lẽ ở các đầu ô không có những cảnh bẩn

mắt gây nên bởi một bọn khốn nạn nuôi những cái mụn lở rồi kêu gào lẫn lóc ở đường. Và những cảnh thương tâm của một bọn chuyên thuê trẻ con ẵm ngửa để đi ăn xin cho dễ.

Các bạn ở Hà Nội tất thường bị quấy nhiễu bởi một thằng vô sỉ, quần lành áo tốt hần hoi, mạnh khỏe đáo để, lại nói tiếng tây sôi lăm. Lần đầu, tôi gặp nó, tôi tưởng nó là người lỡ bước thật, tôi cho hần một hào. Nhưng sau đi đến đâu tôi cũng gặp nó, tôi mới rõ nó là một thằng ăn mày có khiếu. Tôi mắng nó thậm tệ. Nhưng m m mắng thì mắng, trong mười lần thì cũng năm lần tôi cho tiền nó. Cho xong rồi thì tôi hối, hối đáo để. Nhưng hối mà lần sau vẫn cứ cho.

“Biết được một điều phải đã là khó, làm được cái điều phải ấy mới là khó hơn”, người xưa thật đã thâm thúy và hần

đã bao lần lưỡng lự và tự trách mình mới nói được một câu như thế.

Tôi còn nhớ một hôm có một người Pháp nói chuyện với tôi :

– Ở nước ông, tôi thấy có lắm người chẳng làm một việc gì bao giờ, chẳng có một đồng xu trong tay, ấy thế mà họ sống nhờ hết nhà này đến nhà khác mãi được. Tôi không hiểu sao anh em họ hàng lại có thể cưu mang mãi một thứ người không đáng cưu mang như thế. Lòng thương người như thế chỉ làm hại cho họ và cho xã hội, chỉ gây cho người ta cái tính lười biếng mất nhân cách.

Tôi thấy lắm ông nọ bà kia thất thế không chịu “hạ mình” xuống làm cu-ly mà lại hạ mình xuống làm con trùng ăn bằm. Tôi thiết tưởng sự làm lụng bằng tay chân để nuôi sống có cái gì là nhục.

Bên nước tôi, đẩy dầy những ông cự phú thất thế đi bán nhật trình hay làm cu-ly. Họ chẳng bị tổn thương danh dự một tí nào cả như những kẻ suốt đời di ăn nhờ. Nước các ông, có nhiều người ỷ lại lắm, một phần bởi tấm lòng thương vô lý gây nên. Ở nước tôi, không thể như thế. Những kẻ như thế, nên để cho họ “biến” đi.

Tôi còn nhớ mãi cái cử chỉ của bàn tay hất hất ra và câu nói “qu’ils disparaissent”.

Tôi hối rồi tôi tự nhủ :

– Với những người cương quyết như thế, có lẽ xã hội này hết bọn ký sinh.

Nhưng làm được cái cử chỉ cương quyết ấy, khó lắm thay.

Cu-ly của ông cai Quế mộ đã như thế, còn ông cai Quế thì lại ngán lắm thay, ngán về phương diện ông cai mà thôi.

Ông này xưa kia làm lý trưởng ở Phố Lu đã có một thời kỳ giàu có hống hách. Xưa kia, những tay buôn thuốc phiện lậu qua Phố Lu đều phải đi lại nhà ông. Ông ta là người có chữ nghĩa, lại ăn nói phải chăng. Nhưng buồn thay cho ông mà cũng buồn thay cho chúng tôi là ở đây, chúng tôi chỉ cần những người cai nhanh nhẹn, biết việc, chứ chúng tôi không cần đến những người có chữ nghĩa, ăn nói phải chăng.

Đành rằng dụng nhân như dụng mộc, nhưng ở đây, chúng tôi không có chỗ nào để dùng cái “miếng gỗ” ấy cả.

Ra coi cu-ly, ông cứ đứng đực ra một chỗ cầm cái ô che xù sù, trong khi tôi chỉ đội cái mũ đi hết đầu này đến đầu nọ, nói rất cổ bồng hòng dưới cái nắng thiêu người hay trận mưa lụt đất.

Tôi yếu linh hồn, tôi biết ông không thể kham được những công việc ấy, tôi biết ông nghèo túng nên mới phải theo chúng tôi, nên tôi ngơ đi không nói. Nhưng gia huynh không phải là người yếu linh hồn, vả ông cứ đứng đực ra như thế không ộp cu-ly thì nó “hao” cái túi tiền của gia huynh, gia huynh đổp chát ngay :

– Ông không bằng đứa bé con. Ông xem thằng Oánh mỗi tháng tôi chỉ giả nó mười lăm đồng mà nó chạy xuôi chạy ngược, được việc cho tôi hơn ông. Ông một tháng ba mươi đồng lại cơm nuôi, mà ông che ô xù xù như... bố người ta

thế à... Đã mũ lại còn ô. Đứng đâu thì đứng mọc nắm ra. Cai như thế thì chết người ta rồi còn gì!

Ông cai Quế không cãi — mà còn cãi làm sao được chỉ đứng ngậy mặt ra.

Tôi vẫn biết gia huynh mắng là phải và lẽ phải buộc gia huynh phải mắng, nhưng không hiểu sao lúc ấy tôi lại kỳ quái, thấy... ngượng quá, tôi quay đi. Rồi từ đấy, mỗi khi thấy gia huynh đến gần ông cai Quế là tôi lảng đi chỗ khác, tôi không muốn nghe những lời mắng... đúng lẽ phải. Hay có lẽ tôi không muốn nhìn thấy có bộ mặt sầu thảm của ông thì đúng hơn.

Gia huynh thấy tôi ộp thúc hết các cai trừ ông cai Quế, một hôm gắt với tôi :

– Chú xem làm cai mà hể ra lúc nào

là tôi thấy vác ô đứng nói chuyện hay hút thuốc lào thì có thiệt hại không ? Chú phải bảo y và cắt công việc cho y chứ ?

– Thì tôi cắt đấy, thì tôi đã bảo đấy, nhưng anh tính trâu bò mà bảo bay thì bay làm sao được.

Gia huynh chép miệng, nhắc lại câu than bất tuyệt :

– Dăm ông cai như thế này và vài trăm cu-ly như thế kia thì thật đến phá sản! Ông bang Pấn khéo chọn quá.

*

Sự tình cò lại đem đến cho chúng tôi hai người cai rất tốt : cai Tôm và cai Dĩa. Hai người này là hai thái cực. Cai Dĩa tần tảo cần kiệm bao nhiêu thì cai

Tôm hoang toàng, chơi bời bấy nhiêu. Nguyên hai người ở Xi-mân, biết chúng tôi cần mộ phu nên mộ một ít phu xạ-phang theo chúng tôi lên.

Cứ xét cái đời tư của hai người cũng hình tưởng được bao nhiêu cuộc sinh hoạt của dân miền xuôi đem nhau lên trên chốn rừng xanh núi đỏ này.

Ông cụ thân ra Tôm lên trên này không biết từ bao giờ, để Tôm ở đây rồi chết đi để lại cho Tôm cái ký ức mơ hồ rằng mình là người đường xuôi, cái đường xuôi mà Tôm không bao giờ nhìn thấy. Tôm chỉ biết rằng mình là người Thái Bình và có họ hàng ở đấy, thứ họ hàng chẳng nhìn thấy mặt bao giờ. Tuy thế, nhưng đừng tưởng rằng Tôm không nghĩ đến quê hương và họ hàng. Tôm vẫn đinh ninh một ngày kia khá giả sẽ về quê cha đất tổ nhận họ, nhận hàng.

Những cái ngày kia ấy mãi chưa đến cho. Lận đận ở đây với miếng cơm hai bữa bằng nghề cò bạc bịp, sự hiu quạnh và cần dùng vật chất buộc Tôm phải lấy vợ thổ. Rồi hiện tại rồn rập, Tôm thấy mình ngày một buộc chặt thêm vào với rừng xanh mà xa dần chốn đồng ruộng của ông cha đã sống.

Dũa thì khác hẳn. Cuộc mưu sinh chật vật ở đồng bằng đưa Dũa từ lũy tre xanh lên con đường lưu lạc. Không biết Dũa đã đi qua những đâu, và đã làm những nghề gì, một hôm người ta thấy y dừng gót ở đây với một cái kéo, rồi Dũa cắt lia cắt lia những mớ tóc bờm của những cái đầu hôi sặc. Ý hẳn những mớ tóc bờm kia với cái kéo nọ có một tiền duyên, nên Dũa nhất định ở lại đây để phụng sự chúng. Rồi một chiếc nhà nhỏ dựng lên, rồi ngoài cái nghề thợ cạo,

Dũa lại mở hàng cà phê bán cho lính đồn. Rồi một hôm, Dũa về quê đón vợ lên. Rồi từ đấy, chuồng gà, chuồng lợn, chuồng ngựa cứ mọc dần. Mà rồi thì trên con đường Hoàng-su-phi, Bản-máy, Cốc Bài, phiên chợ nào người ta cũng thấy vợ chồng Dũa chở hàng đi bán.

Trái hẳn với Tôm quần tụ, chơi bời với người thổ dân, Dũa kiếm ăn với họ mà không thể thân mật và chia những cái vui buồn của họ. Xác ở đây, nhưng hồn Dũa thì bay về ở chốn đình làng mà Dũa hy vọng một ngày kia tiền bạc sẽ đem đến cho mình một chiếc chiếu ngồi.

Tôm là người sống không có ngày mai, Dũa thì chăm chăm nhìn đến cái ngày mai: áo gấm về làng.

Lòng mẩn cổ hương đã luôn luôn tiếp nghị lực cho Dũa trên con đường

gây dựng cơ đồ. Và chính nó đã gây nên cái sức mạnh của miền xuôi cùng sự phồn thịnh. Người dân quê Bắc kỳ đi đến đâu cũng chiếm được cái địa vị ưu đãi và giữ nguyên cái bản sắc riêng, phải chăng nhờ vì tấm lòng tha thiết tới quê cha đất tổ.

✱

Trong mười mấy người cai, Dừa là người làm được việc nhất, được việc hơn cả cai Quý, mặc dầu Dừa không làm cái nghề này bao giờ.

Nhanh nhẹn, thông minh và có óc tổ chức, việc gì tôi chỉ bảo qua là y làm được ngay. Vì thế cho nên cái khu tôi để cho y coi, tôi ít khi phải trông nom đến.

Tôm cũng thông minh cũng nhanh

nhện, nhưng lúc đầu, y đã lầm tưởng rằng chỉ bộ đồ ông chủ là có thể được lợi lộc. Gia huynh đi đâu, y cũng cầm cái ô và chai nước leo đèo theo sau.

Nhưng rủi cho y — mà có lẽ cũng là may cho y — chỉ trong mấy ngày là gia huynh giao hết công việc cho tôi. Mà tôi thì chỉ xét giá trị của các cai theo công việc.

Cái công việc đầu tiên của tôi là nói cho y biết nếu y không làm được việc thì tôi chỉ giả cho y một tháng 18\$ trong khi tôi tăng lương cho Dừa từ 30 đồng lên 45 đồng.

Đối với ông cai Quế là người già cả, lại là chỗ quen biết với ông bang Pắn, tôi không nỡ nói và cũng không muốn nói

vì biết ông cai Quế không thể làm hơn được thế, nhưng đối với Tôm, tôi không nể nang:

– Mày hãy cắt cái ô và chai nước đi, cầm lấy một cái roi. Tao đây chỉ đội có một cái mũ không sợ chết nắng nữa là mày. Đây tao chỉ cần những người cai làm việc được. Nếu mày xét không thể làm được việc thì không ai cấm mày thôi.

Tôi cắt y làm phụ với cai Quý, trông coi làm đoạn đường cuối. Hình như y biết rằng đối với tôi chỉ có sự làm chạy công việc là được tôi để ý, nên chỉ trong năm ngày, y đổi khác hết. Công việc y làm cũng chạy, nhưng dù sao y cũng vẫn chưa đủ trí khôn và tài tháo vát để trông coi nguyên một mình một khu. Nếu có độ bốn người như Dừa thì tôi cũng không đến nỗi vất vả.

Mỗi khi tôi ra chỗ làm, chỉ có khu của Dừa là làm cho tôi được vừa ý. Còn thì ở các chỗ khác, tôi phải gào thét trong gần nửa giờ đồng hồ mới đầu vào đấy. Chỗ thì cuộc chim nhiều quá, đất cứ ùn lên. Chỗ thì nhiều người khiêng quá, đất không có mà khiêng. Có chỗ chỉ độ 100 cu-ly làm thì vừa đủ, họ để cho chụm lại tới hai trăm. Thành ra mỗi buổi sáng và buổi chiều lúc bắt đầu làm việc, tôi phải đi từng chỗ một, xếp đặt công việc. Cu-ly thì ngu, mình thì không biết tiếng, thành ra xếp xong công việc cho họ làm, tôi đã mệt lả, cổ rát như phải bỏng. Lại bực một điều, công việc chỉ có thế, mà không hôm nào các cai theo đúng được những điều mình đã dặn.

Trong có mấy ngày, dưới giời nắng như thiêu, vì gào thét nhiều quá, gia huynh, ông bang Pấn, Wa Lâm, ông bang

Pinh nam đều khản đặc không nói được nữa. Tôi cũng khản, nhưng biết rằng nếu mình cũng khản nữa thì nguy, từ đấy, tôi ngậm chanh suốt từ sáng cho tới chiều.



Tác giả... dưới cái nắng thiêu người.

*

Khi chúng tôi khởi công được hai ngày thì xảy ra một việc nếu không mau thu xếp thì có lẽ gây ra huyết chiến.

Nguyên trước đây gia huynh có bảo Wa Lâm tìm người mộ phu. Wa Lâm có

bảo một người khách xạ-phang ở Pa-kha. Y có một người bạn ở Mai-lin-phố. Y sang đây nhờ mộ phu hộ. Sau khi điều đình với quan Tàu, số phu đã thừa, Wa Lâm có viết thư về Pa-kha báo thôi việc mộ phu, nhưng thư chưa đến nơi thì người kia đã đi rồi.

Tôi đương ở dưới đốc phu làm việc thì thấy ở phía lều trên đầu núi một toán người súng ống hằn hoi ùng ùng kéo đến.

Ngõ là bọn giặc cỏ, cai Quý sợ xám cả mặt, níu lấy tôi :

– Kìa ông,

Tôi ngừng đầu lên. Tôi xin thú rằng lòng tôi lúc ấy cũng hơi nao, mà trái tim tôi cũng đập mạnh, nhưng chung quanh toàn là cai và cu-ly, tôi đứng vào một

trường hợp không thể sợ được. Tôi cố làm ra điềm tĩnh :

– Có phải họ đến thật thì “chơi” chứ sợ cái gì. Làm gì mà nháo lên thế, làm đi.

Cai Quý giờ roi hét :

– Khoải ten (mau lên).

Các phu lại cuốc, lại khiêng. Trong lúc ấy thì phu của đệ tứ hương những ai có súng đem theo đều vất cuốc vác súng chạy lên.

Tôi hồi hộp chờ. Một lát sau, Wa Lâm xuống nói cho tôi biết chuyện.

– Ả-lim và Quá-sơn-bưu đã mộ được hơn một trăm phu ở Tổng Long, Sín-cái đến...

– Có thể thôi à. Nhưng phu đã nhờ quan Tàu mộ đủ rồi. Thế bức thư của Wa

Lâm gửi, họ không bắt được à? Họ làm gì mà to tiếng ở trên ấy thế ?

– Họ đang cãi nhau với đại biểu của quan Tàu và các hương trưởng.

– Cãi nhau về việc gì ?

– Bọn hương trưởng không muốn cho họ ở đây làm vì số cu-ly lấy chỉ có hạn, như thế phu hương lấy thêm không được bao nhiêu nữa. Họ sẽ được nhắm ít. Họ buộc bọn kia nếu muốn ở đây làm thì phải nộp thuế nhập hộ khẩu, 8 ngày một đồng. Bọn kia không chịu lấy có mình là người Tàu thì không phải nộp thứ thuế ấy. Quá-sơn-Bưu (y là người họ Cái, nhưng người đây đặt cho y cái biệt hiệu ấy) lại là một tay kiệt kiệt, bốn năm trước đây, vùng này nổi loạn, y theo quan quân ở Mai-lin-phố đi tiểu, giết thổ dân máu đỏ ngầu con Tiểu bạch hà, y lại là

kẻ thù với Đoàn hương trưởng, nếu để y ở đây thì thế nào cũng có việc thù hằn bắn giết. Gia dĩ bọn phu Tổng Long, Sín-cái ác lắm, cho cùng làm với phu hương ở đây thế nào cũng đánh nhau. Mà như thế lại phật ý quan Tàu. Ông liệu thế nào cho ổn thì liệu.

– Việc ấy tùy ở anh tôi.

– Đành thế, nhưng ông bảo với ông chủ thì ông chủ nghe. Gia di cũng tại tôi nên người ta mới đến.

Tôi lên lầu thì thấy họ Cái ăn nói hung hăng lắm. Cứ xem cách thức ấy, nếu để y làm ở đây thì thế nào cũng có nhiều việc lôi thôi và mất lòng ông quan Tàu, tôi liền lảng xuống gọi Wa Lâm:

– Ông điều đình đến cho y ít sở phí để cho y di di.

Lúc gia huynh đến, nghe thấy phải mất tiền một cách vô lý như thế, không chịu :

– Trước đã đưa cho A-lim 20 đồng rồi, nay lại mất mấy chục nữa, không không. Việc này mặc kệ họ. Cứ để cho họ làm. Làm thì mỗi người phụ giả một đồng cho quan Tàu đút túi, quan Tàu giận gì mình.

– Nhưng nếu họ không bằng lòng giả ?

– Thì quan Tàu đi mà đòi lấy.

Wa Lâm nhăn mặt :

– Thế thì rồi lôi thôi lắm.

Gia huynh cau mày :

– Lôi thôi thì họ làm gì được tôi.

Tôi phải vội đàn giải, nhưng tôi nói bằng tiếng Pháp để những người chung quanh không thể nghe :

– Chúng mình có sợ chỉ là sợ cái gì nó làm ngăn trở công việc. Tôi đã hỏi nhiều người thì quả là họ Cái có nhiều kẻ thù ở xứ này.

– Thì chúng nó giết nhau. Chú mà cũng dốt thế cơ à?

– Đành thế, nhưng trong khi chúng nó giết nhau, công việc ở đây ngừng trệ, rồi cu-ly sợ trốn đi cả, ai làm. Dốt hay bạo thì chỉ khi nào có việc nguy hiểm xảy đến trước mắt mới biết được, nhưng tiếc một món tiền nhỏ để hại một việc to là người vụng tính.

Gia huynh ngẫm nghĩ một lát rồi bảo :

– Ừ thôi chú bảo Wa Lâm bồi thường cho họ ít tiền sở phí để cho họ đi đi.

Hai mươi đồng, với mấy câu an ủi, Quá-sơn- Bưu lại qua núi giở về.

*

Ngày hôm sau, tôi đang ngắm alignment thì Tứ Lão Gia (đại biểu và là em ông quan Tàu) dắt một người đến :

– Người này có mấy chục phu muốn đem đến làm. Anh tôi bảo nói với ông chủ xin cho y làm và coi như là phu hương, hương đệ ngũ.

Người này thì tôi đã biết và các cai cũng đã biết. Y làm quân sư cho ông quan Tàu, mọi việc rắc rối đều tự y mà ra. Y tướng ngũ đoan có một bộ mặt rất gian ác, một cái cười rất tiểu nhân nó tỏ rõ cả

cái linh hồn đen tối của y. Mọi người ở đây, ai cũng ghét y. Cứ như lời người ta thuật lại, thì trước kia y ở Vân Nam làm quân sư cho một bọn giặc cỏ, vì bị tâm nã riết quá, y phải trốn sang ở bên ta. Tóm, Dừa biết rõ y lắm, vẫn mệnh danh cho y là quân sư Quạt mo hay quân sư Lùn.

Tôi hiểu ý ông quan Tàu muốn giúp y để cho y có thêm được một tháng 30 đồng, nhưng thấy mọi người không bằng lòng với y, cho nên tôi không muốn có sự bất hòa ở trong chỗ làm, tôi liền gạt ngay đi :

– Việc này là quyền ở anh tôi. Nhưng tôi xem ra thì phu đã đủ số rồi, nhiều quá trông coi không xuể. Nếu có phải có mấy chục phu thì sao ông không ghép vào phu hương. Ở đây chỉ có bốn hương, chứ có hương đệ ngũ đâu mà bảo lập ra một hương nữa.

– Cho làm hay không là tự các ông, chứ hương thứ năm hay thứ sáu thì có kể gì.

Tôi biết gia huynh thế nào cũng không bằng lòng, tôi liền bảo y :

– Hai ông thử vào trong nhà hỏi anh tôi xem.

Y như rằng gia huynh không bằng lòng, vì không muốn tự dưng mất thêm mỗi tháng 30 đồng cũng có, vì ghét y là người thầy dùi hay gây chuyện cũng có.

Tôi thấy hai người tiu nghỉu đi ra, rồi có người nói cho tôi biết họ gửi thư cho ông quan Tàu.

Trưa hôm ấy, lúc tôi về ăn cơm, gia huynh hỏi ý kiến tôi thì tôi nghĩ chín lại, xét thấy y là con chó đói, nếu mình không cho nó ăn thì nó cứ cắn mãi, âu là cho

nó một cái xương để cho nó cầm mồm đi. Gia dĩ y thân với y thân với quan Tàu, nếu mình không bằng lòng thì quan Tàu cứ nói mãi, rồi sau mình cũng đến phải nhận. Âu là mình nhận trước để được một cái ân với y.

– Kể lấy thêm một người cai nữa cũng chẳng hại gì. Cai vẫn chưa đủ mà cu-ly thì độ một trăm nữa làm cũng còn vừa.

– Thế thì tùy chú.

Chiều hôm ấy, tôi gọi quân sư Lùn và Tử lão gia đến bảo :

– Số phu thì đủ cả rồi. Nhưng quan Tàu với chúng tôi là chỗ bạn tốt, thành ra không biết nói thế nào. Đấy hai ông xem, hôm qua mấy trăm phu đến, tôi có nhận đâu. Trưa hôm nay, anh tôi có hỏi

tôi, tôi thấy khước lời quan Tàu thì nó cũng không tiện. Vậy tôi cho ông làm đây là vì tình diện, chứ cứ lý thì thật là đủ. Ông nên giúp chúng tôi làm việc cho tử tế. Và nếu ai có cái tà tâm gây chuyện gì, ông cũng gạt đi hộ cho.

Quân sư Lùn vàng vàng dạ dạ luôn mồm. Tối hôm ấy, gia huynh nhận được một phong thư của quan Tàu, hỏi gia huynh vì lẽ gì có phu đến lại không nhận. Trong đó có câu : “Như thế nếu có phát sinh phong trào gì, tôi không chịu trách nhiệm”.

Gia huynh xem bức thư nổi giận muốn đuổi ngay quân sư Lùn không cho làm nữa. Tôi phải vội vàng can:

– Chúng ta đến đây để kiếm tiền, chứ không phải để kiếm chuyện.

Công việc ở đây nhọc mệt một một cách không thể nói. Sáng dậy từ năm giờ ra giải nắng, cái nắng núi cháy người, cho đến mười một giờ, chiều từ một giờ cho đến sáu giờ. Chỉ trong mấy ngày, tôi đã đen bóng như mọi châu Phi. Lại còn cái đoạn trường trong một ngày mưa đổ xuống độ dăm bận, vì thế bọn anh em đều ốm cả, chỉ còn có tôi và cai Quý là chưa ốm. Wa Lâm thì phát đau mắt, vì giải nắng quá, hỏa bốc lên đầu; ông bang Pấn thì bị cảm; khỏe như ông bang Pinh nam mà cũng khật khừ, lúc nào cũng rức đầu sổ mũi. Gia huynh vì sống một đời phong lưu đã quen, nên khi phải giải gió dầm mưa bị ngã đầu tiên. Mới có bảy hôm, đã bị ốm kịch liệt. Lúc lên cơn sốt, gia huynh rên vang nhà,

miệng lúc nào cũng kêu chết, nhiều lúc mê man, đương ngủ bỗng vùng dậy nói lảm nhảm.

Tôi chờ đến hòm thuốc thì chẳng có một tí gì để dùng cả, chỉ có vài chục viên ki-ninh, một ít prémaline, một ít aspirine. Thuốc tiêm quinoforme không, éther không, huile camphrée không, thuốc tẩy không, thuốc lỵ không, thuốc tả không, nhiều thứ cần dùng khác cũng không!

Nhìn gia huynh mặt đỏ như gấc nằm li bì ở giường, sờ đến thuốc không có, tôi vừa thương, vừa giận. Ở Hà Nội, tôi đã ân cần dặn gia huynh về vấn đề thuốc thang không có thể tiếc tiền được. Phải mua cho đủ những cái thường dùng, chứ không ở nơi đèo heo hút gió ấy, nhờ một cái, chạy vào đâu. Vì đã đi rừng nhiều phen và cũng đã nhiều phen vì thiếu

một vài thứ thuốc cần dùng mà bị sống dở chết dở, trước hôm đi, tôi đã hỏi gia huynh nếu không biết mua thì để tôi đi mua hộ. Gia huynh giả nhời chắc chắn rằng đã mua đủ cả rồi.

Khi tôi mở giỏ thuốc ra chẳng có một thứ gì, tôi bức mình quá, émétine, quinoforme, huile éthero camphrée là ba thứ thuốc tiêm, tôi căn dặn gia huynh phải mua cho đủ dùng, gia huynh đều không mua.

Gia huynh vốn là một người rất hoang. Nhưng mãi đến bây giờ, tôi vẫn không hiểu tại sao trong khi chơi bởi tiêu nhảm năm, ba chục, gia huynh coi như vô hên, mà khi mua thuốc để bảo vệ sức khỏe thì gia huynh lại tiếc. Lòng người thật là đây... trái ngược.

Tôi không có cái tính hay dùng thuốc,

hơi một tý thì thuốc như nhiều người. Ở nhà, có sốt hay cảm, tôi chỉ dùng có phương pháp rửa ruột, nhịn cơm và nằm nghỉ. Trừ khi nào có biến ra những chứng nguy hiểm, tôi mới dùng thuốc. Nhưng một khi đi rừng, bao giờ tôi cũng phòng bị đủ một ít thuốc thường dùng của những chứng thông thường như lỵ, tả, sốt rét là những chứng mà người đi rừng vì vất vả và ăn uống không được vệ sinh, thường mắc phải. Tôi nhớ vì trong cái túi dết đi rừng của tôi lúc nào cũng có thuốc tiêm éthero camphrée mà tôi đã cứu được mấy kẻ đồng hành bị gió độc ngất đi.

Tôi không rõ trong những khi tôi ốm, đau đớn đã làm cho tôi có những cử chỉ phản động ra sao, chứ nhìn gia huynh rên rĩ thì tôi tưởng chừng như thấy thất vọng hiện hình lên. Và cái lòng sợ chết

đem đến cho người ta một cái gì không đẹp.

– Chết, giờ ơi ! Chết mất !

Gia huynh cứ kêu luôn mồm.

– Thôi, mặc chú, chú muốn làm thế nào thì làm, tôi không biết. Giờ ơi, nóng quá !

Ở một chốn núi thẳm không thể tìm một ông lang thuốc, lại là một chốn nguy hiểm, luôn luôn bị vây bọc bởi những bất ngờ không lành, nghe những tiếng rên rĩ ấy, người cương quyết đến đâu cũng phải sốt ruột. Lại càng sốt ruột khi cái người kêu ấy là người thân yêu mà mình biết trước rằng nếu có xảy ra điều gì, không còn cách nào để cứu.

Tôi còn nhớ câu gia huynh nói với tôi khi chúng tôi bắt đầu đi :

– Vô phúc thằng nào mà ốm ở trên ấy để cho phải khiêng về thì thật khổ như con chó đẩy thoi.

Câu nói ấy, trong lúc này, tôi nhớ lại, tôi thấy bàng hoàng cả người.

Ông thầy thuốc không thể đến mà cũng không thể khiêng về, vì đường khó đi là một, hai là nếu giải nắng dầm mưa thì bệnh chỉ chóng đến chỗ trầm trọng,

Mỗi khi đi coi phu về, tôi bụng bảo dạ : nếu cơn sốt cứ lên như thế này mãi thì nguy. Nhưng may quá, chỉ sốt trong ba ngày rồi bệnh dịu dần.

✱

Bệnh dịu được hai hôm thì gia huynh phải đi Xi-măn lấy tiền về phát cho phu.

Tôi đã lấy làm lo vì người còn ốm như thế mà đi mưa nắng thì tránh sao cho không phải lại.

Sự lo của tôi đúng. Bốn ngày sau, gia huynh về với những cơn sốt dữ hơn lần trước. Đã thế gia huynh lại đem về những tin dữ dội : bên Âu châu có chiến tranh, ở Hà Nội dân cư náo động, các người ở thành thị chạy về thôn quê lánh nạn cực đông, tại các tỉnh lớn, những việc phòng bị rộn rịp, các đồn ải đều khóa cửa biên thùy, ai có lừa ngựa đều bị nhà binh lấy để dùng...

Tôi vụt nghĩ đến cái gia đình nhỏ mà tôi để lại ở đất Hà Nội. Tôi hình tượng ngay thấy năm cái đầu nhỏ bé xúm xít chung quanh người mẹ, rồi bản khoán tự hỏi cái người đáng nhẽ những lúc này phải ở bên cạnh chúng sao không có đây?

[Kiểm duyệt xóa 8 dòng.]

✱

Bệnh tình gia huynh có lắm lúc nguy kịch. Ăn uống tí gì là mưa ra hết. Nhưng may, nó lại dịu trong bốn ngày.

Thì vẫn đã bảo gia huynh sinh nhằm dưới một ngôi sao tốt. Đời gia huynh là một tràng dài những cái may. Tôi chưa từng thấy gia huynh phải nỗ lực bao giờ. Việc gì gia huynh cũng như làm chơi mà gặt được lợi lộc rất nhiều. Chung quanh gia huynh hình như lúc nào cũng sẵn sàng có những quý nhân chờ đón để giúp đỡ.

Mười ngày sau, gia huynh khỏi hẳn. Từ đấy gia huynh lượng sức không thể kham được nắng gió và vất vả nên mỗi

ngày chỉ đảo ra chỗ làm xem qua công việc rồi lại về ngay.

Gia huynh khởi thì đến lượt tôi mắc chúng đi kiết. Không có thuốc, tôi chỉ đành thực hành cái phương pháp nhịn ăn. Tuy thế, nhưng tôi không hề nghỉ, vì nghỉ một ngày thì hại cho gia huynh bao nhiêu là tiền. Trong ngân ấy người, không ai có thể thay tôi được cả.

Nhiều khi gia huynh thấy tôi mặt phờ phạc, đi từ đầu đến cuối chỗ làm, giữ tôi lại hỏi tôi một cách lo lắng :

– Chú có làm sao không ? Có làm sao thì nghỉ đi, đừng gượng. Nhỡ chú mà nằm xuống thì chết cả nút. Nội đây, ai cũng có thể ốm chỉ duy có chú là không thể ốm được thôi.

– Anh có thể tin ở cái sức chịu đựng của tôi. Vì nắng quá, nói nhiều mệt, uống phải nước bẩn, nên nó thế. Tôi chỉ nhịn cơm vài hôm là tự nhiên khỏi.

– Được như thế thì may lắm. Nhưng chỉ sợ chú gượng rồi sốt như tôi thì khổ.

– Mỗi ngày uống hai viên quinine không thể sốt được. Công việc chỉ còn hơn một tháng, có ngã nước thì về Hà Nội mới ngã nước. Lúc ấy công việc đã xong rồi, ốm cũng chẳng cần.

Gia huynh nhìn quanh chantier [công trường] một lượt :

– Ừ may, công việc cũng độ hơn tháng xong, chứ lâu nữa thì sống cái đời như thế này, đá cũng phải ngã, chứ đừng nói chú.

Ngày nào tôi cũng cố. Tôi định ninh tự nhủ: cố cho xong công việc, rồi về Hà Nội ốm tha hồ.

Nhưng lạ một điều những lúc tôi vất vả thì hình như bệnh hoạn lại xa lánh tôi. Và nó chỉ đến với tôi trong những ngày nhàn rỗi.

Tôi nhận thấy trong bao năm thiếu gì lúc phơi sương giải nắng, vất vả hơn thế này, ấy thế mà trong những lúc ấy, tôi chẳng ốm bao giờ, hay chỉ ốm qua loa rồi lại khỏi ngay. Chứ trong khi ăn rừng ngồi rồi, tôi đã ốm trận nào, ốm ra việc.

Ba ngày sau, tôi khỏi hẳn, khỏi rồi thì thấy ăn được, ngủ được và sức lực trong người dồi dào lắm. Chả bù với lúc ở Hà Nội rong chơi, lúc nào tôi cũng thấy khó chịu trong người mà đêm thì thường chẳng bao giờ ngon giấc.

Thì ra cái luật làm việc nó bám lấy tôi như một lời nguyện. Bao giờ xa nó là y như trong người tôi thấy khó chịu và buồn bã. Lúc ấy tôi mới nhận được một cách chắc chắn là chỉ có sự lam việc mới đem đến sức khỏe cho cơ thể, vui vẻ và yên tĩnh cho tâm hồn.

*

Tôi khởi thì đến ông bang Pinh Nam ốm, ốm kịch liệt hơn gia huynh nhiều. Có lúc ông mê đi hàng mấy giờ. Chúng tôi đành phải để cho người khiêng ông về. Nhà ông ở Ximakai, đi đường Khẩu-chẩn chỉ một ngày tới.

Võng không, cang không, chúng tôi phải lấy một chiếc ghế vải buộc đóng để ông nằm lên rồi cho bốn người khiêng.

Bọn phu khiêng đến, thấy cái ghế liền nói ngay :

– Đường núi hẹp lắm, bốn người khiêng thì không thể nào đi được.

Chúng tôi đã thất vọng thì một người phu lại nói:

– Thôi để hai người khiêng, còn hai người để đổi.

Chúng tôi nhờ ông bang Pẩn và Mả-lơ (người phu ngựa thuộc đường lối) đi theo để trông coi cho ông Pinh Nam.

Lúc chiếc ghế ở trong nhà khiêng ra, chúng tôi ai cũng mặt rầu rầu. Mà không rầu rầu làm sao được: anh em đem nhau đến đây, cùng chia gian lao hiểm nghèo, nay một người ốm phải khiêng về, không biết sống chết thế nào.

Ông bang Pinh Nam lúc ấy đã mệt
lả cũng cố ngóc đầu dậy để từ giã chúng
tôi.

Nhưng cảnh từ giã như thế, trong
khoảng đời bôn tẩu, tôi gặp cũng đã
nhiều. Nhưng đó cũng không phải là
một cơ để người ta không cảm. động, thứ
nhất đã từng sống với nhau những ngày
nếu có nguy hiểm đến thì chết cùng chết
mà sống thì cùng sống.

Tôi nhìn giời, lục hỏi những đám
mây, rồi khấn thầm trong bụng cho hôm
nay đừng mưa. Nắng thì những cành lá
phủ để làm mui kia còn che đỡ cho người
ốm được ít nhiều, chứ mưa ở giữa núi thì
còn biết ẩn vào đâu.

Cả ngày hôm ấy, tôi lo ngay ngáy.

Chiều tối lúc giờ về, gia huynh thờ

một cái thở dài khoan khoái rồi bảo tôi:

– Hôm nay không mưa chú ạ.

Thì ra gia huynh cũng bận khoản lo sợ cho người ốm như tôi.

Ông bang Pinh Nam đã đi, ông bang Pấn lại cũng đi, Wa Lâm thì đau mắt phải nghỉ ở nhà, gia huynh thì không thể chịu được mưa nắng, thành ra ở chỗ làm chỉ có một mình tôi.

Trước kia, những người ấy đâu chẳng giúp được gì cho tôi, nhưng một khi có công việc, tôi dặn cai song còn nhờ họ giám đốc, và có họ đi rảo thì cu-ly sợ cũng đỡ chơi. Nay có một mình tôi, tôi lại càng phải gắng. Trước kia, lâu lâu tôi còn lên lều nghỉ một chút, nhưng từ đấy, tôi không dám nghỉ nữa, chỉ lo ngay ngáy làm thiệt hại đến công việc mà gia huynh đã giao cho.

Nghĩ lại làm cái nghề thầu khoán thật có lắm cái cười ra nước mắt. Thương người mà không dám thương, giận người mà không dám giận. Những người của công ty phải đến giám sát mình thì nói trái cũng phải vâng dạ, gặt lấy gặt để, và những cái dở hơi của họ, mình cũng phải khen là... thơm.

Lúc giới đồ mưa, các hương trưởng và tú lão gia tìm chỗ ẩn ấy là lúc tôi phải đi thủng thẳng ở dưới giới mưa, làm bộ như là không biết có mưa vậy. Nếu mình tìm chỗ ẩn thì cu-ly nghỉ. Ở đây, những trận mưa thường chỉ độ mười mười lăm phút. Nhưng thử tính hơn nghìn cu-ly nghỉ trong cái mười lăm phút ấy, thiệt bao nhiêu là tiền.

Lúc giới nắng như đốt, ai cũng nhọc

mệt uể oải, ấy là lúc tôi phải khoẻ mạnh tỉnh táo và phải đi từ đầu tới cuối hết cu-ly và các cai :

– Mau lên.

– Nắng chết người, mau làm sao được, ông chủ ơi.

Một cu-ly nói thế. Liên phải giả lời :

– Tao cũng giang nắng từ sáng, sao tao không mệt ?

Và thằng nào lười quá thì phải phết ngay cho nó ít roi :

– Nắng không làm thì đừng lấy tiền. Mà sợ nắng thì nghỉ đi, đừng lấy tiền ngày hôm nay nữa.

Biết như thế là tàn nhẫn và bất công, nhưng luôn luôn ngọn roi cứ phải tàn nhẫn, mà cái miệng cứ phải bất công !

Ông bang Pinh Nam đi được hai hôm thì gia huynh phải về Hà Nội lấy tiền. Trước khi đi, gia huynh bảo tôi :

– Các công việc ở đây nhất nhất tôi để toàn quyền cho chú. Bây giờ, tôi chỉ đóng cái vai chạy tiền. Tính chủ khái và nóng lắm, tôi chỉ lo tụi quan Tàu và hương trưởng họ hoành hoẹ, chú tức lên thì nát hết. Chú hứa với tôi gấp việc gì chú cũng cố nén thì tôi yên lòng đi lắm. Vì ngoài cái tí... ấy ra, tôi có thể chắc công việc vào tay chú rồi sẽ mỹ mãn hết.

Tôi cười, nói câu muôn thừa của nhà doanh nghiệp :

– Chúng ta đến đây để kiếm tiền, chứ không phải để kiếm chuyện.

– Đúng đấy. Đúng đấy.

– Nhưng mà dù sao tôi cũng không thể hứa trước đâu. Họ vừa vừa còn chịu được, chứ quá lắm thì người ta có phải là con vật đâu. Ví dụ có ai... nói tệ tôi chẳng hạn.

– À, nếu đã đến cái nước ấy thì chú cứ việc thẳng tay. Roi gân bò quất ngay vào mặt nó. Chúng mình đi như thế này, nhưng cũng là đem cả danh dự của giống nòi đi đấy chứ. Đến cái nước ấy thì chỉ còn một chết. Mà đã chết thì còn cần gì đến lỗ với lãi. Thôi được, mọi việc tùy chú.

Đi được mấy bước, khắc bỗng bột qua, gia huynh lại quay lại :

– Cả gia tài của thầy mẹ đã đem để vào việc này đấy.

- Điều đó thì tôi nhớ.
- Thế thì tôi chắc dạ mà đi lắm.

Từ trước đến nay, tôi không bao giờ lo cả. Nhưng từ khi gia huynh đi thì tôi lo lắm. Không phải tôi lo giặc cướp, tôi chỉ lo không làm đầy đủ cái công việc mà gia huynh đã tin cần giao phó cho.

Làm việc cho mình thì được ăn, lỗ chịu ; làm việc cho người, lãi đã đành, nhỡ có việc gì xảy ra hay hoặc mình trông coi không hết sức, hoặc mình vụng tính để lỗ thì lòng nó áy náy làm sao.

Trước kia có gia huynh ở đây, sáng, sáu giờ tôi mới ra chỗ làm, trưa, tôi về ăn cơm nhà, nhưng từ khi gia huynh đi thì tôi ra trước sáu giờ mà trưa, tôi ở lại ăn cơm cùng với các cai. Tôi không dám nghĩ đến sự nghỉ ngơi. Tôi thúc các cai bù

đầu và luôn luôn tôi hò hét cu-ly. Tôi lại lấy tiền túi của tôi ra thưởng cho những cu-ly nào chăm chỉ để mong họ hy vọng được thưởng mà làm nhanh.

Trong những ngày gia huynh đi vắng, tôi như có vật gì nặng đè lên ngực.

Ước gì trong suốt đời tôi, không bao giờ tôi gặp phải cái bước làm giúp cho ai như thế này nữa. Và đừng có ai nhờ mình một việc gì cả. Đành thế là ích kỷ, nhưng đó cũng là một thứ ích kỷ cần cho yên tĩnh của tâm hồn.

*

Tai ác thay những bất ngờ ! Cứ nhè những ngày gia huynh đi vắng mà đến !

Tôi đang đứng trông cho cai Quý làm

nivellement thì nghe ở phía sau có tiếng cãi cọ. Tôi quay lại thì thấy rõ ràng một thằng cu-ly xạ-phang đánh cai Oánh ngã xuống. Giá tôi không có mặt tại đây thì có lẽ tôi đã dùng cách khác để đối phó. Tôi sẽ nói với Tú lão gia riệt cho nó một trận hay đưa nó lên cho quan Tàu ở Ma-oping bỏ tù. Nhưng có mặt tôi đây, mà tên cu-ly hung hãn kia dám đánh cai người Nam như thế, tất là nó coi thường mình. Nếu mình không trị nó một cách quyết liệt thì sau cu-ly nhờn cả với mình và cả với cai thì công việc còn chạy làm sao được. Thôi thì đành muốn ra sao thì ra. Cái oai quyền trong bọn hàng nghìn con người này là một thứ cần phải giữ mới mong có sự sợ hãi ích cho mau chóng của công việc. Vả cũng là cái lúc tỏ cho chúng biết rằng mình... tử tế thôi, chứ chẳng phải hèn đón gì. Tôi chạy lại thì tên xạ-phang còn đang cầm hòn đá

lớn ném cai Oánh. May quá, hòn đá ấy không trúng, chứ trúng thì có án mạng.

Chẳng hỏi han, tôi thẳng cánh tát tên xạ-phang :

– Sao mày dám đánh cai của tao ?
(lúc này tôi đã bập bẹ nói được tiếng Vân Nam).

Tên xạ-phang giờ tay để đỡ thì tôi liền đá cho một cái vào bụng dưới khiến cho nó ngã ngối ngay xuống. Bọn phu nhao nhao. Tôi tưởng họ công kích, tôi càng hăng máu, tên cu-ly vừa loạn choạng toan đứng dậy, tôi lại đấm cho một cái vào giữa mặt, máu mồm, máu mũi chảy ra đầm đìa :

– Nằm im không mày chết !

Ý hản mắt tôi lúc ấy dữ tợn, mặt tôi lúc ấy hung ác lắm, nên tên kia không

dám cựa cậy. Tôi quay lại các cu-ly :

– Đứa nào đánh cai, lão với cai, hay cai bảo không nghe thì hằng trông nó.

Lúc tôi quay lại nhìn nó thì nó đã bò dậy chấp tay vái tôi lia lịa :

– Thưa ông chủ, không phải lỗi tại con.

Wa Lâm, tứ lão gia và bọn hương trưởng, mọi người đã chạy đến.

– Bất cứ vì lẽ gì, mày đánh cai cũng là một tội nặng đáng đánh chết và đáng đem bỏ tù rồi. Câm cái mồm không được nói !

Tôi hỏi xem nó là phu ở hương nào để bảo hương trưởng trừng trị thì mới biết nó là phu mộ của cai Dũa. Tôi gọi cai Dũa lại, bắt nó quỳ xuống theo lối Vân

Nam, giờ tay cho cai Dũa đánh, rồi tôi mới hỏi đầu đuôi. Thì ra lỗi tại cai Oánh trước. Cai Oánh vì thù, đánh nó nên nó mới đánh giả lại.

Tôi cần phải nói qua về cai Oánh. Gọi cai Oánh cho nó sang trước mặt cu-ly, chứ nó là thằng Oánh. Nó là tên thợ cạo ở Xi-mân vẫn đi lại hầu ông phán N... ở đồn mà những lần gia huynh qua đây có đến quấy quả ông. Thấy gia huynh cần người, nó nói với ông phán xin dùm cho nó đi theo gia huynh để sai vặt. Sau tôi thấy nó nhanh nhẹn và biết nói tiếng xạ-phang, mới cho nó làm cai để giúp cai Dũa. Nó gian dối, ăn tục, nói láo, anh em ai cũng ghét. Nhưng vì nó làm việc được, nên tôi phải ngơ đi những chỗ sở đoản của nó. Dụng nhân như dụng mộc, làm thế nào. Người ta không thể vì một chỗ dác mà bỏ cả cây gỗ.

Tiểu nhân đắc chí, được lên cai, nó vênh mặt ghê lắm. Đã nhiều lần, nó gây chuyện với nhiều người, và cũng đã nhiều lần tôi bảo nó:

– Tao cấm mày không được đánh cu-ly, đứa nào lười hay láo, mách tao, tao sẽ trị. Mày đánh nó, nhờ nó đánh giả mày, mà tao không đánh nó thì còn gì là oai quyền. Cu-ly không sợ cai, còn làm sao chạy việc. Đánh nó nhờ hương trưởng và anh em nó bênh thì có phải rầy rà đến công việc của tao không ?

Chúng nào vẫn tậ ấy.Vì tôi nể ông phán N... nên không đuổi cũng có, tiếc rằng nó được việc cũng có. Nhưng ngày nay, tôi mới rõ dùng những kẻ có tài không có hạnh thì cái lợi mà cái tài của họ đem đến cho mình không bù được lại những rắc rối họ đã gây ra.

Việc đánh nhau xảy ra chỉ vì hôm ấy ngày lương, thằng Oánh đánh bạc thua cả, nên vợ nó ở Xi-mần lên không được đồng tiền nào mới cãi nhau. Tên xạ-phang kia chế nó, ấy thế là nó thù, hạch về sự khiêng đất không đầy, rồi đánh.

Tôi đã toan đuổi tên cu-ly, nhưng thấy nó biết sợ mình và lo nếu nó không được làm, nó sẽ thù giết thằng Oánh nên sau khi cai Dừa xin cho nó và đoạn sau này không có việc gì xảy ra, tôi lại cho làm.

Trận đòn ấy rất có hiệu lực, từ đấy cai bảo, cu-ly nghe răm rắp.

Cái lối “sát nhất nhân, vạn nhân cù” của các tay hùng liệt thật đã mâu nhiệm. Và chiếc máy chém đã làm ơn cho nhân loại nhiều cái mà nhân loại không biết đến.

Suốt đêm hôm ấy, tôi khắc khoải không ngủ vì mưa bão ầm ầm. Tôi chỉ lo nếu mai mưa thì không thể làm được. Mà bây giờ mưa lâu như thế thì đường trơn, có làm, cu-ly chỉ những vấp với ngã, còn chạy việc sao được !

Sáng dậy, tôi nhảy ngay xuống giường ra sân. Giời đen như mực lại lún phún mưa. Xem chiều giời thì còn mưa lâu, biết có cố đi làm chỉ thiệt tiền, tôi bèn cho các cai nghỉ. Đã hơn hai mươi hôm nay, không được nghỉ ngày nào, chúng thích lắm, mà chính tôi cũng thích lắm mặc dầu tôi cứ lo ngay ngáy mưa không làm được thì không kịp kỳ hẹn.

Sự nghỉ ngơi chỉ có giá trị sau khi đã làm việc. Trước kia, tôi ở Hà Nội, ngày nào cũng là ngày chủ nhật, tôi thấy chẳng

thú một tí nào.

Tôi bảo mua đồng bạc thuốc phiện. Thầy trò xúm lại. Thấy có tôi đấy, các cai vẫn e lệ, tôi bảo ngay :

“”Lúc ra chỗ làm thì tôi chỉ nhìn có công việc. Nhưng bây giờ ở nhà, thầy trò đã đem nhau đến đây, cùng chia nguy hiểm thì tôi cho các anh tha hồ.

Gian nhà cô quạnh hôm ấy thật vui như tết mà cai Quý là cái đỉnh của những trò vui.

Mọi người xúm lại để nghe y nói chuyện. Thôi thì chuyện tiểu lâm, chuyện thời sự, chuyện chơi bời, chuyện phiêu lưu, chẳng còn thiếu một chuyện gì.

Phiện rồi, tôi lại mua một chai rượu cho mọi người uống thật say nữa.

Rượu xong, thầy trò xúm vào đánh mà chược. Nhưng rủi cho họ, hôm ấy, tôi lại được tất cả.

*

Cái túp lều hôi hám mà gần hai chục người chắt ở trong đó có nhiều cái oai vệ không ngờ. Cái oai vệ thứ nhất là cạnh cái đê cút trâu nó chạy suốt trước cửa nhà chúng tôi, lúc nào cũng có một người lính Tàu đeo hiệu cờ thanh thiên bạch nhật bông súng đứng gác. Vô phúc cho kẻ lạ nào chưa có lệnh ở trong truyền ra mà đã sổng sộc tiến vào. Liên bị cậu lính dí ngay súng vào ngực.

Đó là ban ngày. Còn ban đêm thì luôn luôn có hai lính đồng súng lấp đạn sẵn đứng gác. Một cái bóng đen nào đi

qua, hỏi không lên tiếng ? Liền bị bắn ngay.

Thật là có cả một trại lính dưới cái túp mái cỏ tồi tàn và dơ bẩn. Chúng tôi không bao giờ sợ bị đánh úp.

Ngoài những cai, trong nhà còn có Tứ lão gia và hai vệ binh của đồn Mao-ping.

Những tên vệ binh ấy đối với chúng tôi kính cẩn một cách đặc biệt. Gọi đến một cái là có tiếng « tảo » (dạ) vang nhà. Nhiều khi chúng tôi ngồi ăn cơm, chúng nó chạy đi chạy lại hầu hạ lắng xăng làm cho gia huynh phải bật cười mà nói đùa :

– Kể như chúng mình sang đây cũng sướng, cơm có lính hầu, cửa có lính gác, hả hơn ở đất nhà biết mấy.

– Nhưng anh phải coi chừng đến cái

lúc những khẩu súng của thằng lính gác có thể quay trở lại ngực mình.

– Hiểu lắm. Những lũ này nếu mà mình có điều gì xích mích với quan Tàu thì chúng nó lại có thể làm cho mình khó chịu hơn ai hết.

Vì ở chỗ đèo heo hút gió, sự vận tải lương thực rất là khó khăn, và gạo thịt rất là đắt đỏ, nên chúng tôi để cho Tứ lão gia ở chung với chúng tôi. Tuy là lấy lòng y và ông quan Tàu, nhưng chính cũng là một cách gián tiếp để bảo vệ cho mình. Có Tứ lão gia ở đấy thì sự canh phòng phải cẩn mật. Một khi nhớ có giặc cướp đến, các hương trưởng phải lại tiếp cứu một cách tận lực, vì ngoài cái túi tiền của chúng tôi, còn có cái tính mệnh của Tứ lão gia phải bảo vệ.

Tứ lão gia, người ít nói, hay cười,

nhưng dưới sự ít nói và hay cười ấy, tôi nhận thấy cả một lòng nham hiểm, và tham lam vô độ.

Ông ta ở với chúng tôi được ăn uống sung sướng, rượu và thuốc phiện phê phỡn, nên thích lắm. Nhưng chúng tôi không được thích lắm là vì ông ta hôi lắm. Ở hơn hai tháng với chúng tôi, chúng tôi không thấy ông ta tắm hay lau mình một lần nào.

Sự ăn ở của ông ta, hay nói cho đúng, sự ăn ở của phần nhiều người xạ-phang đều... giản dị về chỗ y phục. Một bộ áo quần mặc trong mình và phong hồ một bộ quần áo ở ngoài là đủ rồi. Đây là nói người kha khá, chứ hai tên lính Tàu thì không bao giờ tôi thấy chúng nó thay quần áo. Trong mấy tháng giờ, vẫn mặc nguyên một bộ chẳng thay đổi bao giờ.

Người xạ-phang có một sức chịu đựng mưa nắng lạ lùng. Nắng chang chang, cứ đầu trần như thế làm việc. Đổ mưa xuống, cứ để quần áo ướt khô trên lưng. Một ngày dầm lặn như thế mà chẳng ốm đau gì cả.

So cái đời sống của người xạ-phang với dân quê ta, thì sự sinh hoạt của họ còn khó khăn hơn và khổ sở hơn. Cái trí thức của họ cũng thấp kém nữa.

Tuy trong lũy tre xanh, còn đầy hủ tục, nhưng dù sao cũng có một thứ lễ nghĩa mà ở đây không có. Ở đây, họ sống trong vòng mọi rợ như những con thú chẳng có một chút văn hóa lọt vào.

Mạng người ở đây, người ta coi như cái mạng một con gà. Những lính Tàu nói cho tôi biết một khi bắt được trộm cướp, nếu chúng lười không muốn giải

về huyện lỵ thì chúng để cho tên tù đi trước, ở đằng sau chúng bắn rồi về khai với quan rằng vì chạy trốn nên chúng bắn. Không bao giờ quan đến chỗ xảy ra án mạng khám xét. Và cái tử thi ấy cũng chẳng phải khiêng về để khám nghiệm. Tử tế ra thì đào cho một cái hố, không ném xuống khe, cũng là xong.

✱

Người ta nói cho chúng tôi biết nơi trú sở của nhân viên hàng không Âu Á công ty ở cách chỗ chúng tôi chừng một cây số đã có hai lần bọn cướp đến rình, nhưng vì thấy canh phòng cẩn mật nên chúng lại rút đi. Vì thế, chúng tôi đêm đêm thường phải giờ dậy để xem tội lính

gác có ngủ không, và nếu bên ngoài hơi có tiếng chó cắn là ở trong chúng tôi đã sẵn sàng súng ống để chờ.

Hơn một tháng không xảy ra sự gì, chúng tôi đã hơi yên dạ. Thì bỗng tối hôm ấy, những tiếng súng nổi dậy làm cho chúng tôi phải náo động và khắc khoải mất mấy đêm.

Lúc ấy vào khoảng tám giờ. Giờ tối như mực, sát nhau không nhìn thấy mặt người. Đầu núi, gió thổi ào ào đưa cái tiếng trùng than, để khóc đi tứ phía như một điệu nhạc bi ai. Chúng tôi vừa mới sắp sửa đi nằm thì ba bốn phát súng nổ liên ở phía trú sở của nhân viên hàng không công ty. Rồi tiếng súng vọng đi khắp các ngọn núi lại dội lại khiến cho chúng tôi nghe hình như quanh nhà đầu đầu cũng có tiếng súng nổ.

Nghe tiếng súng, người trong nhà loạn lên. Các cai mặt nhợt như gà cắt tiết chạy lảng vảng, nhưng chẳng biết chạy đi đâu, chạy ra rồi lại chạy vào. Các ngài thử tưởng tượng trong một gian nhà hẹp, kê chường vừa bốn cái ghế ngựa mà có hai mươi người náo động lên như thế. Lại những tiếng lấp đạn vào súng nghe lách cách hòa với tiếng súng nổ ở bên ngoài. Rồi thì lại những ám hiệu của bọn lính đông gọi nhau như những tiếng ma hú âm lên ở khắp xóm.

Thật là không ai bảo ai, trăm con mắt đều đổ dồn vào tôi. Rồi thì trăm miệng đều nói một lời:

– Nguy quá, biết làm thế nào hở ông?!

Trước cái cảnh tượng riu rít và sợ sệt của mọi người, tôi cúi tiết. Rồi tôi quát :

– Chúng mày làm gì mà rồi cả lên thế? Cái mạng tao đây đắt hơn cái mạng chúng mày là bao nhiêu mà tao còn chưa sợ chết, nữa là cái thứ mạng chúng mày. Đâu ngồi yên đấy. Đứa nào chạy loạn lên, ông bắn chết trước. Súng ống đặt cò hãm cho cẩn thận không thì giặc chưa bắn chết ai, mà trong nhà đã bắn nhầm phải nhau.

Mọi người ngồi im tăm tắp.

– Việc gì mà sợ. Giặc đến thì đánh. Sợ lúc này mà thoát được à ? Đấy, hay có đứa nào sợ không dám ở trong nhà, có lủi ra ruộng ngô thì lủi ra đi.

Vẫn im tăm tắp.

– Lúc này không phải là lúc có thể sợ được. Mà việc gì phải sợ, mình bao nhiêu súng, hồ để đã ai làm gì được mình. Giặc

có đến cú nằm rạp cả xuống đất kia. Tao cắt cho thằng nào làm việc gì thì làm việc ấy. Tao bảo bắn mới được bắn. Coi chừng không lại bắn nhầm phải nhau. Đứa nào trái lệnh, thì giặc chưa bắn, tao đã bắn chết trước.

Lúc ấy, quả tình tôi không thấy rối loạn một tí nào. Đã trải qua bao nhiêu trường hợp như thế, tôi rõ biết sự sợ hãi chỉ làm hại cho người ta.

Phương chi cái cảnh ngộ chúng tôi lúc ấy chẳng phải là một cảnh ngộ hiểm nghèo gì. Trong nhà có hơn mười tay súng, tường đất thì dày, có một cái cửa thì gỗ tốt. Ở trong giữ thế thủ, dù có một trăm quân giặc ở ngoài, phỏng đã làm gì được chúng tôi. Huống hồ ở những nhà chung quanh còn có chừng bốn năm mươi lính đông, súng đạn đủ cả. Chỉ trừ khi nào đám giặc ấy là tụi lính đông

thì chúng tôi mới cần phải hơi lo ngại. Nhưng điều lo ngại ấy không có, vì Vân Long, con hương đệ tử và hương trưởng thứ nhất lúc ấy đang ở chơi nói chuyện với chúng tôi.

Thấy tôi bình tĩnh, mọi người trong nhà lúc ấy mới lại hồn. Thì ra súng ống nhiều đến đâu cũng không có ích gì, nếu những người cầm súng không có lòng đánh. Một đám quân dù đông đến đâu mà ông tướng nhát hèn thì cái lực chiến đấu của đạo quân ấy cũng không có gì. Trong nhiều trường hợp, một hai người lanh lẹ và gan dạ nhiều khi được việc hơn cả một đạo quân.

Tôi cầm súng lên ra đầu nhà với hai tên vệ binh ngồi nghe động tĩnh chừng mười phút không thấy gì, và cũng không nghe thấy tiếng súng nổ nữa, tôi lại vào. Nhưng trước khi vào, tôi cắt một tên vệ

binh đốc thúc bốn tên lính đồng phục ở hai đầu nhà. Và tôi dặn chúng, nếu có động dụng thì vừa bắn, vừa lui vào trong nhà chúng tôi sẽ mở cửa cho.

Hôm ấy, gia huynh đi Hà Nội. Tiền đã gần hết chỉ còn chừng hơn một nghìn, tôi lén lấy để vào túi. Rồi tôi gọi đem bàn đèn nằm hút với Tú lão gia để chờ động tĩnh. Vừa hút được vài điều thì nhận được ám hiệu của hương trưởng đệ tứ nói cho biết đã cho ba mươi tay súng phục chung quanh con đường hẻm đưa đến chỗ chúng tôi ở. Cái tin ấy làm cho chúng tôi vững dạ lắm. Mình có năm mươi tay súng tốt, lại chiếm được địa lợi, ít nhất phải mấy trăm giặc mới có thể đánh đổ được. Mà đã vị tất, vì đánh nhau bằng súng, thể thủ bao giờ cũng lợi hơn thế công.

Chờ chừng mười lăm phút, không thấy vãn mòng gì, tôi sai hai tên lính đồng tắt qua nường ngô sang dò tin tức ở bên trú sở hàng không công ty. Nửa giờ sau, người ấy về nói cho chúng tôi biết những tiếng súng lúc này là do lính gác ở bên ấy thấy người lố nhố ngoài bụi tre thì bắn ra đấy thôi, chứ không thấy súng của bên giặc bắn trả lại.

Tôi bảo Tú lão gia :

– Vị tất đã là giặc.

Rồi tôi hỏi tên lính đi do thám:

– Thế có ra soi bụi tre không ? Có thấy nhiều vết chân người không? Có thấy vết máu không ?

Y giả nhời rằng bên đó không ai nghĩ đến làm việc ấy cả.

– Tiếc quá, nếu không thì mình có thể biết đích xác có phải có giặc đến hay không.

Tôi thì tôi đồ chừng đó chẳng qua là trộm vặt, bọn lính gác thần hồn nát thần tính bản hóng như thế chứ vị tất đã phải là giặc. Nhưng tên lính đồng nhất định cho là giặc vì có kẻ nói cho y biết buổi chiều đi rừng thấy rất nhiều người tụ họp ở ngọn núi phía nam, bên kia con Tiểu Bạch hà.

Tôi quay lại bảo các người nhà :

– Thôi đi ngủ đi, mai còn làm việc. Tao thức tao canh gác cho. Tao còn sống đây thì chúng mày chưa cần phải lo đến cái chết vội. Có bề nào nó vào thì nó thịt tao trước, rồi mới đến chúng mày sau.

Cai Quý vừa gãi đầu, vừa chum chim cười:

– Lúc nãy nghe tiếng súng, cháu giật mình đánh thót một cái, ruột tưởng đi đâu mất cả. Không có ông hôm nay thì phải biết có người sợ đến phát khóc lên.

Wa Lâm cười khà khà :

– Người ấy chắc là bác cai Quý.

– Ông giáo tính ai mà không phải sợ. Thứ nhất tôi ở Hà Nội từ thừa bé không nghe hơi một tiếng súng bao giờ. Ông chủ ông ấy đã đi rừng thì đừng bình tĩnh được như thế ư. Nhưng chắc từ lần này giở đi thì tôi sẽ không bao giờ giật mình, vì hình như nghe súng nổ cũng đã quen tai.

Cả nhà cười rộ. Người nọ chế người kia dút, người kia chế người nọ dút. Gian nhà ồn ào, vui vẻ hình như ai cũng đã quên cái phút sợ vừa qua.

– Chẳng qua thẳng năm mươi bước cười thẳng một trăm bước đấy thôi. Im đi.

*

Sáng hôm ấy, giờ mưa mau nhiều bạn. Dù tôi luôn luôn đi lại và luôn luôn hò hét khuyến khích phu làm, nhưng vì đường trơn và lội, nên công việc cũng chẳng thấy chạy thêm được tí nào. Tôi bực dọc khôn cùng.

Tôi đang than thở với Wa Lâm thì một tiếng gì như súng trái phá nổ âm âm ở sau lưng chúng tôi. Quay lại thì đất ướt như thế mà cát bụi cũng bốc mù giờ.

– Thôi hỏng rồi, bức tường đá đổ rồi, ông ạ!

Wa Lâm nói xong chạy biến, tôi lẳng lẳng theo sau. Các cai cũng kéo ùa cả đến. Ai cũng suýt soa :

– Xây dầy như thế, móng sâu như thế, sao mà còn đổ được. Thôi lại tốn vài trăm bạc nữa rồi.

– Vài trăm bạc chưa thấy đâu, nhưng các chú kéo đến thế này, cu-ly chúng nó thôi không làm việc, lại thiệt đèo vào đấy mấy chục nữa. Từ giờ chuyện gì mặc kệ, hễ tôi không gọi thì không ai được đến cả. Về chỗ làm đi.

Bức tường đá này lúc mới khởi công, gia huynh cho những cu-ly xây bằng những hòn đá nhỏ được năm ngày đã đổ một lần. Đến khi gia huynh giao công việc cho tôi, tôi đã chọn những thợ chuyên môn đào móng sâu gần hai thước, xếp những tảng đá thật to làm móng và

xẻ bề ngang rộng hơn một thước, ấy thế mà tại làm sao nó cũng đổ.

Thì ra chỗ này trước kia là một vũng nước trâu đầm, tôi tưởng xẻ móng thế là đủ, không đem đóng cọc. Các cai đá trước kia tôi giao cho xây bức tường này bị tôi gọi đến mặt xám như gà cắt tiết.

– Chúng con xây thật cẩn thận, móng làm thật tốt, ông chủ đã có trông thấy.

Tôi giờ tay bảo họ im. Lỗi tại tôi đã không biết đó là một vũng trâu đầm. Tôi cùng bọn họ kéo nhau xuống xem thì chỉ vì.. .lỗm một chỗ nhỏ, một hòn đá mất thăng bằng lôi mấy thước tường xuống. Tôi nhìn kỹ một lượt thì sự thiệt hại cũng chỉ độ trăm bạc, nhưng phải làm thế nào giữ ngay những mảng tường ở hai bên cho khỏi đổ theo. Kẻ bàn thế nọ, người bàn thế kia ồn ào.

Wa Lâm bảo tôi:

– Họ bàn thế không ổn, việc này phải tự ông quyết định chứ không mưa mãi, nước rĩ kéo cả những mảng tường ở hai bên xuống thì tổn bạc nghìn ngay.

Phải, việc gì chẳng ở tôi quyết định. Tôi nhìn thấy cả một cái trách nhiệm nặng nề. Và tôi nghĩ đến khi mới vỡ lòng học nghề thầu khoán, tôi làm phụ cho những ông chủ hề gặp một việc gì hỏng là gắt rối rít títt mù, hết đổ lỗi cho người này là đổ lỗi cho người khác. Chỉ thêm gây thù oán mà chẳng ích gì cho công việc.

– Wa lâm lên bảo tất cả các cai cho phu đem đất đổ xuống hai bên khe để giữ toàn thể lại, còn những chỗ nào mà nó có đổ nữa thì cứ cho nó đổ. Để mai tanh mưa rồi mới nói đến cách làm lại,

chứ bây giờ mưa thế này thì chẳng làm gì được cả.

Tôi đứng dưới gòira mưa coi cho phu đổ, trong hai giờ đất đã bám hết ở chân tường và xem chừng không thể đổ nữa, tôi thở ra một cách sung sướng.

✱

Nhưng tôi sung sướng không lâu. Vừa mới lên đến lầu để nghỉ một lát thì một người phu Nam hốt hơi hốt hải từ trong làng chạy ra bảo tôi :

– Thừa ông thằng Thế nó chết rồi !

Tôi vụt có cái cảm giác như bị ai đâm vào bụng.

Thế là một người Nam theo chúng tôi lên làm phu trên này ốm đã gần một

tuần nay. Tuy tôi biết là nó chết thật rồi, mà không hiểu sao, tôi còn hỏi gặng lại :

– Nó chết thật à?

Thì ra loài người yếu đuối và ngu xuẩn vẫn giữ một hy vọng hão huyền trước sự không thể thay đổi.

– Bẩm ông, nó chết thật. Nó sốt rét, ông cho ký ninh uống cũng không chuyển. Nó chết vì thiếu thuốc phiện hút.

Nó chết vì thiếu cái gì tôi không cần biết, chỉ biết nó là một kẻ cùng đồ đã vì mưu sinh mà phải bỏ mạng ở nơi đèo heo hút gió này.

– Thôi, xuống gọi tất cả anh em người Kinh bảo tôi cho nghỉ về mà chôn cất nó. Đây, tôi cho năm đồng mua cái gì bó cho nó và làm cơm canh cúng. Nhớ đào sâu

chôn chặt, nghe không.

Đời tôi xưa nay ít nhàn rồi để mơ màng. Vả cái tính hiếu động của tôi cũng không chịu được sự mơ mộng. Ấy thế mà không hiểu sao từ khi nhận được cái tin thẳng Thế chết, tôi cảm thấy hồn tôi phiêu phiêu thả đi khắp chòm núi chân mây và trí tôi chẳng hình dung được một cái gì rõ rệt. Tôi ngùi ngùi nghĩ tới những kẻ cơ hàn vì miếng ăn phải lặn lội lên chốn rừng xanh núi đỏ, rồi thì vì ốm đau phải bỏ mình nơi hốc đá, chân sim. Cái kiếp người tự nó đã là một khổ hải. Sinh ra chúng ta, ông giời đã đem “lắp” vào cơ thể, như một lời nguyện, biết bao nhiêu thứ cần dùng chúng làm cho thân ta không thể không đảm chiêu. Ấy là chưa nói đến những dục vọng.

“Thân làm tội đời”, người xưa kể cũng đã xâu xa.

Tôi lên ngựa về sớm mười lăm phút. Qua một nương ngô đã tàn dụi, tôi rẽ xuống. Một đồng đất lù dù, một bọn người đang thì thụp. Mắt ai cũng đỏ ngầu. Họ thương người chết mà có lẽ họ cũng vì thương thân mà khóc. Nếu không may mắn hơn thì tại sao người nằm dưới mả kia không là họ ?

Tôi xuống ngựa, ngả mũ, rồi tôi bảo anh em:

– Khuân một ít đá đắp lên cho nó, chú không mai đây, công việc xong, mọi người kéo về hết chẳng ai trông nom, để cho trâu bò quần nát thì tủi cái vong hồn nó.

Sau khi bọn anh em khuân đá xếp kín sắp sửa về thì một người trong bọn thốt ra một câu :

– Thôi ngủ yên nhé. Thế cũng xong, khỏi bị thuốc phiện nó hành.

Y nói rồi cười khì khì.

Phải, cũng xong. Mà loài người bao giờ cũng tìm thấy một cơ hội để cười và một chút sung sướng bên cạnh những cái chẳng may của người khác.

*

Sườn núi gió thổi vù vù. Nương ngó xao xác những tiếng than của những vong hồn chết bờ, chết bụi. Tôi cảm thấy một cô quạnh, rồi một thê lương xâm chiếm lấy lòng. Tôi uể oải dắt ngựa quay đi.

Trên đầu tôi, trước mặt tôi, vòm mây đẹp như một cái gì thật đẹp. Cả chân trời

rực rỡ những màu sắc. Những đầu núi phủ sương chiều được ánh sáng hoàng hôn chiều nào thật có cái vẻ kim cương và cảm thạch pha trộn.

Dưới khe núi đùn lên những đám mù trắng bông, lững lờ trôi như một ảo tượng.

Cả vũ trụ không biết có một kẻ cố cùng đã chết ở đây, chết trong cái quạnh hiu của những ngày thu ướn tằm.

Những phu giở về lượn quanh sườn núi như dàn kiến tha mồi vui vẻ hát vang. Họ không biết rằng có một người anh em cơ khổ cũng như họ đã chết, chết chỉ vì cái cơ khổ nó bắt phải... cơ khổ hơn.

Ồ, mắt tôi không khóc trong khi lòng tôi có những cảm giác như khóc. Ấy thế rồi khi bước chân lên ngựa, cạnh một cái

xác chết điêu linh, giữa một buổi chiều tà ảm đạm, tôi lại còn đủ trí nhớ để nghĩ đến những bài thơ.

Loài người đã là một giống ghê tởm. Văn sĩ lại là một giống ghê tởm hơn. Cái hồn nghệ sĩ mà họ vẫn ca tụng âm ỹ ấy phải chẳng là một thứ gì mỏng meo như tơ chuối và nó thay đổi như mây chiều. Cái hồn nghệ sĩ ấy phải chẳng là một thứ... đàn bà vừa khóc cái khổ của người khác và vừa vui cái sướng của mình. Họ không bỏ một mảy cái của mình trước những cái mất ghê gớm của người.

Lẽ tất nhiên là nghĩ đến thơ lúc ấy thì tôi phải nghĩ ngay đến bài “mả cũ bên đường” của Tản Đà tiên sinh.

Chơi lâu nhớ quê về thăm nhà

Người xa đường vắng bóng chiều tà

Một dãy lau cao làn gió chạy
 Mấy cây thừa lá sắc vàng pha.
 Ngoài xe trở một nắm đất đỏ,
 Hang hóc đùn lên đám cỏ gà
 Người nằm dưới mả ai ai đó,
 Có phải quê đây hay vùng xa?

.

Suối vàng xa thăm biết là ai,
 Mả cũ không ai kẻ đoái hoài.
 Trải bao ngày tháng trở trở đó,
 Mưa dầu nắng dãi giăng mờ soi !

Tản Đà tiên sinh ngày nay cũng đã
 ra người thiên cổ. Dưới âm ví cũng hợp

chợ như ở trần gian thì thế nào thẳng
Thế cũng nắm lấy tiên sinh mà trách :

– Ngài đã khóc khách văn chương,
ngài đã khóc khách cung đao, ngài đã
khóc khách phong lưu, ngài đã khóc
khách tài danh, tại làm sao ngài lại không
nhắc nhở đến những kẻ cùng đồ cơ khổ
như chúng tôi chỉ vì muốn có bát cơm
mà đến nỗi phải chết bờ chết bụi một
cách thảm thương như thế này ? Hay là
cái khổ rách mang trên một cái thân gày
còm vì đói, vì rét, vì bệnh không phải là
những thứ có thể làm nảy ra thơ? Vì thế
cho nên ngài tiếc những câu tuyệt diệu.

Ví dụ ở dưới âm mà xảy ra câu chuyện
trách móc như thế, thì không biết bậc
đàn anh đáng thờ, đáng kính của chúng
ta sẽ trả lời ra làm sao với thẳng Thế đây.

Nhưng nói làm chi nữa chuyện dưới

âm, ở trên trần, trong khoảng đời bồn tẩu của tôi, tôi nhận thấy những khách văn chương, khách phong lưu và bậc tài danh ít ai bị chết vùi chết dập ở dưới móng đá chân sim. Những cái mả cũ bên đường thuận... chọn những kẻ cơ hàn như thằng Thế !

*

Tôi lên khỏi nường ngô thì gặp Wa Lâm và cai Quý ở chỗ làm về.

– Trèo dốc mệt quá, ông ạ.

Thở hồng hộc, Wa Lâm dừng lại để nghỉ.

Tôi cũng xuống ngựa. Wa Lâm giờ gậy trở khắp chân giò rồi bảo tôi :

– Cảnh thu trên đỉnh núi cao đẹp và

buồn chưa. Đất khách gặp cảnh thu sâu, nào lòng quá !

Trời ơi, lúc ấy tôi mới biết rằng mình đất khách ở giữa mùa thu đấy. Khổ chưa, tôi không phải là cái giống thi sĩ chỉ rình rình chờ mùa thu đến để khóc mây, khóc gió, khóc giảng, khóc lá vàng, khóc một nghìn thứ nữa. Và để buồn.

Tôi nhìn quanh. Ồ ra buồn thật. Có lẽ tôi bị ảnh hưởng bởi những bài thơ.

Cái gì mà cảnh vật như phủ một màu tang. Nhưng tức quá, ngọn gió heo may tôi tìm không thấy, tôi chỉ thấy độc một thứ gió núi thổi cái lạnh thấu xuống qua những lần áo len. Đáng lẽ ra thì tôi cũng tả một vài nét để các bạn biết qua cái thu ở trên núi trong một buổi chiều tà, nhưng sức nhớ đến bài thơ đăng cao của Đỗ Phủ, tôi lại không dám vì đứng

ở đây, bao nhiêu cái gì nên tả, bao nhiêu cảm tưởng nên nói, người xưa đã nói hết cả rồi. Thôi, âu bằng tôi chép luôn bài thơ ấy ra đây để chúng ta cùng hưởng với nhau.

Phong cấp, thiên cao, viên khiếu ai,

Trừ thanh, sa bạch niếu phi hồi,

Vô biên lạc điệp tiêu tiêu hạ,

Bất tận tràng giang cổn cổn lai.

Vạn lý bi thu thương tác khách,

Bách niên đa bệnh độc đăng đài,

Gian lao, khổ hận phạm sương bán,

Lao đảo tân đình chọc tửu bôi.

Hôm ấy thật chỉ thiếu một nậm rượu và một ít mực nướng mà tôi không thể tưởng hân mình là Đỗ Phủ.

Bao nhiêu cảnh trội nhất ở đây đều đã tả trong bài thơ. Những tiếng vượn, những hình chim, lại lá rụng, lại con Tiểu bạch hà lượn trước mặt.

Cho đến cái chỗ tự hào, thì bá cũng lại có nốt:

Vạn lý bi thu thường tác khách.

Cuộc đời bình bồng của tôi đã bao phen gặp mùa thu buồn ở quê người. Và tóc tôi tuy chưa đến nỗi nhuộm bạc, nhưng đầu tôi thật gọi cũng đã lắm phong sương.

Đắc chí, tôi ngâm vang. Chớ thay là cái thằng người. Tôi đã quên phăng cả cái chết thê thảm của thằng Thế. Tôi quên vì tôi bị đã thơ đưa đi.

Nhưng may, cai Quý vô tình đã nhắc cho tôi nhớ:

– Cậu cả Thế nằm kia bây giờ muốn ngâm cũng không ngâm được nữa !

✱

Gia huynh ở Hà Nội lên gặp tôi vội vàng nói:

– Ở nhà yên ổn cả. Tôi đã xuống thăm thím và các cháu, đều mạnh khỏe cả. Thời cục yên rồi.

Tôi rất ơn gia huynh về chỗ không hỏi ngay tôi về công việc. Gia huynh giải ngay cái điều thắc mắc của lòng tôi. Hai mươi hôm trước đây, vì thời cuộc gợn sóng chiến tranh, Hà Nội nhốn nháo, [Kiểm duyệt xóa.] trong lúc tôi không có nhà. Dù tôi biết người bạn trăm năm bao nhiêu lâu chung sống với tôi cuộc đời nguy hiểm đã tỏ ra có can đảm trong

nhiều trường hợp khẩn khe, nhưng trước bất ngờ của tai ách, lòng kẻ làm cha, làm chồng không khỏi thất lại.

– Hôm nọ chạy loạn, cả Hà Nội như ở trên chảo dầu, thím ấy vẫn bình tĩnh, không chịu chạy đi đâu cả. Thôi, chú có đi ít ngày nữa rồi thì ta về...

– Cố thì ngày nào tôi chẳng cố.

– Tôi ở Hà Nội chỉ lo chú ốm, chú không ốm đấy chứ ?

Tôi cười:

– Nhờ giờ không việc gì. Chỉ có Wa Lâm đau mắt dữ quá. Thành ra quanh đi quẩn lại có một mình tôi. Cũng mệt lắm, nhưng...

– Nhưng trong cái trường hợp không thể mệt được thì cũng đành vậy, có phải không? Đây thư nhà đây.

Tôi giở ra : cả một bọc lớn. Thư của bạn bè, thư của độc giả lẫn với cái tin nhà và tấm ảnh của đứa con gái út.

Những tin nhà ? Thì tôi nhận được đã nhiều, bởi tôi thời thường có mấy khi ở nhà. Nay Bangkok, mai Pnompenh, ngày kia Saigon, những bức thư nhà đến với tôi như những người bạn đã quen. Tôi ít khi hồi hộp. Nhưng lần này có một đoạn nó làm cho tôi phải tần ngần xem đi xem lại đến ba lượt. Tôi xem đi xem lại không phải là để nhìn những chữ ở đấy mà để hình dung lại cái cảnh tượng của gia đình tôi khi đọc mẫu thời sự ấy.

“Hôm nọ, xem nhật trình thấy nói tàu bay Nhật ném bom ở Thất Khê, em và các con hoảng sợ, tưởng họ ném bom ở chỗ anh làm.

Con Lân vội vàng giở địa đồ ra xem thì không phải. Chúng nó mừng reo lên mà em thì....

Các ngài thử tưởng tượng kẻ xa nhà khi nhận được cái tin như thế. Lòng người dù là lòng khách giang hồ thì cũng vẫn có những chỗ để cho cái tình thê tử làm rung động.

Tôi tưởng tượng giá tàu bay Nhật bay qua đây, trông xuống thấy người làm như kiến cỏ. Rồi thì một quả bom vô tình.... Nhưng thôi, đừng tưởng tượng nữa, bởi tưởng tượng đưa người ta đi xa.

Những thư của bạn thì là sợi dây nối liền cái đời sống của tôi bây giờ với cái đời sống trước hai tháng đây. Nó đem đến cho tôi một cảm giác mát mẻ. Còn những thơ của độc giả thì đem đến cho tôi một khuyến khích, một cố gắng để

không phụ những người đã tin tưởng ở như mình. Nó lại làm cho tôi tiếc, tiếc vì công việc giảng buộc không cho tôi ngồi yên mà viết quyển tiểu thuyết “Cái dọt dầu”.

✱

Mối lo của chúng tôi khi bước chân lên đây là lương ăn. Vì đường núi cheo leo và hiểm trở, lại ở vào một chỗ xa làng mạc, chúng tôi sợ rằng sẽ thiếu gạo ăn, vừa cho phu và cho chúng tôi. Phải tải từ Xi-măn hay Pakha lên thì ôi thôi, bao nhiêu tiền công cước.

Gặp ông quan Tàu, chúng tôi vừa bàn với ông sai người đi các thôn cổ động để cho những kẻ có hàng hóa đến đây họp chợ thì ông liền nói cho biết theo cái kế hoạch trường kỳ đề kháng của Tưởng Giới Thạch, chính phủ Trung ương đã ra

lệnh : thóc gạo và sản vật của xứ nào cứ ở yên tại xứ đó, cấm không được tải đi đâu. Chúng tôi nhìn nhau tái mặt. Không có ngô gạo sẵn, làm sao cho cu-ly có cái ăn mà ở làm cho mình.

Gia huynh vội vàng sang bên trú sở của nhân viên hãng Eurasia nhờ đánh điện về Vân Nam trần tình thì ngay hôm sau được tin giả nhời nói cho biết là tỉnh trưởng Long Vân đã sức cho phủ Dẫu-mà-Tỷ và các huyện Tống Lồng, Sin-Cái để tự do cho nhân dân tải sản vật về buôn bán tại chỗ chúng tôi làm.

Trong có mấy ngày chợ lập thành ở trên một chòm núi, gần chỗ tàu bay đỗ. Chúng tôi liền mệnh danh cho nó là chợ Tàu bay. Gà vịt, rau, thịt, ngô, gạo... người tứ phương muốn thu lợi đem đến đủ cho gần một nghìn cu-ly dùng.

Dân vùng này thật đã tìm được một cái rất may trong một cái rất rủi của người khác. Vì chiếc tàu bay đổ, chúng tôi đến, cu-ly hợp đồng, một con gà từ hai hào lên đến đồng bạc, một quả bí một xu lên tới một hào. Bất cứ cái gì cũng lên giá gấp năm, gấp mười.

Các tay chơi cũng thu được mỗi lợi. Quân sư Lùn tụ tập ngay một bọn đảng tử mở sòng bạc. Thôi thì thò lò, súc sắc, sóc đĩa đủ cả.

Nực cười nhất là sòng bạc mở ngay sau khi quan Tàu hiểu dụ nếu có ai đánh bạc thì sẽ bị ở tù. Sự đánh bạc có lẽ ông ta cũng biết, nhưng... người thế lực cần phải nuôi thủ hạ, nên cấm thì cứ cấm mà đánh thì cứ đánh. Việc đời hồ thế cả!

Nghĩ đến chỗ cu-ly làm ăn vất vả mà vì có sòng bạc nhiều người thua hết, gia

huynh muốn cấm tiệt, nhưng suy đi xét lại, nếu cấm thì lại ít người đi lại, ít người đến làm, nên lại phải thôi. Loài người thích những cái vui nó giết, biết làm thế nào !

✱

Buổi trưa, sau khi tắm, chợ vui vẻ lắm. Thôi thì hàng thịt lợn, thịt bò, hàng quà, hàng bánh, hàng tạp hóa đủ cả. Các cô gái của không biết bao nhiêu thứ giống kéo đến như hội. Đẹp nhất trong bọn gái ấy là gái nùng và gái la chí. Nhiều cô nước da trông đỏ hồng hồng, ăn đút các cô tân thời phấn sáp thướt tha ở bờ Hồ. Nhưng có một điều mà tôi bao giờ cũng phải nghĩ đến một cách ghê sợ là cái làn da hồng hồng có lẽ hàng mười năm chưa được đụng... qua một chút

nước. Gái cũng như giai, sự tắm rửa ở đây là một điều mà người ta rất... kỵ. Có một lần tôi đi qua chợ. Cái nhìn của tôi đập ngay phải một cái xiêm vải chàm viền đỏ phơi ở bên đường. Chao ơi, rận ở đâu lên phơi nắng mà lắm thế, cơ hồ mùi nâu của những con rận phủ gần kín mùi xanh đỏ của chiếc xiêm. Thật là rận có thể bốc được. Cái cơ thể một thiếu nữ dù mỹ miều đến đâu cứ tưởng tượng có ngần ấy con rận ngày đêm nó... hoành hành cũng đủ làm cho ta một húng. Thì ra những thức ăn thường ngày của các cô một nửa để nuôi thân và một nửa để nuôi rận.

Thằng Ma-lờ nói cả quyết với tôi rằng rận không hút máu, nó chỉ nường hơi thôi. Câu nói dớ dẩn của nó làm cho tôi bật ra một câu hỏi dớ dẩn :

– Nếu nó chỉ nường hơi không thôi thì nó lấy gì mà sống?

Nó chịu không giăng nghĩa cho tôi được. Mà tôi thì cũng chịu không hiểu sao người ta lại có thể nuôi được ở trong mình nhiều rận đến thế.

Thứ mà lên đến chợ tôi phải để ý ngay đến là những bát ớt. Và những cái vạc thịt luộc. Tôi đã đứng nhìn một tên cu-ly ăn. Có bốn bát ngô mà nó ăn hết một bát ớt đầy. Thì ra ở đây người ta ăn ớt cũng như ở Bắc cực người ta uống dầu và mỡ để cho có chất nóng ở trong người.

Quên chưa nói để các ngài biết ở miền núi này ít đất bằng để giống lúa cho nên dân cư thường ăn ngô. Ngô đây, họ không ăn như cái lõi ở vùng quê mình. Họ đem xay nhỏ ra rồi để vào chỗ hấp. Vì thứ cơm ngô ít nhựa phải có nước

mới nuốt trôi được, nên ở đây mới sản ra một món ăn nhiều nước lắm: sáng cố.

Tại chợ, hàng sáng cố la liệt. Ở đâu cũng những cái vạc đầy nước bốc khói trong đó là những miếng thịt luộc. Một bọn cu-ly vác một giỏ cơm ngô đến, cầm cái que khuấy vào vạc thịt, chọn lấy một miếng. Nhà hàng đem cân, rồi thái. Rồi thì nước suýt và ớt, tha hồ ngài dùng. Thiếu thì đã có nước sôi ở dưới kia và rổ ớt tướng để đấy.

✱

Hôm nay là rằm tháng tám. Từ buổi chiều, giăng bằng cái nia đã hiện ra ở đỉnh núi trong lúc mặt trời đỏ rực mới ghé ngả về tây. Đúng như lời một thi sĩ Pháp tả cảnh buổi chiều tà ở mặt bể:

hình như có một người khổng lồ trong khi một tay vít mặt giời xuống thì lại một tay đùn mặt giăng lên.

Đêm giăng ở miền núi đẹp. Cả cảnh vật như được gói trong một bầu sữa loãng. Ngồi ở sườn núi nhìn ra thì ở trước mắt cả một thế giới thần tiên mộng ảo. Trận gió nhẹ làm thì thầm những cây cỏ rồi đưa lên một mùi hương của các thứ hoa rừng nó làm mát rợi tâm hồn. Trong cái rì rầm của muôn cuộc sống tới tấp ở mặt đất, ở hốc đá, ở ngọn cây, ở nương đồi, trội nhất là tiếng thác nước đổ và tiếng chảy bất tuyệt của con Tiểu bạch Hà.

Tôi muốn trèo lên đỉnh núi chơi, nhưng phiền quá, ở đây, ban đêm, một phút đi ra khỏi nhà là một cuộc động binh. Phải có lính đi trước, lính đi sau, mà mình thì tay lúc nào cũng phải lăm lăm cầm một khẩu súng lục. Bất cứ ở xó

nào, cũng có thể có những thằng giặc rình giết mình để... ăn cướp súng, và nếu có cả tiền bạc quần áo thì càng hay.

Ngày hôm ấy lại không mưa. Giời khô. Mặt giếng tỏ vằng vặc. Mây trắng như những giải là thướt tha trôi theo chiều gió.

Thỏa thay, nếu ta có thể níu lấy những giải là kia mà đánh đu lên cung Quảng.

Gia huynh đã đem từ Hà Nội lên đây đủ các thứ bánh dẻo, bánh nướng. Thôi thì cái cảnh bị giam trên đỉnh núi này, còn có cái thú gì chơi giếng nữa nếu không là cái thú... tạo ra một ông giếng ở trong nhà. Ấy thế là vài đồng bạc thuốc phiện, một cái bàn đèn bày ra, rồi thầy trò xúm lại vừa ăn bánh, vừa uống nước chè tàu, vừa mơ màng cái thú đi mây về gió. Và nói chuyện gẫu.

Từ khi tôi lên đây, không lúc nào tôi nhớ bọn anh em văn sĩ và thi sĩ bằng lúc này. Tôi nhớ hơn là nhớ những đứa con tôi bây giờ đây đang rước đèn, múa sư tử và băng khuâng hỏi mẹ :

– Thầy đi đâu không ở nhà để treo giải thưởng?

Nếu có vài anh em làng văn thì có phải những đêm tha hương như đêm nay đã có bao nhiêu câu truyện nên thơ nó danh dấu bước đường lữ thứ. Đời thiếu nhà văn, chẳng còn một cái gì là có nghĩa.

Anh Lan Khai, anh Phạm Ngọc Khuê, anh Trương Tửu, anh Nguyễn Đình Lạp tối nay ở đâu, và hiện bây giờ đang làm gì? Chắc các anh ấy không ngờ rằng tại một nơi đèo heo hút gió, cách tỉnh Vân Nam hàng mười lăm ngày ngựa, có một

tâm hồn đang nhớ đến các anh ấy một cách thiết tha.

Tôi cho trong sự giao du, chỉ có cái tình bằng hữu của các nghệ sĩ là đẹp đẽ, bởi nó đã vượt được từ vị kỷ lên đến khoảng đất tinh thần. Nhà văn cần phải gặp nhau, cần phải gần nhau, xoắn xuýt hơn trai gái, chẳng phải tại làm sao cả, mà chỉ tại những cảm giác, những điều thắc mắc thấy cần phải trao đổi cho nhau. Mà không thể trao đổi cho một hạng người khác, bởi vì không một hạng người khác nào có thể hiểu mình.

✱

Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu,

Dĩ ngã đồng tiêu vạn cổ sầu.

Không có bạn tri kỷ để cùng nhau uống rượu, tôi nằm xuống kéo mấy điều, rồi tôi thả hồn bay về những kỷ niệm cũ.

Tôi nhớ lại những đêm ở trong rừng sâu, tôi nhìn giăng với bọn buôn lậu, những cái tết ở Điện Biên với bọn gái Cô Là, ở Chợ Lớn với bọn phì-pha-cháy, ở sông Hương với các cô ca nữ.

Ngần ấy kỷ niệm diễn trước mắt tôi như những bóng của chiếc đèn kéo quân. Nhưng không có kỷ niệm nào ấm áp cho lòng tôi bằng cái đêm hôm rằm tháng tám vài năm trước đây, tôi cùng với vài bạn làng văn, và một người đào nương yêu mến ghép hai chiếc thuyền lại, đặt một chiếu rượu rồi thả lênh đèn trên dòng sông Nhị.

Hôm ấy chúng tôi nhìn giăng, nhìn nước, chúng tôi đàn, chúng tôi hát, chúng

tôi ngâm thơ, chúng tôi uống rượu, chúng tôi bàn chuyện đời.

Các giác quan của tôi cái đêm hôm ấy như một dây huyền thật căng, khẽ đụng vào là tiếng ngân văng vẳng. Tôi say rượu, tôi say giăng, tôi say nước, tôi say bạn, tôi say đàn, tôi say hát, Tôi say cả tình yêu.

Cái đêm dốc cả bầu giờ ấy, tôi tưởng chừng như không bao giờ tôi già. Và thời gian đối với những cái vui hân hỷ của kiếp người tưởng cũng phải kính nể mà ngừng lại. Ai ngờ, một cái cựa mình của trái đất, bao nhiêu đầm ăm đã theo một dùm tháng năm mà tan vỡ như bọt xà phòng, rồi gieo vào lòng tôi một vô cùng nhớ tiếc, vào hồn tôi một băng khuâng trước cái đảo lộn của cuộc đời.

Thu nhâm tuất...

Ông Tô Công cùng mấy người quen,
Lênh đênh thả một con thuyền,
Qua chơi Xích Bích thuận miền xuôi
sông

Gió hây hây mặt giòng chẳng gợn
Dang tay tiên chuốc chén tương phùng
Đọc bài minh nguyệt thu phong
Hát câu yếu điệu giải lòng nước non
Giăng phút chốc đầu non sáng thấu
Lững lờ chừng sao Đẩu, sao Ngưu.

.

Ông Tô đông Pha có cái tài thơ, đã
dùng những vần bất tuyệt để đánh dấu
và giữ mãi những phút sướng thỏa của
đời mình, chứ tôi thì tôi biết lấy cái gì để

giữ mãi chúng lại. Tôi, tôi chỉ còn một cái trí nhớ mong manh mà tháng năm cứ làm cho mong manh mãi. Rồi thì đến cái lúc số tuổi nặng chất mãi lên lưng, cái trí nhớ đã mong manh cũng đứt nốt, cả những phút đẹp để tôi đã sống chỉ còn là cái hình ảnh ghê sợ của cuộc đời lẻo đẻo theo sau như một bà mẹ già đuổi theo van vỉ đứa con hư hỏng. Đứa con hư hỏng nghĩ đến tội lỗi rải rác đầy đường sợ hãi không dám quay đầu về.

Hồn tôi đang thả lỏng bông theo những cái hình, những cái bóng thì gia huynh vỗ mạnh vào đùi :

– Dậy uống xâm-banh chú.

Tôi choàng dậy vớ lấy cốc rượu. Gia huynh cùng tôi chạm cốc. Gia huynh uống cạn một hơi, rồi chớp môi:

– Kể cái tết tháng tám của chúng mình năm nay ở cái xó làng mèo thế này cũng là oách lắm đấy chứ. Xâm-banh, thuốc phiện, bánh nướng, chè sen, đủ cả.

Tôi lặng im. Cai Quý thấy tôi thần thờ liền nói:

– Có lẽ ông nhớ các cậu lúc này đánh lũng tung choeng ở nhà.

Thằng người đã là khó hiểu; thằng người ấy lại là một nhà văn thì cai Quý dò làm sao được tâm sự.

✱

Bàn về sự thịnh suy những dân tộc, tôi thường đã viết: “có lòng thì rồi sẽ có tất cả ; mà đã không có lòng thì có tất cả rồi cũng sẽ mất hết”.

Cái cảnh tượng đau đớn của nước Tàu ngày nay là do một trăm nguyên nhân sinh ra, nhưng cái nguyên nhân chính có lẽ là vì nhân tâm suy đồi...

[Kiểm duyệt xóa 6 dòng]

Trung quốc bất sấu vong ư Nhật Bản, sấu vong ư Hán gian. Câu than của Tưởng Giới Thạch tỏ cho ta thấy một cách xấu xa rằng.... cái tình đồng bào của người Trung Hoa đối với nhau không được đầm thắm...

[Kiểm duyệt xóa 4 dòng]

Người có học mà không có lương tâm nguy biết mấy. Thảo nào một nhà độc tài ở bên Âu đã phải hét lên :

– Nước ta không cần đến những kẻ thông minh học thức mà chỉ cần đến những người dân mạnh khỏe có một linh hồn trong sáng.

Ừ, những chuyện nói trong các báo, ta còn cho là mơ hồ, chứ tôi, tôi được mục kích một việc nó diễn ra dưới thanh thiên bạch nhật trước mặt hàng nghìn con người.

Tôi đang lúi húi đứng xem cho phu đục lỗ cốt mìn thì thấy hai tên lính coi tàu bay trời dạt cánh khuỷu một người giải đi qua. Tôi cũng chẳng để ý vì những sự bất bớ như thế xảy ra ở đây như cơm bữa. Tôi cho rằng vì tên kia nghịch ngợm tàu bay cho nên bị lính bắt giải về cho nhân viên công ty trị tội.

Hai giờ sau, tôi thấy một ông già khóc mếu đến vái tôi lia lịa:

– Ông chủ không cứu thì con tôi chết mất.

Tôi hỏi đầu đuôi thì ông già giả nhời:

– Tôi cũng không biết duyên cớ vì đâu mà con tôi bị bắt. Tôi nghe chúng bạn nó bảo nó đang cuốc đất thì bị hai tên lính đến đập ngã dúi xuống rồi trói lòi đi.

– À thể ra một tên phu của tôi. Chắc nó lại đến gần tàu bay chứ gì. Đã có lệnh cấm cơ mà.

– Không, nó làm ở dưới này xa lắm.

Tôi lại ngay chỗ xảy ra câu chuyện bắt bớ thì cai Séo Sán nói cho tôi biết rõ đầu đuôi.

Đầu đuôi. Giời ơi! Có gì đâu. Nguyên trong bọn nhân viên công ty có một người bao một... con điểm từ Vân Nam

đem lên đây. Ngày hôm ấy, cậu mợ hứng chí đem nhau ra xem bãi tàu bay, rồi vì đường trơn, mợ nhẩy nhót thế nào ngã đồng kênh để lộ những thứ mà người ta cố giấu, rồi thì tên phu của tôi... không thể không cười. Ấy thế là nó bị kết vào tội mạn thượng. Người ta dọa bỏ tù, to chuyện lắm.

Tôi chưa biết tính làm sao mà giải cứu cho nó, vì nói với những người như thế, tôi không thể nói thì đã thấy nó ủ rũ từ phía xóm Mèo đi ra. Nước mắt dàn dụa, mặt nó đỏ gay, môi nó sưng vều. Người ta đã bắt nó nằm rạp xuống đất đánh năm mươi roi và bắt nó lạy đủ bốn lạy tạ tội hân hoi.

Một người có học thức lại đã từng đi du học nước ngoài mà làm được những việc như thế thì các ngài thử tưởng tượng việc gì mà họ không làm được.

Gia huynh được tin ấy nổi lòng công phần, quên phăng cả địa vị thâu khoán cần phải luồn lót những nhân viên công ty của mình :

– Đồ khốn nạn, chiều nay chú cứ cho cu-ly nghỉ, để rồi tôi đánh điện về Vân Nam bảo tại bọn họ hành hạ cu-ly như thế nên họ sợ nghỉ việc cả. Phải cho chúng nó một bài học.

Một khi sự khôn ngoan và mối lo xa... chỗ mồm vào thì không bao giờ có một cử chỉ đẹp để có thể thò đầu ra.

– Ủ, anh cứ đánh điện sang Vân Nam đi, tôi cũng cần phải đánh một cái dây thép về nhà báo cho thầy mẹ biết liệu mà thu xếp tìm chỗ ở đi, chứ cái trại của nhà

ta đem ra đảm bảo sắp phải bán rồi, vì anh đã đổi việc kiếm tiền sang việc kiếm chuyện.

Gia huynh cười :

– À, không có chú can, không khéo tôi làm thực đấy. Làm ra thì họ đã làm gì mình.

– Nhưng làm ra thì có ích gì. Những bài học của lịch sử thê thảm đến thế nào còn không cảnh tỉnh được họ, phương chi... Đối với những hạng người sâu quảng từ xương tủy mà sâu đi thì chỉ còn một cách... theo lối ông bang Pinh Nam, allez feu! Thôi mặc họ, ta giả điếc giả mù bao nhiêu lần còn được, hưởng hồ một lần này.

Cai Quý chỉ được độc có cái nết chăm chỉ và giỏi khôi hài, chứ công việc thì kém quá.

Hay công việc làm terrassement y không thông thạo mà y chỉ giỏi về công việc làm nhà cửa thì tôi không biết. Xem như cái lối y làm nivellement và alignement, tôi phải phát tức. Cái gì tôi cũng phải mó tay làm lấy nhất là từ khi đường vạt đã xong, phải làm cho một nửa hơi dốc còn một nửa bằng để cho tàu bay dễ dàng lấy đà mà bay lên.

Lại đến cái cung cách y đốt cốt mìn thì càng chán ngắt. Phát mìn đầu tiên không nổ. Y vừa xòe diêm, là y chạy biến ngay. Thì ra y vội vàng quá mà lửa chưa kịp bắt vào ngòi. Tôi phải thân hành xuống.

– Bác cứ châm cẩn thận, thấy lửa

xì rõ ràng rồi hăng chạy, ngòi hơn một thước, lâu mới nổ. chết làm sao được. Tôi không sợ làm sao bác sợ hoảng lên như thế.

Nói cho đúng ra thì tôi cũng cần phải sợ lắm, nhưng trông thấy cái cảnh tượng cai Quý lần trước chạy thực mạng nó khó coi quá, nên tôi không thể bắt chước y. Hàng nghìn con mắt nhìn vào, mình hót hơ hót hải như thế thì còn gì là đẹp đẽ nữa. Mà như thế, bọn xạ-phang hung hãn sẽ khinh mình là nhút nhát mà không sợ mình, công việc sẽ hỏng bét. Thành ra lần này, khi thấy lửa bắt vào ngòi phun ra như pháo hoa cà, hoa cải, cai Quý cầm đầu chạy một mạch, tôi chỉ rảo cẳng đi mà thôi. Tôi tính chắc khi lửa bắt đến kịp thì với cái đà bước ấy, tôi cũng đã đi xa quá trăm thước. Vô sự. Nhưng thú thực với các bạn, chân tôi cũng hơi run chỉ sợ

khoa học đã tính sai hay lầm lẫn cái gì trong hơn một thước ngòi ấy chẳng.

Vẫn biết cái việc mình làm đó là rất dại, nhưng tôi không thể khôn cái khôn như cai Quý, vì tính tôi không thích cũng có, vì công việc bó buộc mình cũng có. Nỗi khổ tâm của tôi họa chẳng chỉ những người đã cầm đầu những công việc lớn lao và nguy hiểm mới có thể hiểu cho.

Chính ra thì lòng mình không sợ, không sợ đến cái chết, nhưng xác thịt nó yếu lắm, thành ra nó có lắm phản động kỳ quái. Thành ra nhiều khi gặp việc nguy hiểm, mình phải cố gắng tập trung bao nhiêu nghị lực mới đè nổi được nó xuống. Khi cái phút cố gắng ấy đã qua, hồn mình bỗng thấy mệt nhoài tưởng chừng như mình đã dùng đến bao nhiêu năm sức lực.

Henri IV khi nghe tiếng súng đêm Saint Barthélemy run bắn hấn người. Thấy xác thịt phản động trái với lòng can đảm của mình, nhà vua nghiêng răng mắng cái xác thịt đốn mạt :

– Cái bộ xương khốn nạn! Mày cứ run đi, rồi mày còn được run hơn thế này nữa !

Không biết tôi còn được nghe câu truyện sau này ở đâu : một tội nhân gan liền với ruột có cái can đảm lấy kìm dật những móng tay mình đi, ấy thế mà khi bị tra tấn nhiều quá, sợ xác thịt mình không chịu nổi đau đớn mà cung xưng, phải ngậm thuốc lào vào mồm cho nó say đi.

Cái nó làm phản chúng ta là xác thịt ta, chứ lòng người đúc theo hình ảnh của Thượng đế, cảm thống thấy cái đẹp, cái

cao, có kém gì nhau mấy đâu.

✱

Cái ngày nào hồi hộp cho một người thầu khoán nhất ? Có phải là cái ngày mà những người giả tiền mình đến nhận cái công trình mình đã thầu làm không ?

Cái ngày ấy đã đến cho chúng tôi. Vân Nam phái một tổng công trình sư và một phi công theo đường Sảy-thùng-chủi sang. Tuy công việc chưa xong hẳn, nhưng họ đến trước như thế là để xem có chỗ nào sai suyển thì bảo cho chúng tôi làm lại cho tàu bay có thể cất cánh lên được an toàn. Lý đương ra thì việc này chỉ dính dáng đến tổng công rình sự, nhưng vì một lẽ thiết yếu là nếu phi công chịu bay thì đường thế nào cũng là được,

bởi thế chúng tôi cứ đào óc mà phỏng đoán xem phi công can đảm hay không can đảm, khó tính hay dễ tính.

Mười hôm trước đây, chúng tôi dự tính cũng sắp xong, nên nói với nhân viên công ty đánh điện mời phi công sang. Nhưng vì mưa nhiều quá, đất núi đổ xuống ầm ầm, nên khi họ kéo sang thì chưa xong hẳn, còn phải sửa sang lại độ mười lăm hôm nữa.

Vì thường ngày đã bị người ta hoành hợ, (sau khi gia huynh đâm mồm bằng một nghìn rưỡi bạc, họ đã về cánh với chúng tôi rồi) chúng tôi rất lo bị gãy ngà.

Đến khi gặp Tổng công trình sư và phi công, chúng tôi trần tình vì mưa nhiều, chúng tôi không thể làm xong trong 47 ngày, và chúng tôi rất buồn vì

sự chậm trễ để cho phi công phải chờ mười ngày nữa thì cả phi công và tổng công trình sư đều nói ngay :

– Không sao, không sao, các ông cứ cố làm đi. Tàu bay còn phải ở đây chừng hơn mười ngày nữa, vì một bộ máy còn hỏng.

Dễ dàng chưa, chẳng bù với trước kia, khó khăn biết mấy.

Hai người ấy là hai người Âu, một người tên là Schneider và phi công thì tên là Latil.

Hai cái nết trội nhất của họ là một sự tử tế không bờ bến và một sự làm việc chuyên cần không thể nói.

Chính ra nếu họ là người tâm địa nhỏ nhen thì họ có thể hạch sách chúng tôi nhiều lắm. Đằng này không. Chẳng

những họ không hạch sách chúng tôi, họ lại còn làm việc giúp chúng tôi nữa. Những lúc rồi, họ cuốc, họ đầm, họ vác đá giúp chúng tôi như một tên cu-ly; và có cái gì khó, họ còn bày mưu kế để làm sao có lợi cho chúng tôi nữa.

Một tổng công trình sư trông coi cả những công việc kiến thiết cho một công ty như công ty Eurasia và một phi công bay đường trường có phải là những chức nhỏ, ấy thế mà họ rất sênh soàng, chả bù với nhiều người mình, tài kém hơn, địa vị thấp hơn đã nghênh ngang lên mặt. Tôi nhận và bao giờ tôi cũng tin rằng văn minh Á đông hơn văn minh phương Tây ở nhiều cái lắm, mặc dầu có kém về khoa học, nhưng tôi phải buồn rầu mà nhận một điều nhân cách làm người của mình bây giờ kém họ nhiều quá. Tôi đã hiểu cái lẽ vì đâu nước họ hùng cường.

Chỉ trong ba ngày, tôi với họ đã thân mật. Họ làm đủ thứ giúp tôi chẳng nề hà một cái gì. Một thành tường đất vì mưa nhiều đổ, tất cả cu-ly không ai dám xuống lấy đá đắp để giữ lại, chỉ có tôi và họ xuống. Họ vừa đắp, vừa cười bảo tôi:

– Người Tàu họ sợ chết quá, sợ chết một cách vô lý cho nên họ phải chết một cách có lý. Ông có sợ chết không ?

Nhà đổ không dám khoe hay, tôi mỉm cười lặng im.

Làm mệt, chúng tôi ngồi nghỉ nói chuyện. Ông Latil trở bọn phu rồi bảo tôi :

– Họ lười lắm, cho nên không đánh cũng không được. Ở nước tôi, người làm công mà có cai coi thúc giục như thế thì không chịu làm ngay. Người làm công ở xứ tôi họ có nhiều lương tâm nghề nghiệp. Lấy đồng tiền của người ta thì danh dự buộc họ không được lười. Cai chẳng qua chỉ là để trông coi công việc xem họ làm có đúng hay không đúng, chứ không phải để giám sát sự lười biếng.

– Ở đây thì không thể thế.

Ông Latil chép miệng :

– Ở đây mà như thế thì các ông hết nghiệp.

Một điều càng làm cho ông Latil công phần dùm chúng tôi là khi làm công nhật thì cu-ly làm rời rạc, xúc đồ đất rất vội, ai cũng chọn lấy cái giỏ bé. Mà đến khi

tôi cho họ bao thầu một đoạn nhỏ thì họ làm vắn vật suốt ngày, chọn toàn giỏ to, xúc đất thật đầy.

Ông Latil trả bọn người bảo tôi :

– Nhân cách như thế, mất nước là đáng. Ấy thế mà kiếm chuyện lẫn nhau thì không ai bằng đấy nhé. Tôi đã ở nước Tàu hai năm, tôi biết rõ người Tàu lắm. Họ ích kỷ quá đến thành bản thủ. Và cũng vì thế cho nên nước họ yếu. Lòng người thối nát một cách đáng thương.

Lên la câu truyện, rồi tôi hỏi đến sự học hành ở bên nước ông ta. Có một đoạn đáng ghi :

– Ở nước Tàu chỉ những con nhà giàu mới vào học được trường Cao đẳng. Ở nước tôi thì để dành cho những người có chí và có tài bất cứ giàu nghèo. Ông

nên nhớ nhà tôi nghèo lắm nhé. Lúc tôi vào Cao đẳng phải kiếm lấy tiền mà ăn học, các bạn tôi cũng thế, phần nhiều khi vào học Cao đẳng, nhà không nuôi cho nữa. Ông có biết tôi phải làm nghề gì để cho có tiền ăn học không ? Một ngày tôi làm ba nghề. Buổi sáng đi học, trưa vác biển quảng cáo thuê, đi khắp phố cho đến một giờ. Từ bốn giờ đến sáu giờ, tôi đánh giấy. Sáu giờ đến tám giờ rửa bát cho các hiệu cao lâu. Đêm mới được về học. Giờ vào lớp thì vui lắm. Một lớp tôi có hơn chín mươi người. Chúng tôi để những biển quảng cáo, những đồ đánh giấy, những hòm bán kẹo ở cả ngoài hiên rồi chúng tôi kéo vào học. Đến lúc tan học lại cất sách vở vào túi, rồi kéo ra lục các đồ lễ để kiếm ăn vác lên vai, rao vang từ cổng trường đại học mà rao đi. Không biết ở bên nước ông thế nào, chứ ở nước Tàu, tôi nghiệm thấy một điều những

người hơi có học một chút không chịu mớ vào những công việc làm bằng tay. Có lẽ họ cho như thế là mất thể diện. Ở bên nước tôi không thế, sự làm việc bằng tay chân được tôn thờ làm một đức tính quốc gia. Ông nên nhớ những Chúa nhật, chúng tôi kéo từng đàn, từng lũ về vùng quê chơi, hề thấy những người nhà quê gặt lúa hay phát cỏ, chúng tôi ùa nhau xuống làm giúp họ. Gặt lúa, xe rơm về nhà họ cho đến khi xong công việc mới lại kéo nhau đi. Bên nước tôi, như thế là thường, chẳng có gì là lạ.

Những nghỉ hè, tôi về quê, tôi cũng phải làm đủ thứ, vắt sữa, dọn chuồng bò, xe phân. Nhà tôi thừa dịp ấy thải một người ở ra cho đến khi tôi đi ra tỉnh mới lại mượn. Không hiểu sao ở đây những người có học không chịu mớ vào một việc nặng nhọc gì. Tôi tưởng cử động tay

chân tốt lắm chứ, vừa khỏe mạnh, vừa giúp ích cho người khác. Tôi sở dĩ thích ông là vì thấy ông tuy là chủ thầu mà nhiều khi cần phải làm, ông cũng không đá, đẽo cộc như mọi người.

– Không, tôi chỉ ra mẫu cho họ, chứ tôi thì cần phải trông coi mới có lợi hơn.

– Đành thế, nhưng cũng phải đã biết làm mới ra mẫu cho người ta được.

✱

Công việc này đáng lý ra thì lãi hơn một vạn bạc. Nhưng vì gặp phải giờ mưa nhiều là một, hai nữa lại phải đút lót nhiều nơi quá, chỗ thì hơn một nghìn, chỗ năm ba trăm, chỗ dăm ba chục thành ra nó hao hụt đi. Công việc gần xong thì số tiền vạn rưỡi chúng tôi

đem lên đã tiêu gần hết. Thiếu tiền, thiếu chùng gần hai nghìn.

Thôi đành là phải về Hà Nội xoay. Trước khi ra đi, gia huynh dặn lại tôi :

– Nếu tôi về Pakha mà xoay được thì càng hay, nhược bằng không thì tôi đi thẳng về Hà Nội, rồi tôi gửi mǎng-đa lên. Chú cứ yên lòng mà làm việc, không nao núng một tí nào.

– Anh về Pakha mà xoay được thì cũng không nên lên nữa. Tình hình chúng mình với các tay thế lực ở đây xem ra gǎng lắm. Một người ở ngoài, một người ở trong. Có gì còn dễ vận động, chứ ở đây cả, chúng nó tóm được cả hai...

– Tôi hiểu rồi, bây giờ còn có cái tàu bay ở đây, họ còn sợ, chứ một khi tàu

bay bay được đi rồi, họ có thể bắt cóc mình lắm lắm. Tôi ở ngoài thì vía... Con đường từ Pakha tới Vân Nam không bao xa. Lão quan Tàu dù muốn cho thủ hạ dờ dỏi cũng không dám. Họ còn sợ mất chức và nếu có tang chứng, tỉnh trưởng Long Vân có thể xử bắn y được. Người ta ai không sợ chết và sợ mất quan.

Lúc chia tay, lòng tôi nao nao mà gia huynh thì cũng ngùi ngùi. Gia huynh lo cho cái ngày mai của tôi không biết lành dữ thế nào, mà tôi thì lo gia huynh xoay tiền không được, hay không kịp. Ở Pakha, chúng tôi có quen ai!

Xét kết quả việc này thì thật đúng như lời gia huynh : «Đây để dưới một ngôi sao sáng, cứ lúc nào cùng quẩn thì tự khắc có người giúp». Y như rằng hai ngày sau gia huynh gửi được lên cho tôi đủ số tiền.

Gia huynh tuy không chịu đựng được phong sương và không thạo việc, nhưng có cái tài giao thiệp gỡ lại. Lúc này, mà không kiếm ra được tiền thì chịu đựng và thạo việc cũng hỏng bét.

Tôi hỏi người mang tiền thì y nói cho biết gia huynh nhờ được một người bạn mới quen ở đấy đem cầm nhựa thuốc phiện đi để giúp và ông bang Pắc cũng chạy hộ mấy trăm. Gia huynh về đến nơi nói một cái là người ta giúp ngay.

✱

Nói đến tâm địa người xạ-phang thì thật không còn có một chút lương tâm nữa. Họ có thể làm những việc tàn nhẫn mà mình không bao giờ có thể ngờ.

Ngài có thể giúp người xạ-phang

một trăm thứ việc, ngài nuôi họ trong nhà hàng hai mươi ngày, nhưng đến cái ngày thứ hai mươi mốt, ngài nhờ y một việc gì mà ngài không trả công cho y thì y có thể là kẻ thù của ngài ngay. Ngài có biết y viện cái có thể nào không? Đây mời các ngài hãy nghe :

Nó nuôi tao, nhưng bây giờ tao đã tiêu hết cái cơm ấy rồi. Nó chẳng nuôi tao thì tao cũng chẳng chết đói. Có ai chết đói bao giờ. Cái công ngày hôm nay nó không giả thì tao thiệt.

Đây, đại để những cái lý nhẽ bọn xạ-phang viện ra để vô ơn là thế cả. Cho nên ở vùng này đã có nhời nguyên: Không bao giờ nên làm ơn cho một tên xạ-phang.

Các ngài có bao giờ có thể tưởng tượng một tên xạ-phang có một con

ngựa thồ đi đường trường với một người bạn mà khi người ấy mệt lả gửi vào con ngựa của y cái áo hay một cái gói nhỏ độ một kilo, y cũng không bằng lòng cho gửi không? Ích kỷ đến như thế thật hết chỗ nói.

Ngài có thể rất thân với một tên xạ phong, nhưng khi ngài có tiền mà y hỏi vay không được y có thể giết hay dắt cướp về giết ngài để đoạt của ngay.

Vì biết rằng bao nhiêu ân tình đối với người xạ-phang cũng vô ích, cho nên ngoài mặt chúng tôi vẫn tử tế mà bên trong, chúng tôi cứ luôn luôn phải đề phòng. Cái lo nhất của chúng tôi là sợ khi tàu bay bay rồi — còn tàu bay ở đây thì không dám vì họ sợ Vân Nam buộc cho họ cái tội làm cản trở công việc nhà nước — họ bắt cóc chúng tôi để đòi tiền chuộc, vì họ cho là chúng tôi giàu lắm.

Có nhiều việc tức chết đi mà tôi cứ phải bưng tai giả điếc.

Gián hoặc như việc một người cai của tôi đánh rơi ba đồng bạc. Một tên xạ-phang bắt được, một tên khác trông thấy mách với người cai. Người cai ra khám túi lấy lại. Ấy thế là Hỏa nhơn hầu đệ tứ hương trói cái tên mách, đánh học máu mồm máu mũi, rồi bắt y phải bồi thường lại tên kia ba đồng bạc. Bồi thường thì nó lấy tiền đâu mà bồi thường, y lại khóc mếu với người cai. Người cai lại kể chuyện với tôi. Tôi giả vờ quát tháo đuổi tất cả đi không nghe, bởi nếu tôi dính vào thì phải làm cho ra nhẽ. Mà làm cho ra nhẽ thì gây thù kết oán. Tôi ngầm sai người bảo cai thí cho nó ba đồng bạc. Ba đồng bạc ấy Đệ tứ Hương nghiệm nhiên dứt túi.

Trong lúc y ăn ở với người dưới tôi đều giả như thế, nhưng thấy tôi, bao giờ y cũng khép nép nói những lời trung thành ngọt như mật. Còn tôi thì lâu lâu vẫn phải mời y ăn cơm. Thật là cố nén cái dạ dầy để khỏi mửa.

✱

– Thưa ông, thằng Song nó chết rồi ạ.

Thằng Song cũng là cu-ly người nam ông cai Quế đưa lên làm với chúng tôi.

Lúc này, những việc ốm đau chết chóc xảy ra ở quanh mình tôi đã nhiều rồi. Tôi đã hơi quen rồi. Vả lại, tôi còn bối rối về nhiều công việc, tôi không có thì giờ đâu để cho con tâm cảm động nữa. Tôi đưa ra năm đồng bạc để chôn cất, rồi

tôi liền nghĩ ngay đến việc khác.

Buổi chiều đi ngựa qua nương ngô, nhòm xuống thấy một đồng đá, tôi mới giật mình nhớ lại. Tôi lấy làm khiếp cho lòng ruột của tôi.

Thôi, thôi mau mau xong việc mà về, chứ cái nghề thầu khoán mà cứ kéo dài ra mãi thì tim tôi một ngày kia đến chai lại, rồi thì bao nhiêu tình cảm sẽ chết hết ở trong tôi.

Tôi rùng mình nhớ lại khoảng ngoài mười năm bôn tẩu mà lòng tôi đã như gỗ, đá, chỉ biết có lợi lộc, chỉ nghĩ đến công việc, ngoài ra chẳng biết một thứ gì khác.

Lòng thương hơi ngộ ngoạ là tôi bóp cổ nó vì tôi sợ những tiếng nhì nhèo của nó có thể làm hại đến công việc của

tôi. Năm năm cầm bút, tôi tha hồ cho nguồn tình cảm trào ra, lòng tôi đã thư thái, hồn tôi đã không đắm chiêu thì nay, vì cái túi tiền của gia huynh, tôi lại không thể không đắm chiêu cho được.

Giời mưa lấm tấm. Tôi ngả mũ chào cái vong hồn một kẻ cùng đồ rồi tôi thúc ngựa cho đi mau. Sau lưng tôi như có một cái gì đuổi theo.

Về đến nhà, ném cương cho một tên vệ binh, tôi tạt sang phía lều bọn phu người nam ở. Một bọn người hơi hám nằm ngổn ngang quanh mấy cái bàn đèn. Tôi lắc đầu:

– Chúng mày nhất định hút lấy chết đấy có phải không? Chúng mày nhất định không đi làm nữa phải không ?

– Thưa ông, chúng con ốm quá.

Tôi nhìn mặt họ thì họ ốm thật, ốm vì thiếu thuốc phiện cũng có, ốm vì nước độc cũng có. Giời ơi...! Nhưng nghề thầy khoán không phải là để nuôi những ông ốm và những ông nghiện ! Mà tôi, tôi có cái bốn phen phải bảo vệ cái túi tiền của gia huynh.

Ông cai Quế thật là báo hại, mộ phụ gì mà mộ toàn những ông nghiện oặt lên cho chúng tôi thế này ! Tôi thấy bức về chỗ gia huynh không nghe nhờ tôi, bỏ hơn trăm bạc nợ, tổng cổ ngay chúng nó về từ trước.

Tôi quay ra, rồi lại quay vào :

- Thằng Song nó chết về bệnh gì ?
- Thưa ông, vừa sốt rét, vừa đi lỵ.
- Hình như nó còn nợ hơn chục bạc?

– Thừa vàng.

Tôi ném ra đồng bạc.

– Thôi hút đi, rồi mai mà đi làm. Tao không trừ nợ đâu.

Tôi quên chưa nói với các ngài ông cai Quế lên làm với chúng tôi hơn một tháng liệu sức mình không thể kham nổi được vất vả xin về. Về đến Phố Lu, ông có gửi cho chúng tôi một bức thư trong đó có một bài vè dài gần hai trang, tôi tiếc không thể chép ra đây để các ngài xem.

Ông về thế cũng là phải. Gia huynh không chịu được ông. Mà tôi thì tôi không chịu được... cái chỗ cứ phải nhìn mãi một người thất thế cố dám ăn xôi.

Được tin bọn cai nói cho biết cu-ly chết nhiều quá, tôi ngờ là xảy ra bệnh dịch, tôi đã lo. Đến khi nghe họ kể chứng bệnh, tôi lại ngờ là bệnh đau màng óc, tôi càng lo hơn.

Bệnh đau màng óc thì tôi không có thuốc phòng bị, mà cũng chẳng biết cách nào để chữa.

Chẳng những lúc ấy tôi lo cho công việc gần xong đến nơi rồi bị đình trệ, tôi còn lo cho cả tính mệnh của tôi nữa. Trong lòng tuy nôn nao, nhưng ngoài miệng tôi vẫn nói cứng :

– À chả sao, cảm nắng gió thì chết, có cái gì.

Tôi rất sợ cu-ly biết tin thôi đi làm hết thì nguy to.

Tuy miệng vẫn hò hét cu-ly thúc chúng làm, nhưng óc thì bàng hoàng nhớ tới cái chết của bậc tiền bối là ông Nguyễn Văn Vĩnh ở xứ Lào, trong khi đi tìm mỏ vàng. Nhưng... Nguyễn tiên sinh đã có một sự nghiệp, thì chết đi cũng là thỏa cái chí kẻ làm trai, chứ tôi nào đã có một sự nghiệp gì.

Nhiều khi hốt hoảng, tôi lắng nghe cái tiếng lòng ghê sợ nó hỏi tôi :

– Hay mày trải bao gian nan để đến chết ở đây? Hay mày sẽ đến nằm cạnh thằng Song và thằng Thế ?

Thì cái bản năng tự vệ lại phản đối ngay :

– Không có lý. Bao nhiêu lần cách cái chết chỉ có một gang mà không chết thì bây giờ cũng không chết được. Người ta

có thể chết mà mày không chết đâu.

Nhớ lại, thì đã nhiều phen tôi thoát khỏi cái chết một cách không ngờ. Tôi lại đem lòng hy vọng ở ngôi sao số mệnh. Tôi tự nhủ :

– Giời đã cho mình thoát bao nhiêu lần chết chắc còn dành cho mình làm một việc gì, chứ chả lẽ lại bắt chết một cách vô lý như thế này.

Nói đại, giá tôi có bị chết ở Maoping thì tôi hận không tài nào nhắm mắt, có lẽ tôi thành một con tinh lê cái oan hồn mình đi khắp vùng ấy. Ủ, khi ở Cao-mên, tôi tham tiền xông xáo vào rừng sâu núi thẳm, làm những cái nghề ma quái thì có chết cũng đã đành, bởi cái sự nghiệp lúc ấy chẳng qua cũng là cái sự nghiệp... làm giàu. Chứ bây giờ, văn chương đã hé mở cho tôi một tí cửa, để tôi có thể nhìn đến

cái chân trời rực rỡ mà nếu cố công, tôi có thể bước tới, chết đi thì uất biết chừng nào. Lại chết trong cái lúc nguồn cảm hứng đang dồi dào thế này, chết trong cái tuổi ba mươi tư là cái tuổi người ta đã có thể bắt đầu kiến thiết một sự nghiệp !

Tôi đang luẩn quẩn với những ý nghĩ đen tối thì ở cạnh tôi một tên cu-ly đang làm buồng cuộc ngồi bệt xuống :

– Ông chủ ơi, con mệt và rức đầu quá, ông cho con nghỉ chiều hôm nay.

Trời ơi! Nếu số tôi không được sống lâu thì xin cho tôi sống mười năm nữa hay năm năm nữa thôi !

Tôi vội vàng bảo nó :

– Ừ thế về mau lên. Ra bảo cai nó đóng dấu cho mà về.

Tôi vất cho nó lọ dầu bạc hà. Lọ dầu ấy, tôi sợ lây, tôi cũng không dám lấy lại nữa. Tôi nhìn thấy nó mở nút lấy dầu xoa, rồi nó đứng dậy, nó đi mà tôi mừng quá. Nó mà ngã ra chết ở đây thì cu-ly loạn lên, mai chẳng còn ai đến làm nữa.

✱

Tôi đang thần thờ nghĩ liên miên thì ông Schneider đi qua.

– Ông mệt lắm à ? Lại đây nghỉ một chút uống bia với tôi. Ui chà, tôi chôn được hai chai bia mát quá. Trời nắng thế này, ông đang nắng từ sáng đến chiều, coi chừng ốm đấy.

Ông vừa nói, vừa nắm lấy tay tôi bóc những tảng da bị nắng làm chóc lên như da cóc.

– Ông Latil bảo ông giống một tên mọi đen. Đen quá.

Tôi cười gượng :

– Trước tôi cũng không đen mấy.

– Ô, đen tốt chứ.

Ông Latil cũng đến góp chuyện :

– Đàn ông đen tốt, trông vi tan (vital). Thế lại đẹp cơ.

– Phải đẹp ! Nhưng đen thế nào, chứ đen thế này thì cho khỉ nó trông.

– À về nhà nghỉ một dạo, da nó lại dạn ra chứ. Thôi ông cố thúc làm cho chóng đi, tôi liệu cho tàu bay bay ngay để ông về. Chú ở mãi đây thì ông cũng khổ mà chúng tôi cũng khổ.

Gia huynh đi, Wa Lâm đi, ông bang Pấn đi, ông bang Pinh Nam đi, một mình tôi trăm việc, muốn nghỉ một chút cũng không sao nghỉ được. Tôi liệu chừng cứ thể này mãi thì cái sức giỏi chịu đựng đến đâu, rồi cũng đến phải quy. Thì vừa may, ông bang Pấn cho con lên giúp tôi.

A Khiu là một thiếu niên rất lanh lẹ, rất thông minh, lại chăm chỉ nữa. Tôi chỉ bảo công việc cho y một buổi sáng thì y đã hiểu ngay. Tôi mừng quá và yêu y quá. Ông bang Pấn thật là tốt phúc. Ra đời, phải là những hạng thiếu niên này. Y lại cũng có sức khỏe, có thể dầm nắng mưa cả ngày.

Tôi hỏi chuyện y thì ra cả một lán gỗ ở Bao-nhai, ông bang Pấn đều giao cho y trông nom. Khi nào gỗ về gần đến bến, ông bang Pấn mới ung dung bước lên tàu về chờ ở Hà Nội để bán. Tất cả những

người giúp việc tôi, tôi chỉ bằng lòng có y và cai Dĩa.

Một hôm giờ mưa, ngồi ở trên lều, y giơ tay cho tôi xem rồi bảo :

– Ba cháu nói ông biết xem tướng, ông xem tướng cho cháu với.

– Tướng em không cần phải xem. Em cứ tin chắc rằng nếu em cứ giữ cái tính chăm chỉ và thực thà mãi mãi thì không bao giờ em phải kém ai. Em đi đến đâu cũng có người yêu, kẻ quý. Em làm việc gì cũng phải phát đạt. Sự giàu bạc vạn là một may rủi chẳng kể, chứ một người không bao giờ chịu để yên chân tay thì thế nào cũng sung túc.

Y tỉ tê ngồi kể cuộc đời sống của y cho tôi nghe. Mới mười tám, mười chín tuổi đầu mà đã nhiều lần, một mình, một

dao, một ngựa, y tải hàng năm trăm bạc thuốc phiện xuyên qua rừng.

– Thế em không sợ à ?

– Sợ lúc ấy, cũng chẳng được nữa.

*

Tôi đang neo người, Á Khiu lên tôi đã mừng. Lại ông Pinh Nam sai con lên lấy súng về. Tôi giữ ngay Á Phát ở lại để giúp việc. Á Phát cũng lanh lẹ, cũng giúp tôi được nhiều việc. May biết chừng nào.

Cổ nhân có nói: «Thấy cái mừng chớ vội mừng, thấy cái lo chớ vội lo. Trong một cái may, biết đâu chẳng có một cái rủi, trong một cái rủi, biết đâu chẳng có một cái may».

Cả hai người đều làm cho tôi hú vía. Sau hai lần chết hụt ấy, tôi mới nhận thấy cổ nhân nói đúng vô chừng. Lần trước, vì tính tôi cẩn thận mà tôi thoát chết. Lần sau thì thật là lòng giời còn tựa chưa nỡ giết tôi.

A Khiu đi tải tiền ở Pakha về đưa bì súng lục cho tôi.

– Em tháo đạn ra rồi chứ ?

– Vâng, cháu tháo xác-dơ (chargeur) cất vào bì tử tế rồi.

Tôi ném bì súng lục xuống giường, yên trí rằng y đã ở rừng thì cũng đã biết dùng súng lục. Nhưng khi cơm xong, sắp đi nằm, tôi đem các súng lục ra xét lại một lượt. Buổi tối nào cũng như thế, vì tôi sợ nhỡ động dụng, súng có làm sao thì thật là nguy khốn. Tôi xét chiếc súng lục của

tôi trước, rồi thì tôi cầm đến khẩu súng của A Khiu. Quái, súng đã tháo chargeur rồi mà sao lại hơi nặng. Tôi nhòm thì chargeur tháo rồi thật. Tôi... kéo cò hăm nhìn vào lòng súng thì... một viên đạn vàng ủng nằm ở trong! Giời ơi ! Thì ra lúc đi rừng, y đã lên cò, một viên đạn đã từ chargeur này vào lòng súng. Đến khi y kéo chargeur ra thì chỉ kéo có sáu viên còn trong chargeur, viên đạn đã nẩy vào lòng súng vẫn nằm yên trong lòng súng.

Nếu tôi không cẩn thận ?

Tôi sực nghĩ đến những người chơi súng lục vì sơ xuất mà đã xảy ra bao nhiêu tai nạn thê thảm... Tôi làm nẩy hòn đạn ấy ra, rồi tôi cầm lấy tung lên tung xuống trong lòng bàn tay. Sau tôi đưa cho A Khiu :

– Một suýt nữa em giết anh đấy.

Lần sau thì thật tôi chỉ còn cách cái chết có một ngón tay. Lửa đạn tràn cả vào má tôi, tôi thấy nóng rực một bên thái dương.

Lạ một điều lần trước cầm viên đạn thì tay tôi run lên, lòng tôi lạnh buốt, mà lần này thì sau khi tiếng súng nổ dứt, tôi bình tĩnh như thường. Có lẽ lúc ấy, tôi còn mừng vì sống sót mà chưa kịp có thì giờ để sợ.

Hay người ta chỉ sợ cái chết sắp đến mà không sợ cái chết đã đến ? Nếu có thể thì chẳng qua cũng là do sự làm việc nhiệm mầu của tưởng tượng.

Tối hôm ấy, tôi cho các cai hút thuốc phiện, vì A Phát mai phải đem súng về.

A Phát ngồi cạnh tôi, mấy khẩu súng lục để ở bên khay đèn. Nhân nhớ đến truyện A Khiu, tôi cầm súng dạy A Phát cách tra đạn, tháo đạn và cách bắn. Tôi lên cò hãm cẩn thận rồi đặt xuống. A Phát cầm lấy :

– Cháu tháo và lắp đạn một lần thử để ông xem xem có đúng không.

Tôi nhìn thì đúng lắm. Tôi cũng lại đình ninh rằng y biết rồi. Tôi không để ý đến nữa. A Tôm tiêm xong mời tôi hút. Tôi nằm xuống, hút xong, tôi ngồi dậy nói chuyện với cai Quý. Bỗng A Phát quay sang tôi nói :

– Có một lần, cháu thấy người ta cũng chưa cho đạn lên lòng súng mà sao đụng vào cò như thế này nó cũng nổ.

Miệng nói, tay cầm súng thực hành

ngay. Một tiếng nổ định tại, lửa lóe như chớp. Thì ra trong cái lúc tôi nằm hút thuốc phiện, y đã giương cò để cho một hòn đạn nằm vào trong lòng súng lúc nào mà y cũng không biết.

Tôi không mắng qua y một lời, tôi sai người đào viên đạn đồng mắc vào tường đem ra để giữ làm kỷ niệm. Cai Quý cầm lấy hòn đồng mân mê, nhìn ngắm rồi bỗng y thốt ra :

– Giặc nó bắn chưa thấy đâu, một suýt ông đã chết về viên này. Cháu trông thấy cậu ấy giờ súng sát hẵn mang tai ông. Cái này vào đầu thì đầu phải tan như xác pháo.

Y nói xong, cười khì khì.

Qua hai lần chết hụt ấy, tôi lại càng tin tưởng ở số mệnh mình. Có lẽ cái

lòng tin tưởng ấy nó trẻ con, nhưng tôi vẫn tin rằng giới bắt đời tôi gian chuân thế này, ý hẳn để cho tôi làm một việc gì rồi mới chết.

Lý luận ra thì tin như thế là ngốc. Nhưng linh khiếu có nhiều chỗ thần diệu mà khoa học chưa biết tới được.

Tôi tin rằng tôi khó chết lắm, vì có phải hai lần này tôi sống sót đâu, tôi chết hụt đã bao nhiêu lần. Ôi, tôi không dám cầu sống nhiều, tôi chỉ xin với giới mười lăm năm nữa. Mười lăm năm đối với sự cố công của một nhà văn cũng đã là nhiều rồi. Đến cái tuổi ấy mà tôi chưa lập được một sự nghiệp văn chương, chưa viết được một tác phẩm giá trị thì là cái tài tôi không có, chết đi cũng chẳng còn ân hận gì nữa.

hiếc tàu bay đã kéo xuống đường. Ông Schneider và ông Latil sau khi bắt tay tôi đã trèo lên. Ở đầu đường, tôi đã cho đốt một đồng dấm, khói bốc lên ngùn ngụt.

Phi công để hết mắt nhìn làn khói tỏa trên khu rừng cấm, chờ một khắc gió nam. Cái phút hồi hộp cho tất cả mọi người.

Tại làm sao lại phải chờ gió Nam là trận gió lúc này sẽ thổi ngược vào mũi tàu bay? Những trận gió ngược chiều như thế là một trợ lực tối kỵ và có thể đem đến nguy hiểm cho chiếc tàu bay trong khi đang bay. Tại sao bây giờ người ta lại phải cần đến ?

Là để cho khi tàu bay mở máy chạy,

nó thỏỉ vầo nhữnđ gouvěrnails de profondeur⁹ lúc ấy đả cặp cả xuốđ, để cho tầu bay chốđ cắỉ mìnđ khỏỉ mặỉ đấỉ. Nếủ ở bảỉ tầu bay rộđ và dàỉ, người ta khỏỉ phải cầỉ đến nhữnđ trậỉ gió ngược ấy trong khi tầu bay cắỉ cắỉ, cứ đả máỉ cũđ đủ làm cho tầu bay lên rồi. Nếủ vì ở đầỉ đườđ đắỉ, người ta sợ chạy quá ba trắỉ thườỉ mà tầu bay chưa đủ đả cắỉ khỏỉ mặỉ đấỉ thì sẽ bị lắỉ xuốđ vựỉ. Ở trườđ bay thì lại khắỉ, cứ cho tầu bay chạy đườỉ đấỉ, bao giờ tầu bay lên thì thỏỉ.

Chúđg tồỉ chờ mườỉ phứỉ, nửỉ giờ, mặỉ giờ, ngọn gió nam quý hóỉ vắỉ chưa đến cho. Lồđg khắỉ khoỏỉ của chúđg tồỉ lúc này nó cũđ có họ hàng hỏỉ hướỉ với lồđg khắỉ khoỏỉ của Chu Lang chờ ngọn gió Đồđg của Gia Cát trong trậỉ

9 cắỉ tầ.

Xích Bích.

Phi công vẫn ngồi trên tàu bay chăm chú nhìn làn khói, chúng tôi đứng cạnh chăm chú nhìn phi công. Wa Lâm sốt ruột khẽ bảo tôi :

– Chỉ một phút gió thôi, sao giờ hôm nay hà tiện thế ?

– Không cần đến một phút, chỉ hai ba tích tắc là thừa đủ rồi.

Đứng mãi mỗi chân, chúng tôi ngồi cả xuống vệ đường. Bỗng khói xanh mù mù thổi lại phía chúng tôi. Chúng tôi đứng phắt dậy như những lò xo. Một cái ngoắt tay của phi công, hai người vác hai cái búa lớn chạy đến đánh bật hai miếng gỗ chặn ở bánh xe. Máy gầm lên, cánh quạt thổi bụi tung giời, tàu bay đâm thẳng vào lốc bụi. Một loáng, chúng ta

đã thấy nó ở trên mây xanh.

Tiếng hò reo hòa vào tiếng súng nổ. Tàu bay lượn trên đầu chúng tôi. Súng sướng như điên, như cuồng, tôi tung mìn lên trời rồi cứ súng lục nã mãi vào nó.

✱

Tàu bay đã qua khỏi chòm núi trắng. Tôi ngẩn ngơ nhìn những người đứng chung quanh, mặt ai cũng đầy một vẻ hân hoan. Tôi ngẩn ngơ nhìn con đường thẳng tắp mà sự gây dựng nên nó đã làm tốn bao nhiêu tiền bạc, bao nhiêu huyết hãn, bao nhiêu mạng người, và nếu không may mắn thì cả cái mạng tôi nữa.

Tàu bay bay đi rồi. Con đường này, bây giờ, không còn cái lẽ sống của nó nữa rồi. Trước đây một phút, nó trọng

đại biết mấy, còn bây giờ...

Tôi bồi hồi nghĩ đến những công trình chốc lát để cho những cái công dụng chốc lát của loài người. Rồi trong chỗ sâu thẳm của lòng tôi, một cái gì như bực tức nổi lên.

Làm nên con đường này, tôi đã phải phí bao nhiêu thì giờ, bao nhiêu mồ hôi, bao nhiêu tâm cơ ; tôi đã phải đi cạnh cái chết, tôi đã phải lớn vồn với bệnh sốt rét, với bệnh lỵ, với bệnh đau màng óc, với những viên đạn của bọn giặc cỏ. Để làm gì?

Tôi lên đây tất cả gần ba tháng. Mỗi ngày ít ra tôi làm việc hơn mười hai giờ, mười hai giờ làm việc dưới nắng, dưới mưa.

Nếu gần một nghìn giờ đồng hồ ấy,

tôi dùng vào việc trước tác ? Thì ít nhất, sau khi buông cây viết, nhìn đến cái tác phẩm còn nóng hổi những chất óc, máu tim, tôi cũng có được cái kiêu hãnh rằng cái công việc tôi làm đó không phải để cho một công dụng chốc lát. Ít nhất, tôi cũng có một cái viễn vọng biết đâu chẳng là một viễn vọng mà lòng tự ái đối tôi — rằng những tư tưởng tôi viết ra trong cơn sốt, cơn rét, cơn mê, cơn sáng tuy bây giờ chỉ mới là những cái trứng, nhưng rồi một ngày kia, nó thành hình, nó có chân, nó đi, đi khắp đất nước. Rồi, một buổi mai kia, tác phẩm tôi rơi vào tay một bạn đồng tâm... Bạn thấy rằng tuy tài tôi kém, nhưng lòng tôi thành, bạn nói cho một câu :

– Người này đã thiết tha nghĩ đến chúng ta, đã thiết tha nghĩ đến ngày mai của giống nòi.

Ấy thế thì dù lúc đó, xác tôi đã vùi sâu ở dưới ba thước đất, hồn tôi cũng được thỏa vô cùng.

Các văn sĩ và thi sĩ, bạn tôi, đều nuôi cái hy vọng rằng tác phẩm mình sẽ để lại muôn đời và nó sẽ đưa tên mình đến chỗ bất tử.

Những tác phẩm của tôi nếu may ra người sau còn đọc thì càng hay, nhưng chính ra cái ý nguyện của tôi khi cầm bút thì nó không cao xa như thế. Tôi chỉ mong sao giúp ích một chút cón con trong sự gây dựng một tinh thần dũng mãnh cho thanh niên bây giờ. Thế thôi. Tôi chỉ muốn rằng thanh niên phải nhận chân lấy cái thiên chức của mình và phải biết sống một cách kiêu hãnh, lấy sự mình bằng lòng mình làm cái phần thưởng quý giá nhất cho cuộc đời mình. Tôi muốn cho mọi người biết rằng hạnh

phúc tìm thấy ở trong lòng chúng ta, ở sự cố gắng, ở sự mài dũa nhân cách, chứ không phải ở ngoại vật. Tương lai chúng ta là chúng ta đó. Một khi tim chưa trong, óc chưa sáng, tay chưa mạnh, nói đến tương lai là một điều vô nghĩa. Phải tìm cái thực hiện của tương lai ở trong cái thực hiện bốn thân mình.

✱

Tôi đứng tần ngần ngắm con đường thì Wa Lâm cũng đứng tần ngần ngắm tôi. Một lúc lâu, tôi quay sang thì gặp cái nhìn của Wa Lâm. Wa Lâm tiến lại:

– Thôi thế là xong rồi. Ta về chứ.

Tôi quay nhìn con đường một lần cuối cùng :

– Ủ thế là xong rồi.

Miệng tôi tuy nói thế, nhưng bụng tôi nghĩ khác. Công việc này đối với mọi người thế là xong rồi, nhưng đối với tôi nó còn chưa xong: hơi hướng nó còn đượm mãi ở trong những trang sách của tôi sau này.

Sự kinh doanh đối với người khác chỉ là một việc kiếm tiền nhưng với tôi, ngoài vấn đề kiếm tiền, nó còn là một thí nghiệm sự sống để thử thách bản ngã, và một dịp để lăn mình vào từng sâu của cuộc đời.

Tôi được may mắn hơn mọi người ở chỗ ấy. Tôi bồi hồi cảm ơn cái Định mệnh nó đã khiến tôi thành văn sĩ.

HẾT

Hanoi, Février 1940

In xong ngày 10 Juillet 1940

Tại nhà in **Tân Dân**, 93 Phố

Hàng Bông Hà-Nội (Bắc kỳ)

Dây nói số 648

